

THẮNG GIẢI

Tu tập

BÁT CHÁNH ĐẠO  
HỮU LẬU  
và  
BÁT CHÁNH ĐẠO  
VÔ LẬU



## MỤC LỤC

|                                              |    |
|----------------------------------------------|----|
| Lời Thưa.....                                | 10 |
| Chương Một: Tứ Thánh Đế.....                 | 14 |
| A. Nội Dung Tứ Diệu Đế.....                  | 24 |
| I. Khổ Thánh Đế.....                         | 24 |
| 1. Sinh là khổ.....                          | 24 |
| 2. Già là khổ.....                           | 27 |
| 3. Bệnh là khổ .....                         | 27 |
| 4. Chết là khổ .....                         | 28 |
| 5. Thương yêu mà xa lìa là khổ.....          | 30 |
| 6. Cầu mong không được là khổ.....           | 30 |
| 7. Oán ghét gặp nhau là khổ.....             | 31 |
| 8. Năm thú uẩn là khổ.....                   | 31 |
| II. Tập Thánh Đế.....                        | 35 |
| III. Diệt Thánh Đế.....                      | 36 |
| IV. Đạo Thánh Đế.....                        | 38 |
| 1. Bát Chánh đạo .....                       | 44 |
| Nội dung tám chi phần của Bát Chánh đạo..... | 45 |
| b. Tu tập Bát Chánh đạo.....                 | 59 |
| Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu.....            | 59 |

|                                                                                 |     |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu .....                                               | 62  |
| Tu tập Bát Chánh đạo chính là tu tập Giới - Định - Tuệ ...                      | 67  |
| Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định -<br>tuệ hữu lậu ..... | 67  |
| Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định –<br>tuệ vô lậu .....   | 75  |
| c.Tu tập Bát Chánh đạo chính là tu tập Tứ vô lượng tâm.                         | 78  |
| Tâm từ vô lượng.....                                                            | 78  |
| Tâm bi vô lượng .....                                                           | 78  |
| Tâm hỷ vô lượng .....                                                           | 79  |
| Tâm xả vô lượng .....                                                           | 80  |
| d. Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu liên hệ với sự thành tựu Tứ<br>Thánh quả .....   | 81  |
| Thánh quả Tu-đà-hoàn (Thất lai) .....                                           | 81  |
| Thánh quả Tư-đà-hàm (Nhất lai) .....                                            | 87  |
| Thánh quả A-na-hàm (Bất lai) .....                                              | 88  |
| Thánh quả A-la-hán (Vô học) .....                                               | 93  |
| 2. Tứ Niệm Xứ .....                                                             | 97  |
| a. Nội dung Tứ Niệm xứ: .....                                                   | 98  |
| b. Tu tập: .....                                                                | 100 |
| 3. Tứ Chánh Cần.....                                                            | 104 |

|                                                                               |     |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----|
| a. Nội dung Tứ Chánh cần: .....                                               | 104 |
| b. Tu tập Tứ Chánh cần:.....                                                  | 105 |
| 4. Tứ Như Ý Túc .....                                                         | 107 |
| a. Nội dung Tứ Như ý túc:.....                                                | 108 |
| b. Tu tập Tứ Như ý túc:.....                                                  | 109 |
| 5. Ngũ Căn.....                                                               | 111 |
| a. Nội dung Ngũ căn: .....                                                    | 111 |
| b. Tu tập Ngũ căn.....                                                        | 112 |
| 6. Ngũ Lực .....                                                              | 114 |
| a. Nội dung Ngũ lực: .....                                                    | 114 |
| b. Tu tập Ngũ lực.....                                                        | 115 |
| 7. Thất Giác Chi .....                                                        | 116 |
| a. Nội dung Thất Giác chi:.....                                               | 116 |
| b. Tu tập thất giác chi.....                                                  | 117 |
| 8. Bát Chánh đạo thấu tóm các Đạo đế, Tứ vô lượng tâm<br>và Tứ nhiếp sự. .... | 119 |
| V. Kết Luận Tứ Thánh Đế.....                                                  | 124 |
| B. Luận Nghĩa Tứ Thánh Đế.....                                                | 126 |
| Chương Hai: Pháp Mười Hai Duyên Khởi.....                                     | 133 |
| I. Nội Dung Mười Hai Chi Duyên Khởi.....                                      | 138 |

|                                                                                      |     |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 1. Vô minh.....                                                                      | 138 |
| 2. Hành.....                                                                         | 140 |
| 3. Thức.....                                                                         | 140 |
| 4. Danh sắc.....                                                                     | 143 |
| 5. Lục nhập (Lục xứ) .....                                                           | 143 |
| 6. Xúc .....                                                                         | 144 |
| 7. Thọ.....                                                                          | 144 |
| 8. Ái .....                                                                          | 144 |
| 9. Thủ.....                                                                          | 145 |
| 10. Hữu.....                                                                         | 145 |
| 11. Sinh.....                                                                        | 148 |
| 12. Lão-tử.....                                                                      | 148 |
| II. Dòng Lưu Chuyển Sinh Tử .....                                                    | 148 |
| 1. Vô minh và hành là nhân quá khứ (Tập đế) .....                                    | 154 |
| 2. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ là quả hiện tại<br>(Khổ đế-năm thủ uẩn)..... | 154 |
| 3. Ái, thủ và hữu là nhân hiện tại (Tập đế) .....                                    | 155 |
| 4. Sinh và lão-tử là quả vị lai (Khổ đế-năm thủ uẩn) .....                           | 156 |
| III. Dòng Hoàn Diệt .....                                                            | 158 |
| IV. Luận Nghĩa Pháp Mười Hai Duyên Khởi.....                                         | 160 |

|                                                       |     |
|-------------------------------------------------------|-----|
| Chương Ba: Nhân Quả Và Nghiệp Báo .....               | 164 |
| I. Nhân Quả .....                                     | 164 |
| 1. Nhân quả đồng thời: .....                          | 164 |
| 2. Nhân quả khác thời:.....                           | 165 |
| II. Nghiệp Báo.....                                   | 168 |
| 1. Định nghĩa .....                                   | 169 |
| 2. Phân loại nghiệp.....                              | 170 |
| a. Thiện nghiệp .....                                 | 170 |
| b. Ác nghiệp.....                                     | 174 |
| c. Vô ký nghiệp.....                                  | 183 |
| 3. Các loại nghiệp dẫn sinh khi chết.....             | 184 |
| a. Hạng người thứ nhất.....                           | 191 |
| b. Hạng người thứ hai.....                            | 191 |
| c. Hạng người thứ ba .....                            | 192 |
| d. Hạng người thứ tư.....                             | 193 |
| III. Bát Chánh Đạo Liên Hệ Với Nhân Quả Và Nghiệp Báo |     |
| 193                                                   |     |
| 1. Nhân thiện và quả lạc:.....                        | 194 |
| 2. Nhân bất thiện và quả khổ: .....                   | 194 |
| 3. Nghiệp thiện và quả lạc: .....                     | 194 |

|                                              |     |
|----------------------------------------------|-----|
| 4. Nghiệp bất thiện và quả khổ:.....         | 194 |
| Chương Bốn: Tóm Lược Nội Dung Tập Sách ..... | 196 |
| I. Chánh kiến văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ .....  | 196 |
| 1. Chánh kiến văn tuệ .....                  | 196 |
| 2. Chánh kiến tư tuệ .....                   | 196 |
| 3. Chánh kiến tu tuệ .....                   | 196 |
| 3.1 Chánh kiến tu tuệ hữu lậu .....          | 196 |
| 3.2 Chánh kiến tu tuệ vô lậu .....           | 196 |
| II. Tứ Thánh Đế .....                        | 197 |
| 1. Khổ Đế .....                              | 197 |
| 2. Tập Đế .....                              | 197 |
| 3. Diệt Đế .....                             | 197 |
| 4. Đạo Đế .....                              | 197 |
| 4.1 Tu tập Bát chánh đạo .....               | 197 |
| 4.2. Tứ Niệm Xứ .....                        | 201 |
| 4.3 Tứ Chánh Cần .....                       | 201 |
| 4.4 Tứ Như Ý túc .....                       | 202 |
| 4.5 Ngũ Căn và Ngũ Lực .....                 | 202 |
| 4.6 Thất Giác chi .....                      | 203 |

|                                                                                       |     |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 4.7 Bát Chánh đạo thấu tóm các Đạo đế, Tứ vô lượng tâm và Tứ nhiếp sự.....            | 204 |
| 5. Kết Luận Tứ Thánh Đế.....                                                          | 205 |
| III. Pháp Mười Hai Duyên Khởi .....                                                   | 206 |
| 1. Dòng lưu chuyển.....                                                               | 206 |
| 1.1. Vô minh và hành là nhân quá khứ (Tập đế) .....                                   | 206 |
| 1.2. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ là quả hiện tại (Khổ đế - năm thủ uẩn)..... | 206 |
| 1.3. Ái, thủ và hữu là nhân hiện tại (Tập đế).....                                    | 207 |
| 1.4. Sinh và lão-tử là quả vị lai (Khổ đế - năm thủ uẩn) .                            | 207 |
| 2. Dòng hoàn diệt.....                                                                | 207 |
| IV. Bát chánh đạo liên hệ với nhân quả - nghiệp báo.....                              | 207 |
| 1. Nhân thiện và quả lạc:.....                                                        | 208 |
| 2. Nhân bất thiện và quả khổ: .....                                                   | 208 |
| 3. Nghiệp thiện và quả lạc: .....                                                     | 208 |
| 4. Nghiệp bất thiện và quả khổ:.....                                                  | 208 |

## LỜI THƯA

Tứ Thánh đế là giáo pháp quan trọng bậc nhất đối với những người tu học theo lời dạy của Đức Phật.

Vì vậy, dù chúng ta thuộc truyền thống Phật giáo Nguyên thủy hay truyền thống Phật giáo Đại thừa, cũng đều bắt đầu tu học từ nơi nền tảng của giáo pháp này.

Tứ Thánh đế gồm Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Tuy Đạo Thánh đế gồm 37 pháp, nhưng trong đó, Bát Chánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất, vì thâu tóm tất cả Đạo đế còn lại.

Cho nên trong *Tạp A-hàm*, kinh *Lục Nhập Xứ*, số 305, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy: *“Khi tu tập tám Thánh đạo đã đầy đủ rồi thì bốn Niệm xứ cũng tu tập đầy đủ và bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần cũng tu tập đầy đủ”*.

Trong kinh *Đại Thiên Nại Lâm*, *Trung A-hàm*, số 67, Đức Phật dạy: *“Nay Như Lai trao pháp Bát Chánh đạo cho A-nan, thầy A-nan phải gìn giữ và trao truyền lại, để cho chánh pháp không bị diệt vong”*.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Sa-môn Pháp Sa-môn Quả*, số 765, Đức Phật dạy pháp và quả của Sa-môn: *“Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám chi Thánh đạo, từ Chánh kiến... cho đến Chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán*.

*Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si còn*

*mỏng. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn sạch hết năm hạ phần kết. Thế nào là quả A-la-hán? Đoạn trừ vĩnh viễn tham, nhuế, si; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các thứ phiền não”.*

Trong *Tập A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo*, số 785, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và trong kinh *Trung Bộ III, Đại Kinh bốn mươi*, do Hòa thượng Minh Châu dịch, Đức Phật dạy: *“Bát Chánh đạo gồm có hữu lậu và vô lậu”.*

Theo *Từ Điển Phật Học* giải thích nghĩa của hữu lậu là chảy mất, rò rỉ ra, phiền não, Khổ đế – Tập đế; còn vô lậu là không có sự rò rỉ, chảy ra, Diệt đế – Đạo đế (vô lậu).

Từ đó, chúng ta biết rằng: tất cả chúng ta đều vốn có tâm hữu lậu (hay vọng tâm) và tâm vô lậu (hay chân tâm). Trong đó, tâm hữu lậu là Khổ đế – Tập đế. Còn tâm vô lậu là Diệt đế – Đạo đế vô lậu.

Vì thế, tất cả phương pháp tu tập của cả hai truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa đều tu tập Bát Chánh đạo.

Trong Bát Chánh đạo, Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện); còn Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định (*Tiểu Kinh Phương Quảng, Trung Bộ I, số 44*).

Nghĩa là, trong Bát Chánh đạo, năm chi gồm Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc về tâm, được phân làm hai nhóm: nhóm định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và nhóm tuệ

(Chánh kiến và Chánh tư duy). Ba chi còn lại là Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc về thân (hay thân và khẩu), được gom chung thành nhóm giới.

Như vậy, tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu nghĩa là tâm an trụ trong định hữu lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) – tuệ hữu lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Còn các bậc Thánh giả (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả và Tứ quả) tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu có nghĩa là các ngài sống trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Chính vì ý nghĩa đó, người xuất gia và cư sĩ tại gia đều do tu tập Bát Chánh đạo nên thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật.

Cho nên trong *Trường A-hàm*, Đức Phật dạy cho ngài Tu-bạt-đà-na: *“Trong giáo pháp nào có Thánh đạo tám chi thì ở đó có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư. Nay trong giáo pháp này có Thánh đạo tám chi nên có quả vị Sa-môn thứ nhất, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư”*. Còn trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*, số 189, Đức Phật dạy: *“Bậc Thánh Hữu học thành tựu tám chi phần Bát Chánh đạo; còn bậc Thánh Vô học thành tựu mười chi, thêm hai chi nữa là Chánh giải thoát và Chánh trí”*.

Vì vậy, trong lộ trình tu chứng của Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật: bậc Thánh Sơ quả đã đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên gọi là Thất lai.

Bậc Thánh Nhị quả làm giảm, mỏng tham, sân và si câu sinh đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn nên gọi là Nhất lai. Bậc Thánh Tam quả đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên gọi là Bất lai.

Bậc Thánh A-la-hán đoạn trừ chấp ngã (phiền não chướng) nên thành tựu Niết-bàn Hữu dư y và Niết-bàn Vô dư y. Đức Thế Tôn đã đoạn trừ chấp ngã (Phiền não chướng) và chấp pháp (Sở tri chướng) nên thành tựu Vô trụ xứ Niết-bàn.

Với ý nghĩa quan trọng này, mỗi chúng ta cần phải nỗ lực tu tập Bát Chánh đạo từ hữu lậu đến vô lậu để nhận biết về khổ đế, đoạn trừ tập đế, nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật.

*Mùa Phật Đản PL 2566 – 15.05.2022*

*Với tất cả tấm lòng trân trọng,*

***Thắng Giải***

## CHƯƠNG MỘT: TỨ THÁNH ĐẾ

Chúng ta biết rằng, Tứ Thánh đế là một trong những nền tảng giáo pháp quan trọng bậc nhất để học hỏi, tư duy và thực tập. Bởi vì nội dung của Tứ Thánh đế đã bao hàm tất cả các phương pháp tu tập của cả hai truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa.

Chính vì ý nghĩa quan trọng đó nên trong *Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*, Đức Phật đã chỉ dạy như sau:

*“Đây là pháp được tuyên thuyết chân chánh vận hành, tức là Tứ Thánh đế. Trong quá khứ, các Đức Như Lai cũng có chánh pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh đế. Trong đời vị lai, các Đức Như Lai cũng có sự công bố chánh pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh đế. Trong đời hiện tại, ta là Như Lai cũng có sự công bố chánh pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh đế”* (Trích *Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế* – Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Trong kinh *Tượng Tích Dụ*, ngài Xá-lợi-phất dạy:

*“Này chư Hiền, nếu có vô lượng thiện pháp thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đế. Nghĩa là trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất. Vì sao thế? Vì nó nhiếp thọ tất cả các thiện pháp.*

*Này chư Hiền, cũng như trong các dấu chân của loài thú vật, dấu chân voi là bậc nhất. Vì sao thế? Vì dấu chân voi rất là to lớn vậy. Cũng vậy, này chư Hiền, có vô lượng thiện pháp thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào*

*bốn Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đế. Nghĩa là trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất”.*

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Chuyển Pháp Luân*, Đức Phật đã chuyển vận Pháp luân Tứ Thánh đế ba lần với mười hai hành tướng. Với ý nghĩa này, theo luận *Câu-xá* (trang 453-454) giải nghĩa như sau: *“Thế nào là ba chuyển? Ba lần vận chuyển các Chân đế*

*Mười hai hành tướng?*

*Ba lần tác động bốn chân đế. Nói rằng, (1) “Đây là khổ, đây là tập, đây là diệt, đây là đạo”; (2) “khổ cần biến tri, tập cần phải đoạn, diệt cần phải chứng, đạo cần phải tu”; (3) “khổ đã biến tri, tập đã đoạn, diệt đã chứng, đạo đã tu.”*

*Thế nào gọi là chuyển?*

*Vận chuyển pháp môn Tứ đế này tiến vào trong thân tương tục người khác, vì khiến cho hiểu nghĩa.*

*Hoặc chính toàn bộ Thánh đạo là pháp luân, vì tiến hành trong thân tương tục của đối tượng cần được giáo hóa.*

*Thế nhưng, pháp này khởi sự vận chuyển trong thân tương tục do sự phát sinh của kiến đạo, do đó được gọi là chuyển. (Khi kiến đạo được phát sinh thì lúc bấy giờ thánh đạo bắt đầu được vận chuyển). ”*

***Thị chuyển***

Thị chuyển nghĩa là Đức Phật dạy Tứ Thánh đế lần thứ nhất cho năm anh em ngài Kiều Trần Như như sau: *“Đây là Khổ Thánh đế, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh thì phát sanh nhãn, trí, minh, giác. Đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, là pháp vốn*

*chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh thì phát sanh nhãn, trí, minh, giác.”*

Nhận thức đúng như thật về Tứ Thánh đế chính là bước căn bản đầu tiên đối với những người học Phật.

Để có được Chánh kiến này, chúng ta cần nghe Phật pháp thông qua lời dạy của các bậc Thiện tri thức như quý thầy, quý sư, quý sư cô, cùng những cư sĩ nam, cư sĩ nữ có tu học Phật pháp; đọc các sách viết về Phật học; cũng như dịch thuật và nghiên cứu những lời dạy của Đức Phật qua các bộ kinh, luật và các bộ luận thuộc cả hai truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa. Nhờ vậy, chúng ta mới có được nhận thức đúng đắn về giáo pháp Tứ Thánh đế. Đây chính là Chánh kiến của văn tuệ.

Chúng ta nhận thức đúng đắn về Tứ Thánh đế: đó là nhận thức về Khổ Thánh đế, Tập Thánh đế, Diệt Thánh đế và Đạo Thánh đế.

Nhận thức đúng đắn về Khổ Thánh đế: Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; thương yêu mà xa lìa là khổ; mong cầu không được là khổ; oan gia mà đối đầu hay những người mình không ưa mà gặp, gần gũi nên khổ; tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Đây chính là quả sinh tử khổ đau của tất cả chúng sanh trong các giới loại.

Nhận thức đúng đắn về Tập Thánh đế: Vô minh, tham ái, chấp thủ năm thủ uẩn làm thực ngã, là nguyên nhân tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Tùy theo những nghiệp nhân này sẽ dẫn sinh quả sinh tử khổ đau trong các giới loại.

Nhận thức đúng đắn về Diệt Thánh đế: Duy chỉ Niết-bàn mới hạnh phúc an lạc tuyệt đối.

Nhận thức đúng đắn về Đạo Thánh đế: Đó là 37 pháp thuộc về Đạo đế. Trong 37 pháp Đạo đế thì Bát Chánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất.

Bát Chánh đạo gồm có hai loại: Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu.

Chúng ta học Phật pháp không phải chỉ cho đời hiện tại này, mà còn tạo nhân duyên cho việc tu học trong những đời kế tiếp. Việc học này sẽ tiếp tục cho đến khi thành tựu các bậc đại Bồ-tát và cho đến lúc thành Phật.

Vì vậy, người xuất gia cần lấy việc học Phật pháp làm sự nghiệp trí tuệ của chính mình. Người cư sĩ tại gia cũng cần học và thảo luận Phật pháp. Việc học này không chỉ vun bồi trí tuệ cho chính mình, mà còn làm phương tiện để chia sẻ Phật pháp đến với mọi người.

Nhờ đó, chúng ta mới có thể tiến sâu hơn trong việc tư duy, thực hành và chứng nghiệm Phật pháp. Khi hiểu được ý nghĩa này, chúng ta sẽ phát khởi tâm nỗ lực, chuyên cần trong việc học Phật pháp.

### ***Khuyến chuyển***

Khuyến chuyển nghĩa là Đức Phật khuyên dạy Tứ Thánh đế lần thứ hai cho năm anh em ngài Kiều Trần Như như sau: *“Đây là Khổ Thánh đế đã biết, cần phải biết, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.*

*Đây là Khổ Tập Thánh đế đã biết, cần phải đoạn, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.*

*Lại nữa, đây là Khổ Diệt Thánh đế đã biết, cần phải tác chứng; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.*

*Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, cần phải tu, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác”.*

Từ Chánh kiến của văn tuệ, chúng ta cần phải tiếp tục tư duy để hiểu sâu hơn về ý nghĩa của Tứ Thánh đế. Đây chính là Chánh kiến của giai đoạn tư tuệ.

Chúng ta tư duy về Khổ Thánh đế: Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; thương yêu mà xa lìa là khổ; mong cầu không được là khổ; oan gia mà đối đầu hay những người mình không ưa mà gặp, gần gũi nên khổ; tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Nhờ đó, chúng ta mới có nhận thức đúng đắn, sâu sắc hơn về sự sinh tử khổ đau của mình và tất cả chúng sanh trong các giới loại.

Chúng ta tư duy về Tập Thánh đế: Vô minh, tham ái, chấp thủ năm thủ uẩn làm thực ngã, là nguyên nhân tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Tùy theo những nghiệp nhân này sẽ dẫn sinh quả sinh tử khổ đau trong các giới loại.

Nhờ đó, chúng ta mới nhận thức được sự sai biệt về quả của tất cả chúng sanh trong các giới loại chính là do sự sai biệt về nhân.

Chúng ta tư duy về Diệt Thánh đế: Duy chỉ có Niết-bàn (tâm vô lậu) mới hạnh phúc tuyệt đối.

Chúng ta tư duy về Đạo Thánh đế: Đó là 37 pháp thuộc Đạo Thánh đế. Trong 37 pháp Đạo đế, Bát Chánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất.

Bát Chánh đạo gồm có hai loại: Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu. Trong đó, tu tập Bát chánh đạo hữu lậu sẽ thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân Thiên trong các giới loại.

Còn tu tập Bát Chánh Đạo vô lậu sẽ thành tựu Tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Nhờ đó, chúng ta mới nhận thức rằng, chỉ có tu tập Đạo Thánh đế mới thành tựu được những quả báo tốt đẹp như vậy.

Nhờ Chánh kiến của tư tuệ nên chúng ta mới khởi tâm dũng mãnh tu tập Đạo Thánh đế, nhằm nhận biết về Khổ Thánh đế, đoạn trừ Tập Thánh đế, để thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật.

### ***Chứng chuyển***

Chứng chuyển là chứng nghiệm về Tứ Thánh đế, cho nên Đức Phật dạy Tứ Thánh đế lần thứ ba cho năm anh em ngài Kiều Trần Như như sau: *“Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế đã biết, đã xuất, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.*

*Lại nữa, đây là Khổ Tập Thánh đế đã biết, đã đoạn, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.*

*Lại nữa, đây là Khổ Diệt Thánh đế đã biết, đã tác chứng, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.*

*Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác”.*

Chánh kiến của giai đoạn văn tuệ và tư tuệ chỉ dừng lại ở việc nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của Tứ Thánh đế.

Do đó, chúng ta phải nỗ lực tu tập Bát Chánh đạo từ hữu lậu đến vô lậu để chứng nghiệm Tứ Thánh đế ở nơi thân và tâm của mỗi chúng ta. Đây chính là Chánh kiến của giai đoạn tu tuệ.

Chánh kiến này gồm có hai loại: Chánh kiến hữu lậu và Chánh kiến vô lậu.

### ***Thế nào là Chánh kiến hữu lậu thuộc tu tuệ?***

Chánh kiến hữu lậu thuộc tu tuệ chính là chúng ta sống trong Chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp qua Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng. Các thiện pháp bao gồm Quy y Tam bảo, thực tập tất cả học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm thuộc về hữu lậu như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích đạt được Kiến đạo, tức bước tới tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Khi chúng ta chú tâm vào nơi các công việc hằng ngày như quét nhà, nấu ăn, rửa chén bát, làm vườn,... thì sẽ nhận thấy tâm tập khởi thiện ác hỗn tạp để dẫn sinh qua lời nói của miệng và hành động của thân (tam nghiệp). Bởi vì đối tượng chú tâm luôn thay đổi nên định tâm sẽ không được chuyên chú hay an trụ vào một đối tượng duy nhất. Nhiều lúc, chúng ta sẽ nhận thấy tâm bất thiện sinh khởi nhiều hơn tâm thiện. Tùy thuộc vào tâm thiện và bất thiện

ấy sẽ hình thành nên nhân cách đạo đức của mỗi chúng ta.

Muốn có được định tâm thì chúng ta phải chọn một pháp môn để tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, một vị đại Bồ-tát hoặc niệm một câu thần chú.

Ví như, khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì Chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm và Chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn).

Nhờ vậy, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ được tham, sân, si đối với năm thủ uẩn nên đem lại sự an lạc của thân tâm. Đây chính là Chánh kiến thuộc về tu tuệ, chứ không phải Chánh kiến của văn tuệ và tư tuệ trước đó.

### ***Thế nào là Chánh kiến vô lậu thuộc tu tuệ?***

Để thành tựu được Chánh kiến vô lậu thuộc tu tuệ, chúng ta phải Kiến đạo, tức lãnh hội Chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu. Nhờ đó, hành giả đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu Thánh quả Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai.

Bậc Thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong Chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập làm vơi mỏng tham, sân và si cấu sinh đối với năm thủ uẩn nên đạt được bậc Thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai.

Bậc Thánh Tư-đà-hàm lại tiếp tục an trụ trong Chánh kiến vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử cấu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên đạt được Thánh quả A-na-hàm, gọi là Bất lai.

Bậc Thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong Chánh kiến vô lậu tu tập nhận biết như thật về Khổ đế, đoạn trừ hoàn toàn Tập đế nên thành tựu quả vị A-la-hán.

Tuy nhiên, nếu y cứ vào Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì bậc Thánh A-la-hán đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nhưng các Ngài vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng).

Còn nếu đối chiếu lộ trình tu chứng của Tứ Thánh quả Thanh Văn và năm mươi một địa vị Bồ-tát, thì bậc Thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát Bát địa trong hàng Thập địa.

Vì thế, trong *Tập A-hàm*, kinh *Vô Gian Đẳng*, ngài Xá-lợi-phất dạy: *“A-la-hán lại cũng tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì để được điều chưa được, để chứng pháp chưa chứng, để có hiện pháp lạc trú”*.

Chính vì ý nghĩa đó, bậc Thánh A-la-hán vẫn tiếp tục tu tập đoạn trừ chấp pháp (sở tri chướng) để thành tựu các bậc đại Bồ-tát như hàng Bồ-tát thuộc Thiện Tuệ địa (địa thứ 9), Pháp Vân địa (địa thứ 10) và cho đến hàng Bồ-tát Đẳng Giác và Diệu Giác, tức Phật. Duy chỉ có Đức Phật

mới đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chương) và chấp pháp (sở tri chương). Đây chính là Chánh kiến vô lậu tu tuệ của Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

## A. NỘI DUNG TỨ DIỆU ĐẾ

Tứ là bốn, diệ là cao quý, mâu nhiệm, đế là sự thật, chân lý. Tứ Diệu đế còn được gọi là Tứ Chân đế, Tứ Thánh đế, tức bốn chân lý chân thật.

### I. KHỔ THÁNH ĐẾ

*“Này chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế? Đó là sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, oán tắng hội là khổ, ái biệt ly là khổ, sở cầu không toại là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ” (Trung A-hàm, kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế).*

#### 1. Sinh là khổ

Tất cả chúng sinh đều do tập khí của nghiệp dẫn sinh quả báo nên gọi sinh là khổ.

Tất cả chúng sinh sống với vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, là nguyên nhân tạo tác những nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Tùy theo những nghiệp nhân này sẽ dẫn sinh quả sinh tử khổ đau bởi sinh, già, bệnh, chết trong các giới loại.

Vì thế, Đức Phật dạy: *“Này chư Hiền, nói sinh là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, sinh là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, sanh thì sanh, xuất hiện thì xuất hiện, hình thành thì hình thành, hiện khởi năm uẩn đã có mạng căn. Như vậy gọi là sanh” (Trung A-hàm, kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế).*

Chính ý nghĩa sinh tử khổ đau trong các giới loại như vậy nên trong kinh *Mẫu Nhữ*, Đức Phật dạy:

*“Phật nói với các Tỳ-kheo: Sữa mẹ mà các người đã uống trong vòng sinh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao? Các người đã từng hoặc sinh trong loài voi, uống sữa mẹ vô lượng, vô số; hoặc sinh làm lạc đà, ngựa, trâu, lừa v.v. các loài cầm thú uống sữa mẹ vô lượng vô số. Các người đã từng bỏ thân nơi gò mả, máu mủ cũng tuôn chảy vô lượng; hoặc đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, máu tử tuôn chảy cũng như vậy.*

*Này các Tỳ-kheo, các người sanh tử từ vô thủy đến nay, chẳng biết biên tế của khổ”.* (Tập A-hàm, kinh *Mẫu Nhữ*, số 1320, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Sự lưu chuyển sinh tử khổ đau của tất cả chúng sinh trong các giới loại là do sự sai biệt về nhân và quả. Vì vậy, tuổi thọ của chúng sinh nơi mỗi quốc độ cũng có sự sai biệt. Sự sai biệt ấy đã được Đức Phật giảng dạy trong kinh *Thế Kỷ* như sau:

*“Tuổi thọ của người Diêm-phù-đề (Nam thiên bộ châu) là một trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Câu-da-ni (Tây ngưu hóa châu) là hai trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Phất-vu-đãi (Đông thắng thần châu) là ba trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Uất-đan-việt (Bắc câu lô châu) là một nghìn năm, không có tăng hay giảm. Tuổi thọ của Ngạ quỷ là bảy vạn năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của loài rồng và Kim-sí-diểu là một kiếp hoặc có giảm đi. Tuổi thọ của A-tu-la là một nghìn năm*

của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Tứ thiên vương là năm trăm năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Đao-lợi thiên là một nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Diêm-ma thiên là hai nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Đâu-suất thiên là bốn nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Hóa tự tại thiên là tám nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Tha hóa tự tại thiên là sáu nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Phạm-ca-di thiên là một kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Quang âm thiên là hai kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Biến tịnh thiên là ba kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Quả thật thiên là bốn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô tướng thiên là năm trăm kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô tạo thiên là một nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô nhiệt thiên là hai nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Thiện kiến thiên là ba nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Đại thiện kiến thiên là bốn nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Sắc cứu cánh thiên là năm nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Không vô biên xứ thiên là một vạn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Thức vô biên xứ thiên là hai vạn một nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô sở hữu xứ thiên là bốn vạn hai nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Phi tướng phi phi tướng thiên là tám vạn bốn nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Trong giới hạn ấy được gọi là chúng sinh;

*trong giới hạn ấy được gọi là tuổi thọ; trong giới hạn ấy được gọi là thế giới; trong giới hạn ấy là sự luân chuyển của tập hợp uẩn, xứ, giới, qua lại trong các cõi, sinh, già, bệnh, chết” (Trường A-hàm, kinh Thế Kỳ, Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch).*

## **2. Già là khổ**

Già là một sự thật được diễn ra ở nơi thân thể của tất cả chúng sinh.

Vì thế, Đức Phật dạy: *“Này chư Hiền, nói già là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, già nghĩa là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, kẻ kia trở nên già yếu, đầu bạc răng rụng, sự cường tráng ngày càng suy yếu, thân cong, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, phải chống gậy mà đi, thịt rút, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn hư hoại, nhan sắc xấu xí. Như vậy gọi là già.*

*Này chư Hiền, già là khổ, là chúng sanh khi già thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện” (Trung A-hàm, kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế).*

## **3. Bệnh là khổ**

Bệnh là một sự thật đang diễn ra hoặc sẽ xảy đến ở nơi thân thể của tất cả chúng sinh.

Vì vậy, Đức Phật dạy: *“Này chư Hiền, nói bệnh là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, bệnh là đầu đau, mắt đau, tai đau, mũi đau, mặt đau...*

*Này chư Hiền, bệnh khổ là: chúng sanh khi bệnh thì thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện” (Trung A-hàm, kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế).*

#### 4. Chết là khổ

Chết là một sự thật đã từng xảy ra và tất yếu sẽ xảy ra đối với tất cả chúng sinh.

Cho nên Đức Phật dạy: *“Này chư Hiền, nói chết là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, chết là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, mạng chung, vô thường, chết chôn, tan rã, tuổi thọ chấm dứt, hủy hoại, mạng căn bế tắc, như vậy gọi là chết.*

*Này chư Hiền, chết là khổ. Đó là chúng sanh khi chết thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện” (Trung A-hàm, kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế).*

Khi chúng ta chết thì các căn sẽ bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không còn hoạt động. Khi ấy, chính hữu (chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ trong thức thứ tám) làm nhân dẫn thức A-lại-da vào trong các giới loại (tùy từng quốc độ) để hình thành danh sắc (năm thủ uẩn). Đây chính là quả sinh tử khổ đau bởi sinh, già, bệnh, chết của tất cả chúng sinh trong các giới loại.

Theo Duy Thức, thức thứ tám chấp thọ chủng tử, thân căn và y xứ. Cho nên, trong giai đoạn chúng ta xả bỏ báo thân, các căn sẽ bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không tập khởi; lúc đó chỉ tồn tại hai thức: thức thứ tám và thức thứ bảy.

Khi đó, thức thứ tám bắt đầu xả bỏ báo thân hiện tại dần dần cho đến lúc xả bỏ hoàn toàn thì đây gọi là chết. Lúc đó, chính hữu (chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ trong thức thứ tám) làm nhân dẫn thức A-lại-

da vào trong các giới loại để hình thành danh sắc (năm thủ uẩn); đây gọi là sinh.

Như vậy, chúng ta chết là để sinh, tức xả bỏ báo thân cũ để tiếp nối một báo thân mới. Những trạng thái diễn ra trong quá trình chuẩn bị xả bỏ báo thân ở hiện tại và tiếp nối quả báo thuộc đời vị lai đã được luận Câu-xá giải thích như sau: *“Nếu người đọa vào ác xứ thì thức thứ tám cuối cùng diệt nơi hai bàn chân. Nếu tái sinh vào cõi người thì thức diệt nơi rốn. Nếu tái sinh vào cõi trời thì thức diệt nơi tim. Nếu các thánh giả thì thức diệt trên đỉnh đầu”*.

Bởi thức thứ tám có tính chất hằng chuyển nên nó không phải đoạn diệt cũng không phải thường hằng. Chính thức thứ tám làm nền tảng căn bản cho các chuyển thức hiện hành và hình thành báo thân của tất cả chúng sinh trong các giới loại.

Vì vậy, chúng ta đã từng sinh ra đời trong các giới loại, ví dụ như trong cõi người, nhưng rồi cũng phải dẫn đến già, bệnh và chết vô số lần. Trong tiến trình ấy, mỗi khi chúng ta xả bỏ báo thân thì gọi là chết. Lúc đó, tuy sáu chuyển thức không tập khởi, nhưng thức thứ tám vẫn hằng chuyển không gián đoạn.

Với sự thật đó, chúng ta đã chứng kiến tất cả mọi người trong quá khứ sinh ra đời, nhưng rồi cũng phải dẫn đến già, bệnh và chết. Mọi người ở hiện tại và trong tương lai cũng đều như vậy.

Chính vì sự lưu chuyển sinh tử khổ đau ấy, nên chúng ta phải tu tập Đạo Thánh để để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật.

## 5. Thương yêu mà xa lìa là khổ

Ái biệt ly là khổ. Đây là một sự thật khổ đau xảy ra nơi thân và tâm của tất cả chúng sinh.

Vì vậy, Đức Phật dạy: *“Này chư Hiền, nói ái biệt ly khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, ái biệt ly khổ, đó là chúng sanh thật có sáu xứ bên trong: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ vốn khả ái, nhưng chúng phân tán thành khác biệt, không tương ứng, biệt ly không tụ hội, không gắn bó, không tập hợp, không hòa hợp, đó là khổ.”*

*Này chư Hiền, ái biệt ly khổ nghĩa là chúng sanh khi xa cách nhau, thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện, cảm thọ, cảm thọ toàn diện” (Trung A-hàm, kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế).*

## 6. Cầu mong không được là khổ

Tất cả chúng sinh sống với vô minh, tham ái chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, là nguyên nhân tạo tác những nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Tùy theo những nghiệp nhân này sẽ dẫn sinh quả sinh tử khổ đau trong các giới loại.

Tuy nhiên, chúng ta lại ước muốn đừng bị sinh, đừng bị già, đừng bị bệnh, đừng bị chết, đừng có sự ưu sầu, buồn lo, khổ não. Thế nhưng, đây là những điều không thể muốn mà được.

Vì thế, Đức Phật dạy: *“Này chư Hiền, nói sở cầu không toại là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, nghĩa là chúng sanh lệ thuộc vào sanh pháp, không thể xa lìa sanh pháp, nhưng lại ước muốn rằng: Mong tôi không sanh ra.*

*Điều ấy quả thật không thể muốn mà được. Với sự già, sự chết, sự u sầu, buồn lo mà ước muốn rằng: Mong tôi không có buồn lo. Điều ấy không thể muốn mà được”* (Trung A-hàm, kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế).

## **7. Oán ghét gặp nhau là khổ**

Do tập khí của nghiệp từ đời quá khứ dẫn sinh báo thân hiện tại không được khả ái nên tâm sinh khổ đau.

Cũng vậy, khi gần gũi với những người mà chúng ta không ưa thích, hoặc khi mắt nhìn thấy những sắc không vừa ý, tai nghe những âm thanh không vừa ý, mũi ngửi những hương không vừa ý, lưỡi nếm những vị không vừa ý, thân xúc chạm những vật không vừa ý, thì tâm sinh ưu sầu, buồn lo và khổ não.

Chính vì vậy, Đức Phật dạy: *“Này chư Hiền, nói oán tắng hội là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, oán tắng hội nghĩa là chúng sanh thật có sáu nội xứ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ vốn không khả ái mà chúng cùng tụ hội ở một chỗ có sự gắn bó, hòa hợp, tập hợp. Sự hòa hợp ấy là khổ. Cũng vậy, các ngoại xứ: Xúc, thọ, tưởng, tư ái cũng lại như vậy.*

*Này chư Hiền, oán tắng hội là khổ, đó là chúng sanh khi có sự tụ hội của những oán ghét, thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện”* (Trung A-hàm, kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế).

## **8. Năm thủ uẩn là khổ**

Tuy nói rằng sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội là khổ; nhưng tất cả chính là năm thủ uẩn.

Do đó, Đức Phật dạy: *“Này chư Hiền, nói lược năm thủ uẩn là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Đó là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói năm thủ uẩn là khổ”*. (Trung A-hàm, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*).

Trong *Trường A-hàm*, kinh *Chúng Tập*, Đức Phật dạy: *“Ba khổ: khổ khổ, hoại khổ (biến dịch khổ) và hành khổ.”*

### **Khổ Khổ:**

Khổ đế chính là năm thủ uẩn. Năm thủ uẩn bao gồm: sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tăng hội, đều là khổ. Cho nên, khổ đế là khổ khổ.

### **Hoại khổ:**

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Ngũ Tỳ-kheo*, số 80, Đức Phật dạy: *“Này các Tỳ-kheo, ý các thầy thế nào, năm thủ uẩn là thường hay vô thường?”*

*Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Là vô thường, bạch Thế Tôn.”*

*“Này các Tỳ-kheo, vô thường là khổ chăng?”*

*Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Là khổ, bạch Thế Tôn.”*

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Hoại pháp*, số 97, *Thế Tôn* nói với các *Tỳ-kheo*:

*“Nay Ta sẽ vì các ông nói pháp hoại và bất hoại. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.*

*“Này các Tỳ-kheo, sắc, thọ, tưởng, hành, thức là pháp hoại. Niết-bàn là pháp bất hoại.”*

Năm thủ uẩn chính là danh và sắc. Trong đó, sắc là pháp do bốn đại tạo thành, thuộc về thân thể của mỗi chúng ta. Danh là bốn uẩn phi sắc, gồm thọ, tưởng, hành và thức. Năm thủ uẩn là pháp duyên sinh, nên vô thường và biến dịch. Vì thế, năm thủ uẩn là hoại khổ.

## Hành Khổ:

Theo *Phật Học Ứng Dụng*, trang 170, Hòa thượng Thái Hòa giải thích Hành khổ như sau:

*“Hành khổ: Khổ do tác nghiệp liên hệ đến các chủng tử thiện ác hữu lậu ở trong tâm thức.*

*Hay nói cách khác, hành khổ là do hành, hay do ý chí tác nghiệp liên hệ đến vô minh, mà dẫn sinh các khổ uẩn sanh tử luân hồi trong ba cõi.”*

Tập đế là vô minh, ái và thủ. Chính tập đế đã chấp thủ vào khổ đế (năm thủ uẩn) làm thực ngã, là nguyên nhân tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Tùy theo những nghiệp nhân này sẽ dẫn sinh quả sinh tử khổ đau trong ba cõi. Vì vậy, tập đế là hành khổ.

Trong ba khổ, khổ khổ và hoại khổ thuộc về khổ đế; còn hành khổ thuộc về tập đế.

## Năm thủ uẩn

Năm thủ uẩn gồm sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Uẩn là tập hợp, tụ hợp, tích hợp, nhóm; hoặc có khi các ngài dịch là ấm, nghĩa là ngăn che, che phủ.

### *Sắc uẩn*

Đó là yếu tố vật chất gồm: địa, thủy, hỏa, phong.

Theo *Câu-xá Luận*, trang 99, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, giải thích nghĩa sắc uẩn là gì? *“Sắc là chỉ cho năm căn, năm cảnh cùng vô biểu. Nói năm căn, đó là mắt, tai, mũi, lưỡi và thân. Nói năm cảnh, đó là sắc, thanh, hương,*

vị và xúc. Cùng với vô biểu, tức vô biểu sắc. Chỉ trong giới hạn ấy lập danh sắc uẩn”.

“Vô biểu sắc là sắc không biểu hiện cụ thể cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân tiếp xúc. Đó là chỉ cho pháp trần, nó là đối tượng phân biệt của ý thức”. (Trích Bát-nhã Tâm Kinh, trang 66, Hòa thượng Thái Hòa dịch và chú giải)

### ***Thọ uẩn***

Thọ là nhóm cảm giác gồm khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ (cảm giác không vui không khổ).

### ***Tướng uẩn***

Theo Câu-xá luận: “Tướng chính là nắm bắt tín hiệu. Sự nắm bắt các tín hiệu xanh, vàng, dài, ngắn, nam, nữ, khổ và phi khổ các thứ, đó là tướng uẩn.

Còn theo Luận Thành Duy Thức: “Tướng, tự tính của nó là tiếp thu ảnh tượng nơi đối tượng. Chức năng của nó là quy ước các loại danh ngôn khác nhau. Nghĩa là, cần phải ấn định hình thái giới hạn của đối tượng mới có thể tùy theo đó phát khởi các danh ngôn khác nhau”.

### ***Hành uẩn***

“Này các Tỳ-kheo! Thế nào là hành? Có sáu tư thân: tư sắc, tư thanh, tư hương, tư vị, tư xúc và tư pháp. Đây gọi là hành” (Kinh Tương Ưng Bộ).

Tư chính là động lực quyết định, là ý muốn để dẫn tâm theo hướng thiện, hay bất thiện.

Tư gồm có thẩm tư lự, quyết định tư và phát động bởi tư.

Tư chính là hành. Hành uẩn chính là các tâm hành thiện và bất thiện tạo tác nghiệp để dẫn đến quả báo của nghiệp.

Hành uẩn là những tâm hành thuộc tâm sở. Duy thức chia thành 51 tâm sở gồm cả thọ và tưởng.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu-Hy-La*, số 211, Tôn giả Đại Câu-Hy-La dạy thọ, tưởng và tư hợp nhất không riêng biệt như sau: *“Thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt.”*

### ***Thức uẩn***

Theo *Duy Thức*, thức có tám loại: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, thức thứ bảy và thức thứ tám.

Thức là nền tảng của thọ, tưởng và hành. Thức là tâm vương, còn thọ, tưởng, hành là tâm sở. Tâm vương và tâm sở được ví như mặt trời và ánh sáng. Tâm vương ví cho mặt trời, còn tâm sở ví cho ánh sáng.

## **II. TẬP THÁNH ĐẾ**

Tập đế là nguyên nhân dẫn sinh quả khổ đau.

Trong các kinh, Đức Phật đều dạy: Vô minh, tham ái và chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, là nguyên nhân tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Tùy theo những nghiệp nhân này sẽ dẫn sinh quả thuộc hiện báo, sinh báo và hậu báo.

Hoặc cũng có thể nói: do vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, là nguyên nhân tạo nghiệp

thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), nên thức thứ tám lưu giữ tất cả các loại nghiệp đó.

Theo pháp *Mười hai nhân duyên*, điều này gọi là Hữu; còn theo *Luận Thành Duy Thức*, gọi đó là Hữu chi tập khí, tức là tập khí của nghiệp. Tùy theo những nghiệp nhân này sẽ dẫn sinh quả sinh tử khổ đau trong các giới loại.

Như vậy, Tập đế là nhân và Khổ đế là quả. Sự sai biệt về quả (Khổ đế) là do sự sai biệt nhân (Tập đế). Nhân và quả này đã tạo thành dòng sinh tử khổ đau của sinh, già, bệnh và chết của tất cả chúng sinh trong các giới loại.

Vì thế, Đức Phật dạy: *“Cái gì là ái tập khổ Tập Thánh đế? Nghĩa là chúng sanh thật có sáu xứ tham ái bên trong: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Trong đó nếu có ái, có cấu bẩn, có ô nhiễm, có đấm trước, đó gọi là tập. Nay chư hiền, chúng sanh quả thật có sáu giới tham ái: Đất, nước, lửa, gió, hư không, thức giới, trong đó nếu có ái, có cấu bẩn, có nhiễm, có trước, đó gọi là tập”* (Trung A-hàm, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*).

### III. DIỆT THÁNH ĐẾ

Diệt đế là Niết-bàn, là sự vắng mặt hoàn toàn tham, sân, si (tập đế) đối với năm thủ uẩn (khổ đế).

Niết-bàn còn được gọi với nhiều danh từ như: tịch diệt, viên tịch, vô lậu, tịch tĩnh, chân như, thật tướng, pháp thân v.v..

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, Phẩm 30, kinh số 1, Đức Phật dạy: *“Vô lậu là Niết bàn.”*

Theo *Luận Thành Duy Thức* giải thích về ý nghĩa sai biệt của Niết-bàn có bốn:

- *“Tự tính Niết-bàn: Tất cả chúng sinh hữu tình vốn sẵn có tự tính Niết-bàn, tức tâm vô lậu.*
- *Niết-bàn hữu dư y, tức chân như đã xuất ly phiền não chướng, tuy còn có sở y của khổ mờ nhật chưa bị diệt nhưng chướng thì đã vĩnh viễn bị dập tắt, do đó nói là Niết-bàn.*

Theo Đại tỳ-bà-sa: *“Thế nào là hữu dư y Niết-bàn giới? A-la-hán đã đoạn tận các lậu, nhưng thọ mạng vẫn còn, dòng tương tục của sắc do đại chủng tạo vẫn chưa bị cắt đứt.”*

- *Niết-bàn vô dư y, tức chân như đã xuất ly khổ sinh tử, phiền não đã hoàn toàn bị diệt tận không còn, dư y cũng diệt, mọi thứ khổ bị dập tắt, nên được gọi là Niết-bàn.*

Theo Phát Trí Luận (tr.103), *thế nào là Vô dư y Niết-bà giới? Bậc A-la-hán đã vĩnh viễn đoạn trừ các lậu, thọ mạng đã hết, sắc phát sinh bởi đại chủng tương tục đã đoạn.*

- *Vô trụ xứ Niết-bàn: Vì Đức Thế Tôn đã đoạn trừ hoàn toàn phiền não chướng (chấp ngã) và sở tri chướng (chấp pháp) nên đạt Vô trụ xứ Niết-bàn”.*  
*Hết thấy hữu tình đều có Niết-bàn thứ nhất. Hạng Nhị thừa Vô học có ba Niết-bàn đầu. Duy chỉ nơi đức Phật Thế Tôn mới đầy đủ cả bốn.*

Trong Trung A-hàm, Kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế, Đức Phật dạy: *“Này chư hiền, thế nào là ái diệt khổ Diệt Thánh đế? Nghĩa là chúng sanh thật có sáu xứ tham ái bên trong: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý xứ. Chúng sanh ấy giải thoát,*

*không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn vô dục, diệt tận, tịch tĩnh; đó gọi là khổ diệt”.*

Trong kinh điển thuộc truyền thống Nguyên thủy và truyền thống Đại thừa, đức Phật dạy: Tất cả chúng ta đều vốn sẵn có tâm vô lậu (Đạo đế vô lậu). Nếu chúng ta không có tâm vô lậu thì làm sao có thể tu tập đoạn trừ được tâm hữu lậu (Tập đế đối với Khổ đế), nhằm thành tựu Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật?

Chính vì vậy, khi hành giả Kiến đạo, tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc Thánh Sơ quả, gọi là Thất lai.

Bậc Thánh Nhị quả đã làm giảm, mỏng tham, sân và si câu sinh đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn nên gọi là Nhất lai.

Bậc Thánh Tam quả đã đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên gọi là Bất lai.

Cả ba bậc Thánh ấy đều thuộc vào hàng Hữu học nên chưa đạt được Niết-bàn. Chỉ có những bậc Thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh Văn Thừa), hàng Độc Giác (Duyên Giác Thừa) và hàng Bồ-tát Bát Địa trở lên (Bồ-tát Thừa) đã biết như thật về Khổ đế, đoạn tận Tập đế (phiền não chướng) nên mới đạt được Niết-bàn.

#### **IV. ĐẠO THÁNH ĐẾ**

Đạo đế gồm 37 pháp, nhưng trong đó, tám Thánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất, vì thấu tóm ý nghĩa của

các Đạo để còn lại như tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực và thất giác chi.

Cho nên trong kinh *Lục Nhập Xứ*, Đức Phật dạy: *“Khi tu tập tám Thánh đạo đã đầy đủ rồi thì bốn Niệm xứ cũng tu tập đầy đủ và bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần cũng tu tập đầy đủ”* (Tập A-hàm, kinh *Lục Nhập Xứ*, số 305, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Trong kinh *Trung A-hàm*, trích kinh *Thánh Đạo* số 189, Đức Phật đã dạy về ý nghĩa của Bát Chánh đạo như sau:

*“Tôi nghe như vậy: Một thời Đức Phật du hóa tại nước Câu-lâu-lầu, ở Kiếm Ma-sắt-đàm, đô ấp Câu-lâu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:*

*Có một con đường khiến chúng sanh được thanh tịnh, xả bỏ ưu sầu, than khóc, dứt hết buồn khổ ảo não, chứng được như pháp. Đó là Thánh Chánh định, có tập, có trợ và cũng có cụ, bao gồm bảy chi.*

*Thế nào là Thánh Chánh định nói tập, nói trợ và nói cụ gồm bảy chi? Đó là, Chánh kiến, Chánh chí, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, chánh phương tiện, Chánh niệm. Nếu do bảy chi này mà có tập, có trợ và có cụ<sup>4</sup>, khéo hướng đến tâm chuyên nhất, đó gọi là Thánh Chánh định có tập, có trợ và có cụ. Vì sao vậy? Chánh kiến sanh Chánh chí, Chánh chí sanh Chánh ngữ, Chánh ngữ sanh Chánh nghiệp, Chánh nghiệp sanh Chánh mạng, Chánh mạng sanh chánh phương tiện, chánh phương tiện sanh Chánh niệm, Chánh niệm sanh Chánh định. Hiền thánh đệ tử tâm được Chánh định như vậy lập tức dứt sạch dâm, nộ, si. Hiền thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như thế, lập*

*tức biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.*

*Trong các chi ấy, Chánh kiến đứng ngay hàng đầu. Nếu thấy rõ tà kiến là tà kiến thì đó gọi là Chánh kiến. Nếu thấy rõ Chánh kiến là Chánh kiến thì đó cũng gọi là Chánh kiến.*

*Thế nào là tà kiến?*

*Đó là cho rằng không có bố thí, không có trai tự, không có chú thuyết, không có thiện, ác nghiệp, không có quả báo của thiện, ác nghiệp, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ, không có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, trong đời này hay đời sau mà tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là tà kiến.*

*Thế nào gọi là Chánh kiến?*

*Đó là thấy rằng có bố thí, có trai tự, có chú thuyết, có thiện, ác nghiệp, có quả báo của thiện, ác nghiệp, có đời này đời sau, có cha có mẹ, có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, trong đời này hay đời sau tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là Chánh kiến.*

*Đó gọi rằng thấy tà kiến là tà kiến thì đó là Chánh kiến. Thấy Chánh kiến là Chánh kiến; đó cũng gọi là Chánh kiến. Khi biết rõ như thế, liền phải cầu học, muốn đoạn trừ tà kiến, thành tựu Chánh kiến. Đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm về sự đoạn trừ nơi tà kiến, thành tựu Chánh kiến. Đó gọi là Chánh niệm. Cả ba chi này đi theo kiến phương tiện, do phương tiện của kiến. Vì thế cho nên bảo Chánh kiến là đứng ngay ở hàng đầu.*

*Nếu thấy tà chí là tà chí, thì đó là Chánh chí. Nếu thấy Chánh chí là Chánh chí thì đó cũng là Chánh chí.*

*Thế nào gọi là tà chí? Đó là niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, được gọi là tà chí.*

*Thế nào gọi là Chánh chí? Đó là niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, được gọi là Chánh chí.*

*Thấy rõ tà chí là tà chí, thì đó là Chánh chí. Thấy rõ Chánh chí là Chánh chí, thì đó cũng là Chánh chí. Biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà chí, thành tựu Chánh chí. Đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà chí, thành tựu Chánh chí. Đó gọi là Chánh niệm.*

*Tất cả ba chi này đi theo Chánh chí, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo Chánh kiến đứng hàng đầu.*

*Nếu thấy rõ tà ngữ là tà ngữ, thì đó là Chánh ngữ. Nếu thấy Chánh ngữ là Chánh ngữ, thì đó cũng chính là Chánh ngữ.*

*Sao gọi là tà ngữ? Nói dối, nói hai lưỡi, lời nói thô ác, lời nói thêu dệt, đó gọi là tà ngữ.*

*Thế nào là Chánh ngữ? Xa lìa sự nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, thêu dệt, đó gọi là Chánh ngữ. Đó cũng gọi là thấy tà ngữ là tà ngữ, thì gọi là Chánh ngữ. Thấy Chánh ngữ là Chánh ngữ, cũng gọi là Chánh ngữ. Biết như vậy rồi liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà ngữ, thành tựu Chánh ngữ. Đó là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà ngữ, thành tựu Chánh ngữ, gọi là Chánh niệm. Cả ba chi này đi theo Chánh ngữ, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo Chánh kiến đứng hàng đầu.*

*Nếu thấy tà nghiệp là tà nghiệp, thì đó là Chánh nghiệp. Nếu thấy Chánh nghiệp là Chánh nghiệp, thì đó cũng chính là Chánh nghiệp.*

*Thế nào gọi là tà nghiệp? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gọi là tà nghiệp. Thế nào gọi là Chánh nghiệp? Là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gọi là Chánh nghiệp. Đó gọi rằng thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì gọi là Chánh nghiệp. Thấy Chánh nghiệp là Chánh nghiệp, cũng gọi là Chánh nghiệp. Biết như thế rồi liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu Chánh nghiệp, gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà nghiệp, thành tựu Chánh nghiệp, gọi là Chánh niệm. Cả ba chi này đi theo Chánh nghiệp, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo Chánh kiến đứng hàng đầu.*

*Nếu thấy tà mạng là tà mạng, thì đó gọi là Chánh mạng. Nếu thấy Chánh mạng là Chánh mạng, thì cũng gọi là Chánh mạng.*

*Thế nào là tà mạng? Nếu có sự mong cầu mà không mãn ý; bằng nhiều loại chú thuật súc sanh, bằng tà mạng mà nuôi sống. Nó không như pháp mà tìm kiếm áo chăn, mà lại bằng phi pháp; không như pháp mưu cầu ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, các tư cụ sanh hoạt, mà bằng phi pháp. Đó là tà mạng.*

*Thế nào là Chánh mạng? Nếu không có sự mong cầu không mãn ý; không dùng các thứ chú thuật, tà mạng để nuôi sống. Người ấy như pháp mà tìm kiếm áo chăn, thì đó là pháp vậy; như pháp mà mưu cầu ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, các tư cụ sanh hoạt, thì đó là pháp vậy. Đó gọi là Chánh mạng. Đó là nói rằng, thấy tà mạng*

*là tà mạng thì gọi là Chánh mạng; thấy Chánh mạng là Chánh mạng, cũng gọi là Chánh mạng. Kia biết như vậy rồi, bèn cầu học để đoạn trừ tà mạng, thành tựu Chánh mạng; đó là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm nơi sự đoạn trừ tà mạng, thành tựu Chánh mạng, đó gọi là Chánh niệm. Ba chi này đi theo Chánh mạng, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo Chánh kiến đứng hàng đầu.*

*Thế nào là chánh phương tiện? Tỳ-kheo để đoạn trừ ác pháp đã sanh mà phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm trừ diệt; vì để ác pháp chưa sanh thì không sanh, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; để pháp thiện chưa sanh thì sanh nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm trừ diệt; để thiện pháp đã sanh tồn tại, không bị quên, không thối thất, càng lúc càng phát triển rộng rãi, tu tập biến mãn đầy đủ, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; đó gọi là chánh phương tiện.*

*Thế nào là Chánh niệm? Tỳ-kheo quán nội thân như thân; quán cho đến thọ, tâm, pháp như pháp; đó gọi là Chánh niệm.*

*Thế nào là Chánh định? Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ; đó gọi là Chánh định.*

*Thế nào là Chánh giải thoát? Tỳ-kheo, tâm giải thoát khỏi dục, tâm giải thoát khỏi nhuế, si; đó gọi là Chánh giải thoát.*

*Thế nào là Chánh trí? Tỳ-kheo biết tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si; gọi là Chánh trí.*

*Đó là bậc Hữu học thành tựu tám chi. Lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi.*

*Thế nào là Hữu học thành tựu tám chi? Là học từ Chánh kiến cho đến Chánh định. Đó là Hữu học thành tựu tám chi.*

*Thế nào là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi? Đó là Vô học Chánh kiến cho đến Vô học Chánh trí. Đó là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi. Vì sao vậy? Vì Chánh kiến là đoạn trừ tà kiến. Nếu nhân tà kiến sanh vô lượng ác pháp bất thiện, vị ấy phải đoạn trừ nó. Nếu nhân Chánh kiến sanh ra vô lượng thiện pháp, vị ấy tu tập được sung mãn. Cho đến Chánh trí đoạn trừ tà trí. Nếu nhân tà trí sanh vô lượng pháp ác bất thiện, vị ấy đoạn trừ nó. Nếu nhân Chánh trí sanh vô lượng pháp thiện, vị ấy tu tập để được sung mãn.*

*Đó là hai mươi phẩm thiện và hai mươi phẩm bất thiện. Tức là tuyên thuyết bốn mươi đại pháp phẩm được chuyển vận nơi Phạm luân mà không một ai có thể chế ngự mà bài xích, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm, và các loại thế gian khác.*

*Đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân ấy, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên và Ma, Phạm, và các loại thế gian khác.*

## **1. Bát Chánh đạo**

Tám Thánh đạo chính là con đường Thánh, gồm tám yếu tố hay tám thành phần. Tám yếu tố này tạo thành con đường tu tập để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế,

nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Trong *Trung A-hàm*, Kinh *Đại Thiên Nại Lâm*, số 67, Đức Phật dạy: *“Nay Như Lai trao pháp Bát Chánh đạo cho A Nan, thầy A Nan phải gìn giữ và trao truyền lại, để cho chánh pháp không bị diệt vong”*.

Trong *Trường A-hàm*, Đức Phật dạy cho Ngài Tu-bạt: *“Trong giáo pháp nào có Thánh đạo tám chi thì ở đó có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Nay trong giáo pháp này có Thánh đạo tám chi nên có quả vị Sa-môn thứ nhất, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư”*.

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, phẩm *Tám nạn*, kinh số 3, Đức Phật dạy: *“Ta không thấy ai là Sa-môn, Bà-la-môn. Trong các đại chúng nào mà không có tám đạo Hiền thánh thì ở đó không có bốn quả Sa-môn. Nay Tu-bạt, đó gọi là thế gian trống rỗng, không có ai là chân nhân đắc đạo. Trong đạo Hiền thánh nào có pháp Hiền thánh thì ở đó có bốn kết quả Sa-môn. Vì sao vậy? Sở dĩ có bốn kết quả Sa-môn là do có tám phẩm đạo Hiền thánh. Nay Tu-bạt, nếu như Ta mà không đắc đạo Vô thượng chánh chơn, ấy là do không có tám phẩm đạo Hiền thánh. Do có tám phẩm đạo Hiền thánh nên Ta mới thành Phật đạo. Cho nên, Tu-bạt, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu đạo Hiền thánh”*.

## **Nội dung tám chi phần của Bát Chánh đạo**

### ***Chánh kiến***

Chánh kiến là nhận thức đúng đắn về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*, Đức Phật dạy: Đây là bốn mươi đại pháp mà không một ai có thể chế ngự, bài xích, phỉ bác rằng:

Chánh kiến chính là nhận biết rõ Chánh kiến và tà kiến, Chánh tư duy và tà tư duy, Chánh ngữ và tà ngữ, Chánh nghiệp và tà nghiệp, Chánh mạng và tà mạng, Chánh tinh tấn và tà tinh tấn, Chánh niệm và tà niệm, Chánh định và tà định, Chánh giải thoát và tà giải thoát, Chánh trí và tà trí.

Ngược lại, tà kiến là không nhận thức rõ Chánh kiến và tà kiến, Chánh tư duy và tà tư duy, Chánh ngữ và tà ngữ, Chánh nghiệp và tà nghiệp, Chánh mạng và tà mạng, Chánh tinh tấn và tà tinh tấn, Chánh niệm và tà niệm, Chánh định và tà định, Chánh giải thoát và tà giải thoát, Chánh trí và tà trí.

Chánh kiến gồm có ba loại: Chánh kiến thuộc văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Ý nghĩa Chánh kiến của ba giai đoạn này, người viết đã trình bày ở phần thị chuyển, khuyến chuyển và chứng chuyển.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu-hi-la*, số 29, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Đại Câu-hi-la:

*“Này Hiền giả Đại Câu-hi-la, có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó mà Tỳ-kheo thành tựu kiến, được Chánh kiến?”*

*Tôn giả Đại Câu-hi-la trả lời rằng: “Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết bất thiện và biết căn của bất thiện. Đó là có Tỳ-kheo biết thiện và biết căn của thiện.”*

*“Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về tập của lậu, diệt của lậu và diệt đạo của lậu như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được Chánh kiến.*

*Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo”.*

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, phẩm Hữu Vô, kinh số 10, Đức Phật dạy: *“Có hai nhân duyên khởi lên Chánh kiến. Những gì là hai? Nhận pháp giáo hóa, bên trong tư duy chỉ quán. Tỳ-kheo, đó gọi là có hai nhân duyên khởi lên Chánh kiến.”*

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu-Hy-La*, số 211, Tôn giả Đại Câu-hy-la trả lời với Tôn giả Xá-lợi-phất: *“Có hai nhân duyên sanh Chánh kiến. Những gì là hai? Một là duyên từ người khác, hai là nội tâm tư duy. Đó là có hai nhân duyên sanh Chánh kiến”.*

Trong *Trung A-hàm*, Kinh *Phù-di*, số 173, Đức Phật dạy:

*“Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn Chánh kiến, Chánh kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh nên tất sẽ chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh, thì tất sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối”.*

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh kiến như sau: *“Thế nào là Chánh kiến? Chánh kiến có hai: Chánh kiến hữu lậu,*

*chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh kiến vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.*

*Thế nào là Chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Nếu người nào thấy có bố thí... cho đến biết thế gian có A-la-hán... Đó là Chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.*

*Thế nào là Chánh kiến vô lậu của bậc Thánh, không thủ, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu, quán sát tứ ngộ. Đó gọi là Chánh kiến vô lậu, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ”.*

### ***Chánh tư duy***

Chánh tư duy là tư duy, chiêm nghiệm đúng đắn về Khổ Thánh đế, Tập Thánh đế, Diệt Thánh đế và Đạo Thánh đế.

Chánh tư duy gồm có hai loại: Chánh tư duy hữu lậu và Chánh tư duy vô lậu.

Nếu hành giả sống với Chánh kiến hữu lậu thì sẽ dẫn sinh Chánh tư duy hữu lậu.

Các bậc thánh giả sống với Chánh kiến vô lậu thì sẽ dẫn sinh Chánh tư duy vô lậu.

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh tư duy như sau:

*“Thế nào là Chánh tư duy? Chánh tư duy có hai loại: Chánh tư duy hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh tư duy vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.*

*Thế nào là Chánh tư duy hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Chánh tư duy về xuất yếu, vô nhuế, bất hại. Đó gọi là Chánh tư duy thuộc về hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.*

*Thế nào là Chánh tư duy vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ưng với tư duy vô lậu. Đó gọi là Chánh tư duy vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ”.*

### ***Chánh ngữ***

Chánh ngữ là không nói dối, không nói thêm thắt (thêu dệt), không nói lời ly gián (hai lưỡi), không nói lời thô ác.

Chánh ngữ là lời nói đúng đắn đối với sự thật về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

Nếu chúng ta an trụ trong Chánh kiến và Chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh Chánh ngữ.

Nếu chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà ngữ.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh ngữ như sau:

*“Thế nào là Chánh ngữ? Chánh ngữ có hai loại: Chánh ngữ hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.*

*Thế nào là Chánh ngữ hữu lậu, hướng đến đường lành? Lời nói đúng, xa lìa lời nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời nói điêu dệt. Đó là Chánh ngữ hữu lậu, hướng đến đường lành.*

*Thế nào là Chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu, viễn ly, không dính trước. Đó gọi là Chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.”*

### ***Chánh nghiệp***

Chánh nghiệp là hành động đúng đắn. Đó là hành động không sát sanh, không trộm cắp và không tà dâm.

Nếu chúng ta an trú trong Chánh kiến và Chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh Chánh nghiệp.

Nếu chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà nghiệp.

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh nghiệp như sau:

*“Thế nào là Chánh nghiệp? Chánh nghiệp có hai loại: Chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh nghiệp vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.*

*Thế nào là Chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Xa lìa sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đó gọi là Chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.*

*Thế nào là Chánh nghiệp vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ưng vô lậu, viễn ly, không dính trước. Đó gọi là Chánh nghiệp vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ”.*

### ***Chánh mạng***

Chánh mạng có nghĩa là sống, hay nuôi dưỡng sinh mạng, cũng như những phương tiện mưu sinh, nghề nghiệp đúng như pháp.

Nếu chúng ta an trụ trong Chánh kiến và Chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh Chánh mạng.

Nếu chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà mạng.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Uất-Xà-Ca*, *Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*, *Trường A-hàm*, kinh *A-Ma-Trú*, Đức Phật dạy về chánh mạng như sau:

*“Thế nào là Chánh mạng đầy đủ? Người thiện nam có được những tiền của, trong việc chi thu cân đối, bảo quản chu tất, không để cho việc nhập nhiều mà xuất ít, hay xuất nhiều mà nhập ít; như người cầm cân ít thì phải thêm, nhiều thì phải bớt, cho đến lúc nào biết cân bằng thì mới thôi. Như vậy, người thiện nam đã cân đối được tài vật của mình trong khi xuất nhập ngang nhau, không khiến cho nhập nhiều xuất ít, hay xuất nhiều nhập ít. Nếu người thiện nam không có tiền của nhiều mà sử dụng rộng rãi quá trớn, thì do sự sinh hoạt này mà người ta nói là ‘quả ưu đàm-bát không có hạt giống’; ham muốn ngu si, không biết nghĩ đến sau này. Hoặc có người thiện nam dư dật mà không dám tiêu dùng, mọi người ở gần đều nói: ‘Người ngu si này như con chó chết đói.’ Cho nên người thiện nam, những tiền của có được, nên tự mình cân đối, xuất nhập ngang nhau. Đó gọi là Chánh mạng đầy đủ.”*

*“Thế nào là chánh mạng? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo.*

*Thánh đệ tử mong cầu y phục, thực phẩm, ngoại cụ thuốc thang, giường chõng đúng như pháp. Đó là chánh mạng.”*

*“Thế nào là chánh mạng? Tỳ-kheo khéo hộ trì các căn theo Thánh pháp, ăn biết đủ, cũng không tham vị, chỉ với mục đích nuôi thân để không bị khổ hoạn mà không cố gắng cao, điều hòa thân mình khiến cho cái khổ cũ diệt, cái khổ mới không sinh, có sức, vô sự, khiến thân an lạc. Cũng như người dùng thuốc bôi ghê, cốt để ghê lành chứ không phải để trang sức, không vì tự cao.*

*Tỳ-kheo như vậy, ăn đủ để duy trì thân, không có lòng kiêu mạn phóng túng. Cũng như xe được bôi mỡ, cốt để trơn tru khiến vận hành thông suốt, đi đến đích. Tỳ-kheo cũng vậy, ăn uống cốt đủ duy trì thân để mà hành đạo.”*

Trong Tập A-hàm, kinh Quảng Thuyết Bát Chánh đạo, Đức Phật đã dạy về Chánh mạng như sau:

*“Thế nào là Chánh mạng? Chánh mạng có hai loại: có loại Chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ.*

*Thế nào là Chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Tìm cầu y, thực, ngoại cụ, thuốc thang theo bệnh đúng như pháp, chứ không phải không như pháp. Đó gọi là Chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.*

*Thế nào là Chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ưng vô lậu. Đó gọi là Chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ”.*

## *Chánh tinh tấn*

Chánh tinh tấn là sự nỗ lực đúng đắn. Nó được bao hàm trong bốn ý nghĩa của Tứ chánh cần.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*, Đức Phật dạy về Chánh tinh tấn như sau:

1. Để đoạn trừ điều ác đã sanh, khiến cho chúng vĩnh viễn bị đoạn trừ, nên phát khởi ý muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà đoạn trừ.

2. Để điều ác chưa sanh thì khiến cho chúng không thể sanh khởi, nên phát khởi ý muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà đoạn trừ.

3. Để điều thiện chưa sanh thì khiến cho chúng sanh khởi, nên phát khởi ý muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà tu tập.

4. Để điều thiện đã sanh rồi tồn tại, không bị quên, không bị thối thất, càng lúc càng phát triển rộng rãi, tu tập biến mãn đầy đủ, nên phát khởi ý muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà tu tập.

Nếu chúng ta an trụ trong Chánh kiến và Chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh Chánh tinh tấn.

Nếu chúng ta sống tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh ra sự giải đãi, tức bất thiện .

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh tinh tấn như sau:

*“Thế nào là Chánh tinh tấn? Chánh tinh tấn có hai loại: Chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; có Chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ.*

*Thế nào là Chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Tinh tấn, xác lập vững chắc thường không ngừng nghỉ. Đó gọi là Chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.*

*Thế nào là Chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu, thường không ngừng nghỉ. Đó gọi là Chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ”.*

### ***Chánh niệm***

Chánh niệm là sự nhớ nghĩ đúng đắn.

*“Chánh niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm hơi thở, niệm thân vô thường, niệm chết, niệm Niết-bàn” (Kinh Tăng Nhất A-hàm, phẩm Một pháp).*

Theo *Luận Thành Duy Thức* giải thích về niệm, định và tuệ như sau:

*“Niệm là gì? Tự tính của nó là sự nhớ rõ không quên mất của tâm đối với cảnh đã quen thuộc. Nghiệp dụng của nó là làm sở y cho định. Tức là thường xuyên ghi nhớ cảnh đã từng được tiếp nhận không để cho quên mất, có thể dẫn đến định. Đối với cảnh mà thể và loại của nó chưa hề được tiếp nhận, niệm hoàn toàn không phát khởi. Giả sử đối tượng đã từng được tiếp nhận nhưng không được ghi nhận rõ ràng, niệm cũng không phát sinh.*

*Định là gì? Tự tính của nó là khiến cho tâm chuyên chú trên đối tượng được quan sát mà không phân tán. Nghiệp dụng của nó là làm sở y cho trí.*

*Tuệ là gì? Tính giản trạch đối với đối tượng được quan sát. Nghiệp dụng của nó là đoạn trừ nghi”.*

Trong *Tập A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh đạo*, Đức Phật dạy Chánh niệm như sau:

*“Thế nào là Chánh niệm? Chánh niệm có hai loại: Chánh niệm hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.*

*Thế nào là Chánh niệm hữu lậu, hướng đến đường lành? Hoặc niệm, hoặc tùy niệm, không quên lãng. Đó gọi là Chánh niệm hữu lậu, hướng đến đường lành.*

*Thế nào là Chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu. Đó gọi là Chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.”*

### ***Chánh định***

Chánh định là an trú tâm nhất như vào một đối tượng đúng đắn.

Theo *Luận Thành Duy Thức*: *“Định là gì? Tự tính của nó là khiến cho tâm chuyên chú trên đối tượng được quán sát mà không phân tán. Nghiệp dụng của nó là sở y cho trí”.*

Những loại định được dẫn sinh từ Chánh kiến và Chánh tư duy thì mới được gọi là Chánh định. Chính định

này mới có khả năng nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Ngược lại, các loại định được dẫn sinh từ tà kiến và tà tư duy thì gọi là tà định. Chính loại định này không thể nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên và Tứ Thánh quả.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh định như sau:

*“Thế nào là Chánh định? Chánh định có hai loại: Chánh định hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh định vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.”*

*Thế nào là Chánh định hữu lậu, hướng đến đường lành? Tâm trụ không loạn, không động, nhất tâm. Đó gọi là Chánh định hữu lậu, hướng đến đường lành.*

*Thế nào là Chánh định vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ưng với tư duy vô lậu, an trụ không tán loạn, nhất tâm. Đó gọi là Chánh định vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ.”*

Chín tầng thiền định trong Phật giáo gồm: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ và Diệt tận định.

1. Sơ thiền gồm có năm chi: tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm (định tâm).

Ví như, khi hành giả chọn hơi thở vào ra để thực tập định tâm, thì tâm suy tìm hơi thở vào ra là tầm; tâm theo dõi hay bám sát hơi thở vào ra là tứ; tâm nhớ đến hơi thở vào ra là niệm; tâm an trú nhất như nơi hơi thở vào ra là định; tâm nhận biết được hơi thở vào ra cũng như thân tâm là tuệ hay chánh kiến; tâm vui thích là hỷ thọ; tâm an lạc là lạc thọ. Đây gọi là Sơ thiền.

2. Nhị thiền gồm có 3 chi: hỷ thọ, lạc thọ và nhất tâm.

Hành giả an trú trong định tâm của Sơ thiền để tiếp tục tu tập nên định tâm được tăng tiến. Vì định tâm được tăng tiến nên định tâm này chỉ còn tương ứng với hỷ thọ và lạc thọ. Đây gọi là Nhị thiền.

3. Tam thiền gồm có 2 chi: lạc thọ và nhất tâm.

Hành giả an trú trong định tâm của Nhị thiền để tiếp tục tu tập nên định tâm được tăng tiến. Vì định tâm được tăng tiến nên định tâm này chỉ còn tương ứng với lạc thọ. Đây gọi là Tam thiền.

4. Tứ thiền gồm có 1 chi: nhất tâm và tương ứng với xả thọ.

Hành giả an trú trong định tâm của Tam thiền để tiếp tục tu tập nên định tâm được tăng tiến. Vì định tâm được tăng tiến nên định tâm này chỉ còn tương ứng với xả thọ. Theo Kinh, khi hành giả đạt được Tứ thiền thì thức thứ sáu sẽ không tập khởi.

Bốn tầng định tâm nói trên là y vào năm thiền chi để giải thích sự tăng tiến của các định tâm, chứ trong các định tâm đó vẫn có tuệ, niệm, tinh tấn...

5. Không vô biên xứ định là trạng thái định tâm rộng lớn đồng nhất với không gian vô biên.

Hành giả an trụ trong định tâm của Tứ thiền để tiếp tục tu tập nên định tâm được tăng tiến. Vì định tâm được tăng tiến nên định tâm này rộng lớn đồng nhất với không gian vô biên. Đây gọi là Không vô biên xứ định.

6. Thức vô biên xứ định là trạng thái định tâm rộng khắp cả toàn thể vũ trụ.

Hành giả an trụ trong định tâm của Không vô biên xứ để tiếp tục tu tập nên định tâm được tăng tiến. Vì định tâm được tăng tiến nên định tâm này rộng khắp cả toàn thể vũ trụ. Đây gọi là Thức vô biên xứ định.

7. Vô sở hữu xứ định là trạng thái định tâm rộng khắp cả toàn thể vũ trụ, nên không còn một tướng trạng sở hữu.

Hành giả an trụ trong định tâm của Thức vô biên xứ để tiếp tục tu tập nên định tâm được tăng tiến. Vì định tâm được tăng tiến nên định tâm này rộng khắp cả toàn thể vũ trụ nên không còn một tướng trạng sở hữu. Đây gọi là Vô sở hữu xứ định.

8. Phi tướng phi phi tướng xứ định là trạng thái định tâm vượt qua Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ. Định tâm này vẫn còn lại một phần tập đế vi tế.

Vì vậy, trong *Trung A-hàm*, kinh *Thuyết Vô Thường*, Đức Phật dạy: Phi tướng phi phi tướng xứ định chỉ còn lại các hành tàn dư (tập đế vi tế).

9. Diệt tận định (hay Diệt thọ tướng định) là loại định đoạn trừ hoàn toàn Tập đế.

Hành giả an trụ trong định Phi tướng phi phi tướng xứ để tiếp tục tu tập nhằm đoạn tận hoàn toàn tập đế tàn dư, nên đạt được Diệt tận định và thành tựu quả vị A-la-hán.

Vì thế, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Chỉ Tức*, Đức Phật dạy:  
*“Diệt thọ tướng định sẽ tỉnh chỉ thọ và tướng”.*

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu Hy La*, Tôn giả dạy:  
*“Tỳ-kheo nhập diệt tận định trước hết diệt thân hành, kế đến khẩu hành và sau hết là ý hành.”*

## **b. Tu tập Bát Chánh đạo**

### **Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu**

Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là chúng ta sống trong Chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp qua Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng. Các thiện pháp bao gồm Quy y Tam bảo, thực tập tất cả học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm thuộc hữu lậu như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích đạt được Kiến đạo, tức bước tới tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Khi chúng ta chú tâm vào nơi các công việc hằng ngày như quét nhà, nấu ăn, rửa chén bát, làm vườn,... thì sẽ nhận thấy tâm tập khởi thiện ác hỗn tạp để dẫn sinh qua lời nói của miệng và hành động của thân (tam nghiệp). Bởi vì đối tượng chú tâm luôn thay đổi nên định tâm sẽ không được chuyên chú hay an trụ vào một đối tượng duy nhất. Nhiều lúc, chúng ta sẽ nhận thấy tâm bất thiện sinh khởi nhiều hơn tâm thiện. Tùy thuộc vào tâm thiện và bất thiện ấy sẽ hình thành nên nhân cách đạo đức của mỗi chúng ta.

Muốn có được định tâm thì chúng ta cần phải chọn cho mình một phương pháp để tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, một vị Bồ-

tát, một câu thần chú. Rồi sau đó, chúng ta cần phải ứng dụng phương pháp ấy vào trong đời sống để tu tập thì mới có thể điều phục, đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm thủ uẩn. Và việc đoạn trừ tham, sân và si đối với năm thủ uẩn chính là do Chánh định và Chánh tuệ, chứ không phải là hơi thở, hoặc danh hiệu của Đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ-tát, hoặc một câu thần chú. Chính vì vậy, chúng ta là những người đang tu tập, nhất định cần phải hiểu rõ được ý nghĩa này.

Bởi vì Chánh niệm và Chánh định thuộc về nhóm định nên chúng sẽ có chung đối tượng duy nhất là pháp môn đã chọn. Trong khi đó, đối tượng của tuệ là sự tri nhận tất cả các pháp xảy ra, làm sở duyên cho nó.

Chánh định và Chánh tuệ được ví như ngọn đèn và ánh sáng: ngọn đèn ví cho định, còn ánh sáng ví cho tuệ.

Ví như, khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì Chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm và Chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn).

Khi chúng ta thực tập Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt của Chánh tinh tấn và Chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của Chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát

triển những điều thiện, tức Chánh niệm, Chánh định, Chánh kiến và Chánh tư duy.

Trong Bát Chánh đạo, Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện); còn Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định (*Tiểu Kinh Phương Quảng, Trung Bộ I, số 44*).

Nghĩa là, trong Bát Chánh đạo, năm chi gồm Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc về tâm, được phân làm hai nhóm: nhóm định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và nhóm tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy). Ba chi còn lại là Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc về thân (hay thân và khẩu), được gom chung thành nhóm giới.

Cho nên, khi chúng ta an trú trong định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra, thì sẽ dẫn sinh giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Như vậy, chúng ta tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu nghĩa là tâm luôn an trú trong định hữu lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ hữu lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Nhờ chúng ta sống với giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng) – định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) – tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) để nhận biết về khổ đế, đoạn trừ tập đế bất thiện (bát tà đạo) nên mới đem lại sự an lạc của thân và tâm.

## Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu

Để tu tập Bát Chánh đạo vô lậu thì chúng ta cần phải Kiến đạo, tức là lãnh hội Chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu. Muốn chứng nghiệm được chân lý đó, chúng ta cần phải nỗ lực tu tập để lãnh hội, chứ không chỉ dừng lại ở trên mặt nhận thức, tư duy thuộc về khái niệm.

Chúng ta biết rằng, sáu căn làm điều kiện tập khởi sự khổ đau (tâm hữu lậu), nhưng cũng chính ở nơi sáu căn lãnh hội tâm vô lậu.

Vậy, thế nào là tâm hữu lậu (hay vọng tâm) và tâm vô lậu (hay chân tâm) ở nơi sáu căn?

Chính khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc với sáu trần nên dẫn đến sự sinh khởi sáu thức, thì đó là tâm hữu lậu.

Ngược lại, khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, và trong cái nhận biết chỉ là cái nhận biết, thì đó là tâm vô lậu.

Hoặc cũng có thể nói: Khi nhãn căn của chúng ta nhìn thấy các sắc pháp như ngôi nhà, đám mây, bầu trời xanh, dòng sông, mọi người đi lại... mà trong cái thấy chỉ là cái thấy, thì đây chính là cái thấy của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nhìn thấy các cảnh vật đó, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm chỉ là vọng niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu.

Khi nhĩ căn của chúng ta nghe các âm thanh như tiếng chim hót, tiếng chuông ngân... mà trong cái nghe chỉ là cái nghe, thì đây chính là cái nghe của tâm vô lậu. Hoặc

khi ta nghe các âm thanh đó, mà tâm hữu lậu tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu.

Khi tỷ căn của chúng ta ngửi các hương trần như trầm hương, hương của các loài hoa... mà trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, thì đây chính là cái ngửi của tâm vô lậu. Hoặc khi ta ngửi các mùi hương đó, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm chỉ là vọng niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu.

Khi thiệt căn của chúng ta tiếp xúc với các vị trần như chua, cay, mặn, đắng... mà trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, thì đây chính là cái nếm vị của tâm vô lậu. Hoặc khi chúng ta nếm các vị trần đó, mà tâm hữu lậu tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu.

Khi thân căn của chúng ta tiếp xúc với các xúc trần như trơn, nhám, cứng, mềm, lạnh, nóng... mà trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, thì đây chính là cái xúc chạm của tâm vô lậu. Hoặc khi ta xúc chạm các xúc trần ấy, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được tạp niệm chỉ là tạp niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu.

Hoặc khi chúng ta nhắm mắt lại, tâm hữu lậu tập khởi suy tư, phân biệt, nhớ nghĩ về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị và xúc, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu.

Tuy Kiến đạo chỉ có một nghĩa, nhưng tùy theo mỗi bản kinh, bản luận mà có những tên gọi khác nhau. Trong

giáo lý Tứ Thánh đế, Kiến đạo được gọi là *Chánh kiến vô lậu*; trong pháp Mười hai nhân duyên gọi là *Minh*; trong kinh *Vô Tri* gọi là *Như thật tri*; trong kinh *Vô Minh* gọi là *Minh*.

Trong kinh *Bahiya*, Kiến đạo được diễn đạt là: “*Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái nghĩ chỉ là cái nghĩ, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết.*” Trong kinh *Lăng Nghiêm*, gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh nghĩ, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong *Bát-nhã Tâm Kinh* và kinh *Kim Cang*, gọi là *trí vô lậu (Bát-nhã)*. Theo luận *Thành Duy Thức*, gọi là *trí vô phân biệt*.

Tiếp theo ý nghĩa trên, trong *Trung A-hàm*, kinh số 30, Đức Phật dạy: “*Ai thấy được duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được duyên khởi*”. Ý nghĩa của câu “*người ấy thấy được pháp*” ở đây là chỉ cho hành giả Kiến đạo.

Nghĩa của Kiến đạo cũng được mô tả qua các bài kệ truyền pháp của các Tổ sư như sau:

Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu truyền lại cho tổ Ma-Noa-La:

*Tâm theo muôn cảnh chuyển,  
Chỗ chuyển thật kín sâu,  
Theo dòng nhận được tánh,  
Không mừng cũng không lo.*

(Hoà thượng Thích Thanh Từ dịch)

Tổ Sư-Tử truyền lại cho tổ Bà-Xá-Tư-Đa:

*Thánh nhân nói tri kiến,*

*Ngay cảnh không phải quấy,  
Nay ta ngộ tánh ấy,  
Không đạo cũng không lý.*

(Hoà thượng Thích Thanh Từ dịch)

Nghĩa của Kiến đạo cũng được diễn tả thông qua các công án của các bậc Thánh nhân như sau:

○ Ngài Triệu Châu bèn chỉ lửa hỏi vị thị giả rằng:

- Này con! Đây là lửa nhưng con không được gọi là lửa, Thầy đã dạy cho con xong rồi vậy.

Vị thị giả không hiểu được.

Ngài Triệu Châu đến gấp lửa lên liền hỏi:

- Con có hội chăng?

Vị thị giả thưa:

- Dạ, con chẳng lãnh hội.

○ Hoà thượng Thường Quán hỏi một vị Thầy:

- Thầy từ đâu đến

Vị Thầy thưa:

- Con từ trang trại đến.

Hoà thượng hỏi:

- Thầy có thấy trâu không?

Vị Thầy thưa:

- Bạch Hoà thượng con có thấy.

Hoà thượng hỏi:

- Con thấy sừng bên trái hay sừng bên phải?

Vị Thầy không đáp được. Hoà thượng Thường Quán liền nói:

Này con! Cái thấy không phải trái.

Khi hành giả Kiến đạo, tức lãnh hội được Chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì sẽ bắt đầu tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Chính tâm vô lậu (hay chân tâm) là định – tuệ đồng thời. Tâm này thường rỗng lặng nên gọi là định. Ở trong tâm ấy lại có trí tuệ nhận biết được tâm thường rỗng lặng, cũng như chánh tuệ và tà tuệ, các cảnh về sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần nên gọi là tuệ.

Trong Bát Chánh đạo, Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định.

Vì thế, khi các bậc Thánh giả an trụ trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ vô lậu (Chánh kiến và Chánh tư duy), thì sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Do đó, các bậc Thánh giả tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu nghĩa là các Ngài sống trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Tuy nhiên, hàng thánh giả gồm có hai hạng: hàng Hữu học và hàng Vô học. Trong đó, những bậc Thánh thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ

được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chương) nên các Ngài vẫn chưa sống được hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng).

Chỉ có những bậc Thánh Vô học (A-la-hán) đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chương) nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các Ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng).

### **Tu tập Bát Chánh đạo chính là tu tập Giới - Định - Tuệ**

Trong Bát Chánh đạo, Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ (quán); Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện); Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định (chỉ) (*Tiểu Kinh Phương Quảng, Trung Bộ I, số 44*).

Như vậy, chúng ta tu tập Bát Chánh đạo chính là tu tập giới - định - tuệ.

Hoặc cũng có thể nói: chúng ta tu tập giới - định - tuệ nghĩa là tu tập Bát Chánh đạo. Giới - định - tuệ gồm có hai loại: giới - định - tuệ hữu lậu và giới - định - tuệ vô lậu.

### **Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu**

Để tu tập giới - định - tuệ hữu lậu, thì chúng ta cần phải thực hành tất cả học giới do Đức Phật chỉ dạy cho đến chọn một phương pháp tu tập như niệm hơi thở vào

ra, hoặc niệm danh hiệu một Đức Phật, một vị Bồ-tát, một câu thần chú, v.v... Từ đó, chúng ta cần phải thực tập phương pháp ấy vào trong đời sống hằng ngày mỗi khi đi, đứng, nói năng hay im lặng.

Ví như, khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì Chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm và Chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn).

Khi thực tập Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt của Chánh tinh tấn và Chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của Chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức Chánh niệm, Chánh định, Chánh kiến và Chánh tư duy.

Trong Bát Chánh đạo, Chánh kiến, Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng thuộc nhóm giới; Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định thuộc nhóm định (*Tiểu Kinh Phương Quảng, Trung Bộ I, số 44*).

Cho nên, khi chúng ta an trụ trong định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra, thì sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Nhờ chúng ta sống với giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng) – định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và

Chánh định) – tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) để nhận biết về khổ đế, đoạn trừ tập đế bất thiện (bát tà đạo) nên mới đem lại sự an lạc của thân và tâm. Đây chính là giới – định – tuệ hữu lậu.

Nhờ chúng ta thực tập Chánh định và chánh tuệ nơi hơi thở vào ra được thuần thực nên đạt được các tầng định tâm: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền.

Sơ thiền gồm có năm chi: tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Nhị thiền gồm có ba chi: hỷ, lạc và nhất tâm. Tam thiền gồm có hai chi: lạc và nhất tâm. Tứ thiền chỉ có một chi: nhất tâm và tương ứng với xả thọ.

Hành giả an trụ trong định và tuệ hữu lậu tương ứng với định tâm các cõi trời thuộc về Sắc giới. Như ba cõi trời thuộc Sơ thiền: Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Đại phạm thiên; ba cõi trời thuộc Nhị thiền: Thiếu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Quang âm thiên; ba cõi trời thuộc Tam thiền: Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên; Tứ thiền có chín cõi, trong đó có bốn cõi thuộc hàng phàm phu: Vô văn thiên, Phúc sinh thiên, Quảng quả thiên, Vô tưởng thiên.

Chúng ta an trụ trong Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và chánh tuệ (Chánh kiến, Chánh tư duy) như vậy nên sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Đây cũng chính là giới – định – tuệ hữu lậu.

Tuy nhiên, giới - định - tuệ hữu lậu không thể nhận biết được như thật về Khổ đế, đoạn tận Tập đế, nhằm đạt được Tứ Thánh quả. Cho nên, có những vị tuy tu tập đạt được các tầng thiền định: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền cho đến

Tứ thiền, nhưng rồi cũng dẫn đến việc xả giới và từ bỏ đời sống của người xuất gia.

Chính vì ý nghĩa này nên trong *Trung A-hàm*, kinh *Chi-Ly-Di-Lê*, số 82, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy như sau: *“Này Chư Hiền, hoặc có một người vừa được Sơ thiền; được Sơ thiền rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Người ấy, sau đó thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo”*.

*“Lại nữa, này Chư Hiền, hoặc có một người được Nhị thiền; được Nhị thiền rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi thì sanh tâm tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi liền xả giới bỏ đạo.*

*“Này Chư Hiền, lại nữa, hoặc có một người được Tam thiền; được Tam thiền rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện.*

*Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo”.*

*“Lại nữa, này Chư Hiền, hoặc có một người được Tứ thiên; được Tứ thiên rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo”.*

Bởi ý nghĩa đó nên trong *Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Hạ Phần Kết*, số 205, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy: *“Này A-nan, nếu có Tỷ-kheo phan duyên vào sự yếm ly, y trên sự yếm ly, an trụ nơi yếm ly, do làm an tịnh thân ác, do tâm nhập ly định, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiên thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó, tất chứng đắc Lưu tận. Giả sử trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.*

*“Rồi vị ấy giác quán tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiên, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán*

sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lưu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

“Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trụ với Chánh niệm Chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh nói là được Thánh xả, với niệm an trú lạc, chứng đắc Tam thiên, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lưu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

“Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy diệt lạc, diệt khổ, ưu hỷ vốn cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lưu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

“Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu ngại tướng, [12] không suy niệm đến bất cứ loại tướng nào, nhập vô lượng không, chứng vô lượng không xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lưu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

*“Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lưu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.*

*“Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Nơi vị ấy nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, khổ, hoặc không lạc, không khổ, vị ấy quán sát cảm thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy quán thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.*

Theo ý nghĩa của bản kinh nêu trên, Đức Phật dạy rằng: Khi chúng ta tu tập đạt được định tâm từ Sơ thiền, Nhị thiền... thì an trụ trong các định tâm ấy quán sát các cảm thọ là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả để kiến đạo, tức thành tựu quả Tu-đà-hoàn.

Từ đó, chúng ta tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu để tu tập, hướng đến Tư-đà-hàm và cho đến đạt được quả

Tư-đà-hàm; hướng đến A-na-hàm và cho đến đạt được quả A-na-hàm; hướng đến A-la-hán và cho đến đạt được quả A-la-hán (chứng đắc Lưu tận).

Chúng ta tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu nghĩa là tâm luôn an trụ trong định hữu lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ hữu lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Giới - định - tuệ hữu lậu không thể nhận biết được như thật về Khổ đế, đoạn tận Tập đế, nhằm đạt được Diệt thánh đế; chỉ có giới – định – tuệ vô lậu mới làm được điều đó. Vì vậy, chúng ta cần phải bước tới tu tập giới – định – tuệ vô lậu.

Cho nên trong *Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Chi Vật Chủ*, Đức Phật dạy: *“Này Vật chủ, giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nếu Đa văn Thánh đệ tử hành trì giới mà không dính trước nơi giới, đây là giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.*

*“Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật giới thiện, biết đúng như thật giới thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật giới thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới thiện.*

*“Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm thiện, biết đúng như thật niệm thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật niệm thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại*

*hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm thiện.”*

**Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu**

Các bậc Thánh nhân an trụ trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ vô lậu (Chánh kiến và Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Tuy nhiên, các bậc Thánh thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các ngài vẫn chưa sống được hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng).

Chỉ có những bậc Thánh Vô học (A-la-hán) đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Chính vì vậy, trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*, số 189, Đức Phật dạy: *“Bậc Thánh Hữu học thành tựu tám chi phần Bát Chánh đạo; còn bậc Thánh Vô học thành tựu mười chi, thêm hai chi nữa là Chánh giải thoát và Chánh trí.”*

Với ý nghĩa đó nên chúng ta hiểu rằng tâm vô lậu của các bậc Thánh A-la-hán không chỉ thành tựu mười chi vô

lâu mà còn thành tựu lục độ ba-la-mật, hoặc thập độ ba-la-mật.

Cho nên, trong *Tăng Nhất A-hàm, phẩm Tựa*, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú: *“Tôn giả Ca-diếp hỏi tôn giả A-nan: Trong bài kệ nào mà xuất sinh 37 phẩm và các pháp?”*

*Bấy giờ Tôn giả A-nan liền nói bài kệ:*

*Chớ làm các điều ác,  
Vâng làm các điều thiện.  
Tự thanh tịnh tâm ý,  
Là lời chư Phật dạy.*

*Thế nào, A-nan? Chỉ có Tăng Nhất A-hàm mới xuất sinh 37 phẩm và các pháp, hay là 4 bộ A-hàm khác cũng xuất sinh?*

*Tôn giả A-nan đáp: Trong bài kệ này đã thu tóm đầy đủ giáo nghĩa của Chư Phật, Thanh Văn, Bích Chi Phật và giáo nghĩa của bốn bộ A-hàm.”*

Nếu y cứ vào ý nghĩa của Bát Chánh đạo, chúng ta sẽ khẳng định rằng: Chính tâm an trú trong Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và Chánh tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Hoặc cũng có thể nói: do chúng ta sống trong định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nhận thức được những điều thiện (y vào các giới học) và những điều bất thiện (trái với các giới học) nên mới dẫn sinh đến việc giữ giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Như vậy, từ nơi định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ (Chánh kiến, Chánh tư duy) sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Chứ không phải từ nơi giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng) để dẫn sinh ra Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và chánh tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy).

Chính ý nghĩa này, trong *Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Chi Vật Chủ*, số 179, Đức Thế Tôn đã dạy: *“Này Vật chủ, thế nào gọi là giới thiện? Thân hành thiện, miệng, ý hành thiện. Đó gọi là giới thiện.*

*“Giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Tâm là thế nào? Nếu tâm không có dục, không có nhuế, không có si, nên biết giới thiện phát sanh từ tâm này”.*

Nếu y vào ý nghĩa của Bát Chánh đạo, chúng ta hiểu rằng tất cả giới luật do Đức Phật thiết lập đều thuộc về Đạo Thánh Đế. Chẳng hạn, năm giới của người cư sĩ tại gia: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm thuộc về chánh nghiệp; không nói dối thuộc về chánh ngữ; không uống rượu và các chất gây nghiện thuộc về chánh mạng.

Tương tự, trong mười điều thiện: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm thuộc về chánh nghiệp; không nói dối, không nói lời thô ác, không nói lưỡi hai chiều (ly gián), không nói lời thêu dệt thuộc về chánh ngữ; không tham, không sân, không si thuộc về chánh định và chánh tuệ.

### **c. Tu tập Bát Chánh đạo chính là tu tập Tứ vô lượng tâm**

Tứ vô lượng tâm là tâm từ vô lượng, tâm bi vô lượng, tâm hỷ vô lượng và tâm xả vô lượng.

#### **Tâm từ vô lượng**

Chúng ta an trụ trong định hữu lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ hữu lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) để quán sát Tứ thánh đế nơi thân tâm của chính mình, và Tứ thánh đế nơi thân tâm của tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại nên dẫn sinh tâm từ.

Cũng vậy, các bậc Thánh nhân an trụ trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) để quán sát Tứ thánh đế nơi thân tâm của các Ngài, và Tứ thánh đế nơi thân tâm của tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại nên dẫn sinh tâm từ vô lượng.

#### **Tâm bi vô lượng**

Chúng ta an trụ trong Định hữu lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và Tuệ hữu lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) để quán sát Tứ Thánh đế nơi thân tâm của chính mình, đồng thời quán sát Tứ Thánh đế nơi thân tâm của tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển trong sinh tử khổ đau trong các giới loại. Từ đó, tâm từ được dẫn sinh.

Từ tâm từ sẽ dẫn sinh tâm bi, tức tâm nguyện muốn cứu giúp mọi người. Tâm bi ấy được biểu hiện cụ thể qua Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc hữu lậu.

Cũng vậy, các bậc Thánh nhân an trú trong Định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và Tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) để quán sát Tứ Thánh đế nơi thân tâm của các Ngài, đồng thời quán sát Tứ Thánh đế nơi thân tâm của tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển trong sinh tử khổ đau trong các giới loại. Từ đó, dẫn sinh tâm từ vô lượng.

Từ tâm từ vô lượng sẽ dẫn sinh tâm bi vô lượng, tức tâm nguyện muốn cứu giúp tất cả chúng sinh. Tâm bi ấy được biểu hiện cụ thể qua Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc vô lậu. Nghĩa là, các Ngài dùng tài thí và pháp thí (thuyết pháp) để giáo hóa, hướng dẫn tất cả chúng sinh tu tập các thiện pháp.

Chính vì ý nghĩa đó, Đức Thế Tôn, các bậc Đại Bồ-tát, các bậc A-la-hán đều từ Định vô lậu và Tuệ vô lậu, nhằm nguyện lực mà thị hiện thân trong ba cõi để giáo hóa chúng sinh bằng những phương tiện như tài thí và pháp thí.

### **Tâm hỷ vô lượng**

Nhờ chúng ta an trú trong giới hữu lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng), định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ hữu lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên dẫn sinh hỷ thọ và lạc thọ. Từ đó, chúng ta mới vui thích, hoan hỷ trước tất cả nhân thiện và quả lành của mọi người.

Cũng vậy, các bậc Thánh nhân an trụ trong giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng), định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên dẫn sinh hỷ thọ và lạc thọ thuộc về vô lậu. Cho nên, các Ngài luôn hoan hỷ khi thấy tất cả chúng sinh biết tu tập các thiện pháp và thọ quả lành.

### **Tâm xả vô lượng**

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Lục Thường Hành*, số 306, Đức Phật dạy: *“Tỳ-kheo Xả-lợi-phất khi mắt thấy sắc, an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí. Tai đối với thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, mà an trụ với tâm xả.”*

Theo *Luận Thành Duy Thức*: *“Hành xả là gì? Đó là tinh tấn cùng với ba thiện căn.”*

Nhờ chúng ta an trụ trong giới hữu lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng), định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ hữu lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên mới điều phục, đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm thủ uẩn.

Cũng vậy, các bậc thánh nhân từ quả vị Tu-đà-hoàn cho đến quả vị Phật sống với giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng), định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy), nên đạt được tâm xả.

Bậc Thánh Tu-đà-hoàn đã xả ly được thân kiến, giới cấm thủ và nghi.

Bậc Thánh Tư-đà-hàm đã làm mỏng, giảm tham, sân và si câu sinh đối với năm thủ uẩn.

Bậc Thánh A-na-hàm đã xả ly được năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới).

Bậc Thánh A-la-hán đã xả ly hoàn toàn Khổ đế - Tập đế (chấp ngã).

Duy chỉ có Đức Thế Tôn mới xả ly hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng). Vì vậy, Ngài thành tựu viên mãn tâm đại từ, tâm đại bi, tâm đại hỷ và tâm đại xả.

**d. Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu liên hệ với sự thành tựu Tứ Thánh quả**

**Thánh quả Tu-đà-hoàn (Thất lai)**

Tuy Kiến đạo chỉ có một nghĩa, nhưng tùy theo mỗi bản kinh, bản luận mà có những tên gọi khác nhau. Trong giáo lý Tứ Thánh đế, Kiến đạo được gọi là *Chánh kiến vô lậu*; trong pháp Mười hai nhân duyên gọi là *Minh*; trong kinh *Vô Tri* gọi là *Như thật tri*; trong kinh *Vô Minh* gọi là *Minh*.

Trong kinh *Bahiya*, Kiến đạo được diễn đạt là: *“Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái nghĩ chỉ là cái nghĩ, trong cái nắm vị chỉ là cái nắm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết.”* Trong kinh *Lăng Nghiêm*, gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh nghĩ, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong *Bát-nhã Tâm Kinh* và kinh *Kim Cang*, gọi

là *trí vô lậu (Bát-nhã)*. Theo luận *Thành Duy Thức*, gọi là *trí vô phân biệt*.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Lục Nội Xứ*, số 878, Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: *"Tùy Tín hành, siêu việt, rời sinh vị, rời địa vị phàm phu, nhưng chưa đắc quả Tu-đà-hoàn. Cho đến trước khi mạng chung chắc chắn đắc quả Tu-đà-hoàn.*

*Tùy Pháp hành, siêu việt, rời sinh vị, rời địa vị phàm phu, nhưng chưa đắc quả Tu-đà-hoàn. Cho đến trước khi mạng chung chắc chắn đắc quả Tu-đà-hoàn.*

*Hoặc Tỳ-kheo quán sát như thật bằng chánh trí, Ba kết là thân kiến, giới thủ, và nghi đã đoạn tận, đã biến tri. Đó gọi là Tu-đà-hoàn, quyết định không bị đọa vào đường dữ, mà nhất định hướng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại trời người, rốt ráo thoát khổ."*

Theo *Luận Câu-xá*, phẩm *Phân biệt Hiền thánh*, trang 378–382, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú giải, đã giải thích Kiến đạo hướng quả, Kiến đạo trụ quả và Kiến đạo siêu chứng.

Chính vì vậy, người viết y cứ vào kinh *Lục Nội Xứ* và ý nghĩa được giải thích trong Luận để trình bày sự sai biệt về ý nghĩa Kiến đạo như sau:

Trong những hành giả mới Kiến đạo, có những hành giả chỉ hướng đến quả Tu-đà-hoàn; có những hành giả trụ quả Tu-đà-hoàn; và có những hành giả siêu chứng, tức không trụ ở quả vị Tu-đà-hoàn mà chứng quả Tư-đà-hàm hoặc A-na-hàm. Tất cả sự tu chứng sai biệt này là do sự tu tập của mỗi hành giả từ đời quá khứ cho đến đời hiện tại.

Ví dụ, có những hành giả đời trước chưa huân tập sự tu tập nhiều, đến đời này tu tập và Kiến đạo thì khi Kiến

đạo chỉ hướng đến quả Tu-đà-hoàn, chứ chưa trụ được quả Tu-đà-hoàn. Vì thế, hành giả này cần phải tiếp tục nỗ lực tu tập cho đến khi trụ quả Tu-đà-hoàn.

Những hành giả đời trước đã huân tập sự tu tập nhiều, đến đời này tiếp tục tu tập và Kiến đạo thì khi Kiến đạo có thể trụ quả Tu-đà-hoàn.

Có những hành giả đã trải qua nhiều đời tu tập, đạt được định tâm như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cho đến Tứ không. Đến đời này, khi tiếp tục tu tập và Kiến đạo, những hành giả này có thể siêu chứng quả vị, tức không trụ ở quả vị Tu-đà-hoàn mà chứng quả Tư-đà-hàm hoặc A-na-hàm.

Khi hành giả Kiến đạo, tức lãnh hội được Chánh kiến vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc Thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai.

- Thân kiến là gì? Đó là cho rằng sắc, thọ, tưởng, hành và thức là tự ngã và tự ngã chính là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Lê-Tê-Đạt-Đa*, số 570, Tôn giả Lê-Tê-Đạt-Đa dạy:

*“Thế nào là thân kiến?”*

*“Phàm phu ngu si không học thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thức khác ngã, thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Đây Trưởng giả, đó gọi là thân kiến.”*

*“Làm thế nào để không có thân kiến này?”*

*“Đa văn Thánh đệ tử chẳng thấy sắc là ngã, chẳng thấy sắc khác ngã, chẳng thấy sắc trong ngã, ngã trong*

*sắc; chẳng thấy thọ, tướng, hành, thức là ngã, chẳng thấy thức khác ngã, chẳng thấy thức trong ngã, ngã trong thức; đó gọi là không có thân kiến.” Cũng vậy, Đức Phật dạy: “Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm; thọ, tướng, hành, thức thọ ấm. Nay Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương có ngã, tất cả y trên năm thọ ấm này mà chủ trương có ngã. Những gì là năm? Các Sa-môn, Bà-la-môn, ở nơi sắc thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng vậy, ở nơi thọ, tướng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau.” (Tập A-hàm, kinh Phân Biệt, số 54)*

- Giới cấm thủ là gì? Đó là không phải nhân mà thấy là nhân; không phải đạo mà thấy là đạo. Đây gọi là giới cấm thủ. Ví như Đại Tự Tại Thiên, Sinh Chủ không phải là nhân của thế giới mà cho đó là nhân. Hoặc những hành vi như nhảy vào lửa, nhảy xuống sông... không phải là nguyên nhân để sinh lên cõi Thiên, mà cho đó là nguyên nhân để sinh Thiên. Hoặc cho rằng phải khổ hạnh, ép xác hành hạ thân thể để đền bù tội lỗi trong quá khứ và sau khi chết sẽ thọ quả báo ở chư thiên... Đó gọi là giới cấm thủ.

- Nghi là gì? Đó là nghi Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới. Nhiều kinh chỉ ghi gọn là nghi Tứ Thánh đế.

Vì sao bậc Thánh Sơ quả đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi? Bởi vì bậc Thánh Sơ quả an trú trong Chánh kiến vô lậu, nhận biết được như thật năm thủ uẩn là pháp duyên sinh, vô thường, khổ và vô ngã, nên đoạn trừ được thân kiến.

Chính chánh kiến vô lậu nhận biết được như thật: đây là Khổ đế, đây là Tập đế cần phải đoạn, đây là Diệt đế cần

phải chứng và đây là Đạo để cần phải tu tập, nên đoạn trừ được Giới cấm thủ.

Chính chánh kiến vô lậu nhận biết được như thật Khổ đế, tức năm thủ uẩn; Tập đế, tức vô minh, tham ái đối với năm thủ uẩn; Diệt đế, tức chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu; chính chánh kiến vô lậu là đạo để vô lậu. Điều đó có nghĩa là, bậc Thánh Tu-đà-hoàn sống với đạo để vô lậu để tu tập, nhận biết như thật về Khổ đế, đang đoạn trừ dần Tập đế và hướng đến Diệt đế, nên đoạn trừ được tâm nghi về Tứ Thánh đế.

Bởi vì không còn nghi về Tứ Thánh đế, nên bậc Thánh Tu-đà-hoàn (Sơ quả) cũng không còn nghi đối với Phật, Tăng và Thánh giới.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Hồ Nghi Đoạn*, số 137, Đức Phật dạy: *“Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đó gọi là, Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại Trời Người, rồi cứu cánh biên tế khổ.”*

Tương tự, trong *Trung A-hàm*, kinh *Thủy Dụ*, Đức Phật dạy: *“Ba kết đã dứt sạch liền chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến Chánh giác, đời sau thọ sanh tối đa bảy lần, qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng; rồi chứng đắc biên tế của sự khổ.”*

Theo luận *Câu-xá*, trang 392, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, luận giải thích về ý nghĩa “Thất lai” của bậc Thánh Sơ quả (Tu-đà-hoàn) như sau: *“Ở đây chứng cứ nào nói mỗi thú bảy lần chứ không phải bảy lần trong cả hai. Trong khi kinh được đọc như vậy: “Bảy lần chư thiên và loài người”.*

*Các vị Ẩm quang bộ (tức Luận chủ đã dẫn Ẩm quang bộ) cũng đọc “bảy lần chư thiên và loài người” như là “mỗi thú” riêng biệt. Ở đây không nên cố chấp.*

*Vị đắc quả dự lưu giữa loài người sẽ trở lại đây mà nhập Niết-bàn. Nếu đắc quả giữa chư thiên, cũng sẽ trở lại nơi ấy.”*

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Xá-Lợi-Phất*, số 844, Ngài Xá-Lợi-Phất đã trả lời những câu hỏi từ Đức Thế Tôn như sau:

*“Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: “Bảo là dòng; thế nào là dòng?”*

*Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nói là dòng, đó là nói tám Thánh đạo”.*

*Lại hỏi Xá-lợi-phất: “Gọi là Nhập lưu phần, vậy thế nào là Nhập lưu phần?”*

*Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, có bốn thứ Nhập lưu phần. Những gì là bốn? Thân cận thiện nam tử, nghe Chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp.”*

*Lại hỏi Xá-lợi-phất: “Người Nhập lưu phải thành tựu bao nhiêu pháp?”*

*Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: “Có bốn phần để người Nhập lưu thành tựu. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới”.*

*Phật bảo Xá-lợi-phất: “Như những gì thầy đã nói, dòng tức là tám Thánh đạo. Nhập lưu phần có bốn pháp là thân cận thiện nam tử, nghe chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp. Người Nhập lưu thành tựu bốn pháp, là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới”.*

*Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.”*

### **Thánh quả Tư-đà-hàm (Nhất lai)**

Bậc Thánh Tư-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong Chánh kiến vô lậu tu tập, làm giảm hay mỏng tham, sân và si câu sinh đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn nên thành tựu quả vị Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai.

Khi bậc Thánh xả bỏ báo thân, Ngài sẽ sinh lên nơi các cõi Trời thuộc Dục giới. Sau khi xả bỏ báo thân ở nơi các cõi Trời đó, Ngài sẽ sinh lại trong nhân gian để tiếp tục nỗ lực tu tập cho đến khi thành tựu quả vị A-la-hán.

Theo luận *Câu-xá*, trang 399, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, Luận giải thích về ý nghĩa “Nhất lai” của bậc Thánh Nhị quả (Tư-đà-hàm) như sau: *“Đây là đắc quả thứ hai, gọi là quả nhất lai, vì sau khi sinh lên chư thiên, rồi*

*sinh trở lại nhân gian một lần duy nhất, sau đó không còn đời nào nữa. Kinh nói là làm mỏng tham, sân và si”.*

Trong Trung A-hàm, kinh Thủy Dụ (1), Đức Phật dạy về bậc Thánh Tư-đà-hàm như sau:

*“Thế nào là người ra rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn quanh rồi lợi qua. Đó là người trỗi được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều đã kiên cố không mất, trú trong thiện pháp. Biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, ba kết liền dứt sạch. Đó là, thân kiến, giới thủ, nghi; ba kết đã dứt sạch. Dâm, nô, si rơi mỏng. Còn phải một lần vắng lai trong nhân gian, thiên thượng. Sau khi qua lại một lần đó rồi liền diệt tận biên tế khổ. Đó là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lợi qua. Như người chìm trong nước, ngoi rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ năm của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy”.*

### **Thánh quả A-na-hàm (Bất lai)**

Bậc Thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong Chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ được năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc Thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai.

Khi bậc Thánh xả bỏ báo thân, Ngài sẽ sinh lên các cõi Trời thuộc Sắc giới (thuộc tầng thiên thứ tư) như: Vô Phiền

Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến Thiên và Sắc Cứu Cánh Thiên. Ở nơi các cõi Trời đó, các Ngài tiếp tục tu tập để nhận biết như thật về Khổ đế, đoạn tận Tập đế nên thành tựu Niết bàn, tức quả A-la-hán.

Trong đó, bậc thánh A-na-hàm gồm có năm hạng: Trung bát-niết-bàn, Sanh bát Niết-bàn, Vô hành bát-niết-bàn, Hữu hành bát-niết-bàn, Thượng lưu bát-niết-bàn.

**Trung Bát-Niết-bàn:** Khi bậc thánh xả bỏ báo thân, Ngài sinh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên, ngay trong khoảng trung gian ấy sẽ lậu tận phiền não chướng nên thành tựu Niết-bàn, gọi là Trung Bát-niết-bàn.

Vì vậy, Luận Câu-xá do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú (trang 403), Luận giải thích Trung Bát-Niết-bàn như sau: *“Vị nhập Niết-bàn trong trung hữu.”*

**Sanh Bát-niết-bàn:** Khi bậc thánh xả bỏ báo thân, Ngài liền sinh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên. Tại đó, Ngài tiếp tục tu tập trải qua một thời gian không lâu, biết như thật về Khổ đế, đoạn tận Tập đế nên thành tựu Niết-bàn, gọi là Sanh Bát-niết-bàn (quả vị A-la-hán).

Vì vậy, Luận Câu-xá do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú (trang 403), Luận giải thích Sinh Bát-Niết-bàn như sau: *“Vừa tái sinh lên Sắc giới không lâu, vị ấy bằng Niết-bàn hữu dư y mà nhập Niết-bàn, do tinh cần và đạo nhiệm vận.”*

**Hành Bát-niết-bàn:** Khi bậc thánh xả bỏ báo thân, Ngài liền sinh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên. Tại đó, Ngài tiếp tục tu tập trải qua một thời gian nữa, biết như thật về Khổ đế, đoạn tận Tập đế nên thành tựu Niết-bàn, gọi là Hành Bát-niết-bàn (A-la-hán).

Vì vậy, Luận Câu-xá do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú (trang 404), Luận giải thích Hữu hành Bát-Niết-bàn như sau: *“Theo truyền thuyết, sau khi tái sinh, vị ấy gia hành không ngưng nghỉ, bằng sự nỗ lực dụng công này mà nhập Niết-bàn. Gọi là Hữu hành, vì chỉ có tinh cần tu mà không có đạo nhiệm vận.”*

**Vô hành Bát-niết-bàn:** Khi bậc thánh xả bỏ báo thân, Ngài liền sinh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên. Tại đó, Ngài sẽ biết như thật về Khổ đế, đoạn tận Tập đế nên thành tựu Niết-bàn, gọi là Vô hành Bát-niết-bàn (A-la-hán).

Vì vậy, Luận Câu-xá do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú (trang 405), Luận giải thích Vô hành Bát-Niết-bàn như sau: *“Trái với vị Hữu hành, ở đây không do dụng công mà nhập Niết-bàn. Vì không có cần hành và đạo nhiệm vận”*.

**Thượng lưu sắc cứu cánh Niết-bàn:** Khi bậc thánh xả bỏ báo thân, Ngài liền lần lượt sinh lên cõi Sơ thiên, rồi từ cõi Sơ thiên sinh lên cõi Nhị thiên, rồi từ cõi Nhị thiên sinh lên cõi Tam thiên, rồi từ cõi Tam thiên sinh lên cõi Sắc cứu cánh thiên. Tại đó, Ngài tiếp tục tu tập để biết như thật về Khổ đế, đoạn tận Tập đế nên thành tựu Niết-bàn, gọi là Thượng lưu sắc cứu cánh Niết-bàn (A-la-hán).

Vì vậy, Luận Câu-xá do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú (trang 405), Luận giải thích Thượng lưu Bát-Niết-bàn như sau: *“Vị này không nhập Niết-bàn nơi đã sinh mà thú hưởng thượng phương.”*

Sự khác biệt giữa thân kiến, giới cấm thủ và nghi của bậc thánh Tu-đà-hoàn và A-na-hàm: Bậc Thánh Tu-đà-hoàn đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi thuộc phân

biệt ngã chấp; còn bậc Thánh A-na-hàm đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi thuộc câu sinh ngã chấp.

Trong giai đoạn tu đạo của các bậc Thánh giả: bậc Thánh Tu-đà-hoàn an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị Tư-đà-hàm, rồi cho đến thành tựu quả vị Tư-đà-hàm; bậc Thánh Tư-đà-hàm an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị A-na-hàm, rồi cho đến thành tựu quả vị A-na-hàm; bậc Thánh A-na-hàm an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị A-la-hán; trong các tiến trình ấy, các ngài chỉ đoạn trừ được phần nào chứ chưa đoạn trừ được hoàn toàn ngã chấp câu sinh. Cho đến quả vị A-la-hán thì các ngài mới đoạn trừ hoàn toàn loại ngã chấp câu sinh này.

Mặt khác, loại ngã chấp câu sinh này luôn cùng tồn tại với chúng ta tức vốn sẵn có, mà không cần phải chịu ảnh hưởng từ sự huân tập của Ngoại Giáo.

Cho nên, trong *Trung A-hàm, kinh Ngũ Hạ Phần Kết*, số 205, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy: “*Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngủ, trong ý còn không có ý tưởng về dục tưởng, há lại có quấn chặt nơi dục chẳng? Nhưng kết sử nằm trong bản tính của chúng nên nói là dục tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh, mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về chúng sanh còn không có, há lại có tâm bị quấn chặt nơi sân nhuế chẳng? Nhưng do kết sử nằm trong bản tính của nó, nên nói là nhuế tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới*

*sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về tự thân còn không có, há lại có quán chặt nơi thân chăng? Nhưng do kết sử ở nơi bản tính của nó nói là thân kiến tùy miên. Nay Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về giới còn không có, há lại có tâm quán chặt nơi giới chăng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là giới thủ tùy miên. Nay Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, ý tưởng về pháp còn không có, há lại có tâm quán chặt nơi pháp chăng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là nghi tùy miên”.*

Trong Trung A-hàm, kinh Thiện Nhân Vãng, số 6, Đức Phật dạy có bảy bậc Thánh Tam quả:

*“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ nhất, thế gian quả thực có người như vậy.”*

*“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy; còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ hai, thế gian quả thực có người như vậy.”*

*“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ ba, thế gian quả thực có người như vậy.”*

*“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Sanh Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ tư, thế gian quả thực có người như vậy.”*

*“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ năm, thế gian quả thực có người như vậy.”*

*“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Vô hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ sáu, thế gian quả thực có người như vậy.”*

*“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Thượng lưu A-ca-nị-trá Niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ bảy, thế gian quả thực có người như vậy.”*

### **Thánh quả A-la-hán (Vô học)**

Bậc Thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong Chánh kiến vô lậu để tu tập nhận biết như thật về Khổ đế, đoạn tận Tập đế nên đạt được Niết-bàn, tức thành tựu quả vị A-la-hán.

Theo luận *Câu-xá*, phẩm *Phân Biệt Hiền Thánh*, trang 482, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, đã giải thích về A-la-hán tuệ giải thoát và A-la-hán câu phần giải thoát như sau:

***“A-la-hán tuệ giải thoát:** “Vì bằng lực của tuệ duy chỉ giải thoát phiền não chướng”.*

***A-la-hán câu phần giải thoát:** “A-la-hán đắc Diệt tận định được gọi là vị Câu phần giải thoát, vì bằng lực của tuệ và định mà giải thoát phiền não chướng và giải thoát giải thoát chướng.””*

Hàng thánh giả gồm có hai hạng: Hàng Hữu học và hàng Vô học. Trong đó, những bậc Thánh như Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm và A-na-hàm chưa đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng), nên thuộc hàng Hữu học.

Còn bậc Thánh A-la-hán đã đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng) nên thuộc hàng Vô học. Với sự thành tựu ấy, các Ngài xứng đáng được loài người, Chư thiên đánh lễ và cúng dường.

Các bậc Thánh Hữu học chưa thành tựu được tam minh. Chỉ có những bậc Thánh Vô học mới thành tựu được tam minh.

Cho nên, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Vô Học Tam Minh*, số 871, Đức Phật dạy: *“Bậc Vô học có ba minh. Những gì là ba? Túc mạng trí chứng thông của bậc Vô học, Sanh tử trí chứng thông của bậc Vô học, Lậu tận trí chứng thông của bậc Vô học.*

*“Thế nào là Túc mạng chứng trí thông của bậc Vô học? Thánh đệ tử biết tất cả sự từ những đời trước. Từ một đời đến trăm, ngàn, vạn, ức đời; cho đến số kiếp thành hoại rằng: ‘Các đời sống trước của ta và chúng sanh, có những tên như vậy, sanh ra như vậy, dòng họ như vậy, ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ dài như vậy, sống lâu như vậy, chịu giới hạn như vậy. Ta và chúng sanh chết ở chỗ này, sanh ra chỗ khác; chết chỗ khác sanh ra chỗ này, có hành như vậy, nhân như vậy, tín như vậy.’ Tất cả các việc đã trải qua trong đời sống trước đều biết rõ ràng. Đó gọi là Trí túc mạng chứng minh.*

*“Thế nào là Sanh tử trí chứng minh? Thánh đệ tử, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt qua đối với mắt người, thấy các chúng sanh lúc chết, lúc sanh, đẹp, xấu, thượng sắc, hạ sắc, theo nghiệp mà thọ sanh vào đường ác. Biết như thật rằng như chúng sanh này thành tựu thân ác hành, thành tựu miệng, ý ác hành, hủy báng Thánh nhân, tà kiến, nhận lãnh tà pháp; do nhân duyên này sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường ác địa ngục. Chúng sanh này do thành tựu thân thiện hành, thành tựu miệng, ý thiện hành, không hủy báng Thánh nhân, đã thành tựu Chánh kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường Trời, Người. Đó gọi là Trí sanh tử chứng minh.*

*“Thế nào là Lưu tận trí chứng minh? Thánh đệ tử biết như thật, ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo.’ Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát Dục hữu lậu, tâm giải thoát Hữu hữu lậu, tâm giải thoát Vô minh lậu, với giải thoát tri kiến, biết rằng, ‘Ta, sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Đó gọi là Lưu tận chứng trí minh.”*

Bởi vì, tu tập bát chánh đạo sẽ thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân Thiên, Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật. Cho nên, trong *Tạp A-hàm, kinh Sa-môn Pháp Sa-môn Quả, số 765*, Đức Phật dạy pháp và quả của Sa-môn:

*“Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến... cho đến Chánh định. Những gì là quả*

*Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.*

*Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si còn mỏng. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn sạch hết năm hạ phần kết. Thế nào là quả A-la-hán? Đoạn trừ vĩnh viễn tham, nhuế, si; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các thứ phiền não.”*

## 2. Tứ Niệm Xứ

**Tập A-hàm, Kinh Tứ niệm xứ, số 575**

*“Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Có bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là Niệm xứ quán thân trên thân; Niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp”.*

*Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.”*

**Tập A-hàm, kinh Tứ Niệm Xứ, số 576**

*“Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:*

*“Có bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, Niệm xứ quán thân trên thân; Niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.*

*Như vậy, Tỳ-kheo đối với bốn Niệm xứ này, tu tập đầy đủ, tinh cần phương tiện, Chánh niệm, chánh tri, cần phải học”.*

*Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.”*

**Tập A-hàm, Kinh Chánh niệm, số 580**

*“Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:*

*“Ta sẽ dạy về sự tu tập bốn Niệm xứ. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ!”*

*Thế nào là tu bốn niệm xứ? Sống Chánh niệm quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, Chánh niệm, chánh tri, điều phục lo buồn của thế gian. Sống quán ngoại thân, nội ngoại thân, tinh cần phương tiện, Chánh niệm chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian. Cũng vậy sống Chánh niệm quán thọ, tâm, pháp, nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp, tinh cần phương tiện, Chánh niệm chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian, đó gọi là Tỳ-kheo tu bốn Niệm xứ”.*

*Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành .*

*Thời quá khứ, vị lai, tu bốn Niệm xứ cũng được thuyết như vậy.”*

#### **a. Nội dung Tứ Niệm xứ:**

##### ***Niệm thân***

Thân chính là thân thể của chúng ta. Thân thể này do bốn đại tạo thành.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Ngũ Chuyển*, Đức Phật dạy: *“Pháp gì do bốn đại tạo thành gọi là sắc”.*

##### ***Niệm thọ***

Thọ có ba loại: Khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ. Thọ chính là thọ thuộc tiền ngũ thức, hoặc thọ của ý thức, thọ của thức thứ bảy và thọ của thức thứ tám.

Thọ thuộc về tâm sở. Tâm sở và tâm vương không tách rời nhau, ví như mặt trời và ánh sáng: mặt trời ví cho tâm

vương, còn ánh sáng ví cho tâm sở. Cho nên, khi thọ tập khởi thì tưởng, hành và thức cũng tập khởi, tức toàn bộ năm thủ uẩn đồng thời tập khởi.

Vì thế, trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu-hy-la*, số 211, Tôn giả Đại Câu-hy-la dạy thọ, tưởng và tư hợp nhất không riêng biệt:

*“Thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt.”*

### ***Niệm tâm***

Tâm chính là chỉ cho các tâm vương và tâm sở.

Theo *Duy Thức*, có 8 thức tâm vương và 51 tâm sở, gồm thiện tâm sở và bất thiện tâm sở.

### ***Niệm pháp***

Pháp gồm sắc pháp và tâm pháp.

Sắc pháp gồm nội sắc và ngoại sắc. Nội sắc là bốn đại bên trong thuộc thân thể của mỗi chúng ta; còn ngoại sắc là sắc, thanh, hương, vị và xúc.

Theo *Tạp A-hàm*, kinh *Ngũ Chuyển*, Đức Phật dạy: *“Pháp gì do bốn đại tạo thành gọi là sắc”*.

Vì vậy, sắc pháp là pháp do bốn đại tạo thành. Còn tâm pháp chính là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Như vậy, nội thân, nội thọ, nội tâm và nội pháp chính là năm thủ uẩn của mỗi chúng ta (Khổ đế - Tập đế). Còn ngoại thân, ngoại thọ, ngoại tâm và ngoại pháp chính là năm thủ uẩn của tất cả chúng sinh (Khổ đế - Tập đế).

Trong các kinh Tứ Niệm Xứ có các từ như “niệm”, “quán”, “biết”, “chánh tri” về thân, thọ, tâm và pháp, đây chính là Chánh niệm và Chánh kiến trong Bát Chánh đạo.

Bát Chánh đạo gồm có hai loại: Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu.

Theo *Tăng Nhất A-hàm*, Phẩm 30, kinh số 1, Đức Phật dạy: “*Vô lậu là Niết-bàn*.”

Vì thế, niệm thân, niệm thọ, niệm tâm và niệm pháp chính là ý nghĩa của Tứ Thánh Đế. Bởi vì thân, thọ, tâm và pháp là năm thủ uẩn, nên thuộc Khổ đế và Tập đế. Còn các từ như “niệm”, “quán”, “biết”, “chánh tri” ở đây chính là ý nghĩa của Bát Chánh đạo.

Bát Chánh đạo gồm có hai loại: Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu. Trong đó, Bát Chánh đạo vô lậu chính là Niết-bàn.

Tuy nhiên, những bậc Thánh thuộc hàng Hữu học vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chương) nên chưa đạt được Niết-bàn. Chỉ có những bậc Thánh thuộc hàng Vô học đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chương) nên các Ngài mới đạt được Niết-bàn.

## **b. Tu tập:**

Với ý nghĩa đó, Đức Phật dạy chúng ta cần phải tu tập Bát Chánh đạo để quán sát nội thân, nội thọ, nội tâm, nội pháp (Khổ đế – Tập đế) của chính mình; đồng thời quán sát ngoại thân, ngoại thọ, ngoại tâm, ngoại pháp (Khổ đế – Tập đế) của tất cả chúng sinh, cũng như các đối tượng thuộc sắc, thanh, hương, vị và xúc.

Nhờ đó, chúng ta mới đoạn trừ thân, thọ, tâm và pháp, tức nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Với ý nghĩa tu tập Bát Chánh đạo từ hữu lậu đến vô lậu, người viết đã chia sẻ ở phần tu tập Bát Chánh đạo.

*Trung A-hàm*, trích kinh *Niệm Thân*, số 81, Đức Phật dạy:

*“Tỳ-kheo tu tập niệm thân như thế nào? Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đang đi, đứng thì biết mình đang đứng, ngồi thì biết mình đang ngồi, nằm thì biết mình đang nằm, ngủ thì biết mình đang ngủ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Khi được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.*

*“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo tỉnh giác khi vào, khi ra, khéo phân biệt khi nhìn, khi co, lúc duỗi, khi cúi, lúc ngược; nghi dung chừng chắc, khoắc*

*tăng-già-lê ngay ngắn, ôm bát chỉnh tề; đi đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng, đều biết rõ như thực.*

## **Giải nghĩa**

Y cứ vào ý nghĩa của đoạn văn kinh nêu trên, chúng ta có thể phân tích qua hai cái biết: một là cái hiểu biết của những người không tu tập Đạo Thánh đế; hai là cái biết của những người tu tập Đạo Thánh đế.

Cái biết của những người tu tập Đạo Thánh đế lại có hai: một là cái biết thuộc Chánh kiến hữu lậu; hai là cái biết thuộc Chánh kiến vô lậu.

Vậy, thế nào là cái hiểu biết của những người không tu tập Đạo Thánh đế? Những người không tu tập Đạo Thánh đế, mỗi khi đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngược, ăn uống, ngủ nghỉ,... thì họ cũng nhận thức rõ ràng là đang đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngược, ăn uống, ngủ nghỉ và phân biệt các sự vật như con người, ngôi nhà, rừng cây, các màu sắc như xanh, đỏ, tím, vàng... Đây chính là sự hiểu biết thuộc về tà kiến (bát tà đạo).

Thế nào là cái nhận biết thuộc Chánh kiến hữu lậu? Đây là chỉ cho những người tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Vì thế, những vị ấy an trú trong giới – định – tuệ hữu lậu, nên mỗi khi đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngược, ăn uống, ngủ nghỉ,... thì những vị ấy cũng nhận biết rõ ràng là đang đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngược, ăn uống, ngủ nghỉ và nhận biết các sự vật như con người, ngôi nhà, rừng cây, các màu sắc như xanh, đỏ, tím,

vàng... Đây chính là cái nhận biết thuộc Chánh kiến hữu lậu.

Với ý nghĩa tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu, người viết đã trình bày ở phần tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu.

Thế nào là cái nhận biết thuộc Chánh kiến vô lậu? Đó là những bậc Thánh giả đang tu tập Bát Chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Vì vậy, những bậc Thánh giả đã an trụ trong giới - định – tuệ vô lậu, nên mỗi khi đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngược, ăn uống, ngủ nghỉ,... thì các Ngài cũng nhận biết là đang đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngược, ăn uống, ngủ nghỉ và nhận biết các sự vật như con người, ngôi nhà, rừng cây, các màu sắc như xanh, đỏ, tím, vàng... Đây chính là cái nhận biết thuộc Chánh kiến vô lậu.

Với ý nghĩa tu tập Bát Chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở phần tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

### 3. Tứ Chánh Cần

Tap A-hàm, kinh Tứ Chánh Đoạn, số 863

*Tôi nghe như vậy:*

*Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:*

*“Có bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn.”*

*“Thế nào là đoạn đoạn? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là đoạn đoạn.*

*“Thế nào là luật nghi đoạn? Pháp ác bất thiện chưa khởi thì không cho khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là luật nghi đoạn.*

*“Thế nào là tùy hộ đoạn? Pháp thiện chưa sanh thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tùy hộ đoạn.*

*“Thế nào là tu đoạn? Pháp thiện đã khởi, khiến tu tập thêm ích lợi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tu đoạn.”*

*Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.*

#### a. Nội dung Tứ Chánh cần:

Tứ Chánh cần là bốn cách thức tu tập để đoạn trừ những điều bất thiện và phát triển các thiện pháp.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*, Đức Phật dạy về Tứ chánh cần như sau:

1. Để đoạn trừ điều ác đã sanh, khiến cho chúng vĩnh viễn bị đoạn trừ, nên phát khởi ý muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà đoạn trừ.

2. Để điều ác chưa sanh thì khiến cho chúng không thể sanh khởi, nên phát khởi ý muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà đoạn trừ.

3. Để điều thiện chưa sanh thì khiến cho chúng sanh khởi, nên phát khởi ý muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà tu tập.

4. Để điều thiện đã sanh rồi tồn tại, không bị quên, không bị thối thất, càng lúc càng phát triển rộng rãi, tu tập biến mãn đầy đủ, nên phát khởi ý muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà tu tập.

### **b. Tu tập Tứ Chánh cần:**

Chúng ta nỗ lực tu tập để đoạn trừ những điều bất thiện đã sinh khởi, tức tham, sân và si (Tập đế) đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn (Khổ đế); ngăn ngừa những điều bất thiện chưa sinh khởi, tức tham, sân và si đang ở dạng chủng tử.

Còn chúng ta nỗ lực phát khởi những điều thiện chưa sinh thì khiến cho chúng được sinh khởi và tăng trưởng, tức tu tập Đạo Thánh đế.

Đạo Thánh đế gồm có hai loại: Đạo Thánh đế hữu lậu và Đạo Thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập Đạo Thánh đế hữu lậu chính là tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Tu tập giới - định - tuệ hữu lậu để nhận biết về Khổ

đế, đoạn trừ Tập đế bất thiện (bát tà đạo), nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên trong các giới loại.

Còn tu tập Đạo Thánh đế vô lậu chính là tu tập Bát Chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu nghĩa là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới - định - tuệ vô lậu để nhận biết như thật về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, nhằm thành tựu Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Vì vậy, nhờ chúng ta tu tập Bát Chánh đạo từ hữu lậu đến vô lậu nên mới đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm thủ uẩn, nhằm thành tựu những quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Về ý nghĩa tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu và tu tập Bát Chánh đạo vô lậu, người viết đã chia sẻ ở phần tu tập Bát Chánh đạo.

#### 4. Tứ Như Ý Túc

Trong Tập A-hàm, kinh Dục Định, số 181

*Tôi nghe như vậy:*

*Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:*

*“Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?”*

*Các Tỳ-kheo bạch Phật:*

*“Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó.”*

*Phật bảo các Tỳ-kheo:*

*“Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu dục định đoạn hành thành tựu Như ý túc. Vậy nên đoạn trừ những pháp vô thường nào? Để đoạn trừ sắc vô thường; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường; cho nên tu dục định đoạn hành thành tựu Như ý túc.”*

*Chi tiết như kinh đã nói (kinh 175)... cho đến:*

*Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.*

*Như kinh tu dục định, thì ba mươi hai kinh nói về tinh tấn định, ý định, tư duy định cũng như vậy.*

Trong Tập A-hàm, kinh Bà-la-môn, số 560, tôn giả A-nan lại nói với Bà-la-môn:

*“Như thế, Bà-la-môn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là đấng Tri giả, Kiến giả, nói bốn Như ý túc, bằng nhứt thừa đoạn mà thanh tịnh chúng sanh, diệt khổ não,*

*đoạn ưu bi. Những gì là bốn? Như ý tức được thành tựu với sự cần hành trên dục định. Như ý tức được thành tựu với sự cần hành trên tinh tấn định, tâm định, tư duy định. Như thế Thánh đệ tử tu dục định, đoạn tham ái, thành tựu bốn Như ý tức. Y xa lìa, y vô dục, y giải thoát, y diệt, hướng đến xả đoạn dứt ái; tham ái dứt rồi, thì dục kia cũng dứt; tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định, đoạn tham ái, thành tựu, y xa lìa, y vô dục, y giải thoát, y tịch diệt, hướng đến xả tham ái dứt sạch.”*

#### **a. Nội dung Tứ Như ý tức:**

Tứ Như ý tức là bốn pháp tu tập thành tựu định tâm để có khả năng sinh khởi thần lực, nên còn được gọi là Tứ Thần túc.

##### ***Dục như ý tức***

Do năng lực của ước muốn tu tập nên đạt được các tầng thiền định.

##### ***Niệm như ý tức***

Do năng lực của Chánh niệm nên đạt được các tầng thiền định.

##### ***Tấn như ý tức***

Do năng lực của Chánh tinh tấn nên đạt được các tầng thiền định.

##### ***Tư duy như ý tức***

Do năng lực của Chánh tư duy nên đạt được các tầng thiền định.

Theo Pháp Uẩn Túc Luận (trang 118 – 196), Hòa thượng Tuệ Sỹ và Nguyên An Việt dịch nói: Dục định thần

túc, Cần định thần túc, Tâm định thần túc, Quán định thần túc.

### **b. Tu tập Tứ Như ý túc:**

Để đạt được các tầng thiền định từ hữu lậu đến vô lậu thì chúng ta phải tu tập Đạo Thánh đế.

Đạo Thánh đế gồm có hai loại: Đạo Thánh đế hữu lậu và Đạo Thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập Đạo Thánh đế hữu lậu chính là tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu nghĩa là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu.

Còn tu tập Đạo Thánh đế vô lậu chính là tu tập Bát Chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu nghĩa là tu tập giới – định – tuệ vô lậu.

Nhờ chúng ta tu tập Đạo Thánh đế nên mới đoạn trừ tham, sân, si (Tập đế) đối với năm thủ uẩn (Khổ đế). Do tham, sân, si đối với năm thủ uẩn được đoạn trừ nên chúng ta thành tựu được các tầng định tâm và đạt Tứ Thần túc.

Vì vậy, khi nghiên cứu bốn bộ A-hàm, chúng ta sẽ nhận thấy ở trong các kinh có ghi lại Tứ Thần Túc (thần thông) của Đức Phật, các bậc Thánh A-la-hán thuộc Câu phân giải thoát và Chuyển Luân Thánh Vương.

Ngoài ra, có những hành giả tu tập đạt Tứ thiền nên các vị ấy cũng thành tựu Tứ Thần Túc (thần thông).

Cho nên trong *Tập A-hàm*, Kinh *Khô Thọ*, số 493, Ngài Xá-lợi-phất dạy: *“Nếu có Tỳ-kheo nào tu tập thiền tứ, đạt được thần thông, tâm được tự tại, muốn biến cây khô này thành đất, thì cây sẽ thành đất liền. Vì sao? Vì trong cây*

*khô này có địa giới. Cho nên Tỳ-kheo có sức thần thông, tâm muốn tạo ra đất, tức thì thành đất không khác. Nếu có Tỳ-kheo nào đạt được sức thần thông, tự tại như ý, mà muốn khiến cây này thành nước, lửa, gió, vàng, bạc v.v... tất cả đều thành tựu không khác”.*

Về ý nghĩa tu tập của Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu, người viết đã chia sẻ ở phần tu tập Bát Chánh đạo.

## 5. Ngũ Căn

Tập A-hàm, kinh Đương Tri, số 614

*Tôi nghe như vậy:*

*Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:*

*“Có năm căn. Những gì gọi là năm? Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ. Căn tín, nên biết, đó là bốn bất hoại tinh. Căn tinh tấn, nên biết, đó là bốn chánh đoạn. Căn niệm, nên biết, đó là bốn Niệm xứ. Căn định, nên biết, đó là bốn Thiền. Căn tuệ, nên biết, đó là bốn Thánh đế.”*

*Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.*

### a. Nội dung Ngũ căn:

Ngũ căn là năm pháp tu tập để điều phục tham, sân và si đối với năm thủ uẩn.

#### ***Tín căn***

Tín căn là căn bản của đức tin. Căn bản niềm tin của một người đệ tử Phật là nơi Đức Phật, giáo pháp, Tăng và Thánh giới.

#### ***Tấn căn***

Căn bản của tấn căn chính là tứ chánh cần, hoặc Chánh tinh tấn trong Bát Chánh đạo.

#### ***Niệm căn***

Niệm là nhớ lại, nhớ đến, chú ý đến. Căn bản của niệm căn chính là Chánh niệm trong Bát Chánh đạo.

### ***Định căn***

Chánh định là sự an trú tâm nhất như vào một đối tượng đúng đắn. Định căn là căn bản của thiền định. Căn bản của thiền định chính là Chánh định trong Bát Chánh đạo.

### ***Tuệ căn***

Tuệ căn là căn bản của tuệ. Căn bản của tuệ chính là Chánh kiến và Chánh tư duy trong Bát Chánh đạo.

### **b. Tu tập Ngũ căn**

Tu tập Ngũ căn chính là chúng ta sống trong Chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp qua Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng. Các thiện pháp bao gồm Quy y Tam bảo, thực tập tất cả học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm thuộc hữu lậu như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích để đạt được Kiến đạo, tức bước tới tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Muốn có được định tâm thì chúng ta phải chọn cho mình một phương pháp để thực tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, hay niệm một câu thần chú, v.v.. Rồi sau đó, chúng ta phải thực tập phương pháp ấy vào trong đời sống sinh hoạt mỗi khi đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng hay im lặng.

Ví như, khi chúng ta chọn phương pháp niệm danh hiệu của một Đức Phật để tu tập, thì Chánh niệm là nhớ đến câu niệm Phật, nhờ có Chánh niệm nơi câu niệm Phật nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh định là an trú nhất như nơi câu niệm Phật, nhờ có Chánh niệm và Chánh định nơi câu niệm Phật nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh kiến là nhận biết

được câu niệm Phật, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn).

Khi chúng ta thực tập Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến nơi câu niệm Phật, tức đang có mặt Chánh tinh tấn và Chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của Chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức Chánh niệm, Chánh định, Chánh kiến và Chánh tư duy.

Trong Bát Chánh đạo, Chánh kiến, Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc nhóm giới; Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định.

Nhờ chúng ta an trụ trong Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và Chánh tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nơi câu niệm Phật nên dẫn sinh giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Nhờ chúng ta sống với giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng) - định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) - tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế bất thiện (bát tà đạo) nên mới đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Như vậy, chúng ta tu tập Ngũ căn chính là tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu để đạt tới Bát Chánh đạo vô lậu, tức thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

## 6. Ngũ Lực

*Tập A-hàm, kinh Ngũ Lực Đương Thành Tựu, số 642*

*Tôi nghe như vậy:*

*Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:*

*“Có năm Lực. Những gì là năm? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.”*

*“Các Tỳ-kheo nên học như vậy: ‘Ta nên nỗ lực tinh tấn, thành tựu Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.’”*

*Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.*

### a. Nội dung Ngũ lực:

Đó là năm sức mạnh được tăng trưởng từ Ngũ căn.

#### ***Tín lực***

Tín lực là sức mạnh của đức tin nơi Đức Phật, Giáo Pháp, Tăng và Thánh giới.

#### ***Tấn lực***

Tấn lực là sức mạnh của Chánh tinh tấn trong Bát Chánh đạo.

#### ***Niệm lực***

Niệm lực là sức mạnh của Chánh niệm trong Bát Chánh đạo.

#### ***Định lực***

Định lực là sức mạnh của Chánh định trong Bát Chánh đạo.

## ***Tuệ lực***

Tuệ lực là sức mạnh của Chánh kiến và Chánh tư duy trong Bát Chánh đạo.

### **b. Tu tập Ngũ lực**

Khi chúng ta tu tập Ngũ căn được thuần thục thì đây chính là tu tập Ngũ lực. Nghĩa là, giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng), định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ (Chánh kiến, Chánh tư duy) được thuần thục, tăng trưởng và kiên cố.

Như vậy, do chúng ta tu tập Ngũ căn được thuần thục nên dẫn sinh Ngũ lực. Chúng ta tu tập Ngũ lực chính là đang tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu để đạt tới Bát Chánh đạo vô lậu, tức thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

## 7. Thất Giác Chi

Tạp A-hàm, kinh Thất Giác Chi, số 677

*Tôi nghe như vậy:*

*Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.*

*“Nếu Tỳ-kheo chuyên nhất tâm mình, lắng nghe Chánh pháp, có thể đoạn năm pháp; tu tập bảy pháp khiến cho càng lúc càng thẳng tiến mãi tức. Đoạn năm pháp gì? Là tham dục cái, sân nhuế cái, thù miên cái, trạo hối cái và nghi cái, đó gọi là đoạn Năm pháp. Tu tập bảy pháp gì? Là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Nếu tu bảy pháp này thì càng lúc càng thẳng tiến mãi tức.”*

*Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.*

### a. Nội dung Thất Giác chi:

Thất Giác chi là bảy chi phần tu tập để điều phục, đoạn trừ tham, sân và si đối với năm thủ uẩn.

#### ***Trạch pháp giác chi***

Trạch pháp giác chi chính là Chánh kiến và Chánh tư duy trong Bát Chánh đạo.

#### **Niệm giác chi**

Niệm giác chi chính là Chánh niệm trong Bát Chánh đạo.

#### **Tinh tấn giác chi**

Tinh tấn giác chi chính là nội dung của Tứ Chánh cần, hoặc Chánh tinh tấn trong Bát Chánh đạo.

### **Hỷ giác chi**

Hỷ giác chi chính là sự vui thích.

### **Khinh an giác chi**

Khinh an giác chi chính là trạng thái thân và tâm được thư thái, nhẹ nhàng.

### **Định giác chi**

Định giác chi chính là Chánh định trong Bát Chánh đạo.

### **Xả giác chi**

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Lục Thường Hành*, số 306, Đức Phật dạy: *“Tỳ-kheo Xả-lợi-phất khi mắt thấy sắc, an trụ với tâm xả, thấy không khổ, không lạc, chánh niệm, chánh trí. Tai đối với thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp, mà an trụ với tâm xả.”*

Theo luận *Thành Duy Thức*, hành xả chính là tinh tấn cùng với ba thiện căn. Ba thiện căn chính là tâm vô tham, vô sân, vô si. Tinh tấn và tâm vô tham, vô sân, vô si chính là ý nghĩa của giới-định-tuệ.

Vì vậy, do hành hành giả sống với giới-định-tuệ nên thành tựu xả giác chi.

### **b. Tu tập thất giác chi**

Tu tập thất giác chi chính là chúng ta sống trong Chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp qua Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng. Các thiện pháp bao gồm Quy y Tam bảo, thực tập tất cả học giới do Đức Phật

thiết lập, bố thí và các định tâm thuộc hữu lậu như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích để đạt được Kiến đạo, tức bước tới tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Muốn có được định tâm thì chúng ta phải chọn cho mình một phương pháp tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ-tát, hoặc niệm một câu thần chú nào đó.

Ví như, khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì Chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra (niệm giác chi), nhờ có Chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra (Định giác chi), nhờ có Chánh niệm và Chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh kiến (Trạch pháp giác chi) là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như nắm thủ uẩn.

Khi chúng ta tu tập Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt Chánh tinh tấn (Tinh tấn giác chi) và Chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của Chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển các thiện pháp, tức Chánh niệm, Chánh định, Chánh kiến và Chánh tư duy.

Trong Bát Chánh đạo, Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện); Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định.

Nhờ chúng ta an trụ trong Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và chánh tuệ (Chánh kiến và

Chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên dẫn sinh Hỷ giác chi, Khinh an giác chi và Xả giác chi.

Do chúng ta an trụ trong Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và chánh tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên dẫn sinh giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Nhờ chúng ta sống với giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng) - định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) - tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế bất thiện (bát tà đạo) nên mới đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Như vậy, chúng ta tu tập Thất giác chi có nghĩa là tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu để đạt tới Bát Chánh đạo vô lậu, tức thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

## **8. Bát Chánh đạo thấu tóm các Đạo đế, Tứ vô lượng tâm và Tứ nhiếp sự.**

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Lục Nhập Xứ*, số 305, Đức Phật dạy: *“Khi tu tập tám Thánh đạo đã đầy đủ rồi thì bốn Niệm xứ cũng tu tập đầy đủ và bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần cũng tu tập đầy đủ.”* Với ý nghĩa này, theo luận *Câu-xá*, Tập IV, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, trang 489 và 490, *“37 pháp Đạo Thánh đế này gom thành mười pháp: tín, tinh tấn, ức niệm, tuệ, định, hỷ và xả, khinh an, giới và tư.”*

*Mười thực thể này lập thành 37 giác phần như thế nào?*

*Tuệ chính là niệm trụ,*

*Tinh tấn là chánh đoạn,*

*Các định là thần túc,*

*Trong đây, tự thể của niệm trụ là tuệ, chánh đoạn là tinh tấn, và thần túc là các định.*

*Theo đó, các căn cho đến các lực, căn cứ theo tên gọi, có năm thực thể: tín, tấn, niệm, định và tuệ.*

*Các niệm trụ, trạch pháp giác chi và Chánh kiến (trong 8 chi đạo): thể chính là tuệ.*

*Các chánh đoạn, tinh tấn giác chi và Chánh tinh tấn (trong 8 chi đạo): thể chính là tinh tấn.*

*Các thần túc, định giác chi, và Chánh định (trong 8 chi đạo): thể chính là định.*

*Niệm giác chi và Chánh niệm (trong 8 chi đạo): thể chính là niệm.*

*Còn lại là gì? Đó là ba giác chi hỷ - khinh an - xả, Chánh tư duy và các giới chi. Những chi này chính là năm thực thể.*

*Như vậy các giác phần này có mười thực thể. Luận sư Tỳ-bà-sa nói có mười một. Vì thân nghiệp và ngữ nghiệp tách biệt nhau nên chi giới phân làm hai. Một số luận sư khác nói có mười ba thực thể, vì tăng thêm dục và tâm."*

Theo đó, chúng ta sẽ phân tích sự liên hệ giữa 37 pháp đạo Thánh để như sau:

Tuệ căn, Tuệ lực chính là Chánh kiến trong Bát Chánh đạo.

Tư duy như ý túc, Trạch pháp giác chi nghĩa là Chánh tư duy trong Bát Chánh đạo.

Tứ Chánh cần, Tấn như ý túc, tấn căn, tấn lực, Tinh tấn giác chi chính là Chánh tinh tấn trong Bát Chánh đạo.

Tứ niệm xứ, niệm như ý túc, niệm căn, niệm lực, niệm giác chi nghĩa là Chánh niệm trong Bát Chánh đạo.

Định căn, định lực, Định giác chi chính là Chánh định trong Bát Chánh đạo.

Như vậy, 37 pháp thuộc đạo Thánh để có thể quy về 13 pháp: (1) tín gồm tín căn và tín lực; (2) dục như ý túc; (3) Chánh kiến; (4) Chánh tư duy; (5) Chánh ngữ; (6) Chánh nghiệp; (7) Chánh mạng; (8) Chánh tinh tấn; (9) Chánh niệm; (10) Chánh định; (11) Hỷ giác chi; (12) Khinh an giác chi; (13) Xả giác chi.

Mười ba pháp này có thể quy về 8 pháp: (1) tín; (2) dục như ý túc; (3) giới gồm Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng; (4) Chánh định gồm Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định; (5) Chánh tuệ gồm Chánh kiến và Chánh tư duy; (6) Hỷ giác chi; (7) Khinh an giác chi; (8) Xả giác chi.

Tám pháp này lại quy về ba tụ: (1) giới; (2) định bao gồm ý nghĩa của hỷ, khinh an và xả; (3) tuệ bao gồm ý nghĩa của tín và dục như ý túc.

Vì vậy, ý nghĩa chính yếu của 37 pháp này chính là giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng) – định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) – tuệ (Chánh kiến, Chánh tư duy).

Bát Chánh đạo chính là giới – định – tuệ. Từ đó, chúng ta sẽ tiếp tục phân tích ý nghĩa của Bát Chánh đạo thấu tóm các Đạo để còn lại, cũng như Tứ vô lượng tâm và Tứ nhiếp sự (hay Tứ nhiếp pháp).

- Hành giả sống với định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ (chánh kiến, chánh tư duy) nên dẫn sinh giới (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng).
- Hành giả sống với giới - định - tuệ, tu tập để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, cũng chính là điều phục, đoạn trừ thân, thọ, tâm và pháp, tức bao gồm ý nghĩa của Tứ niệm xứ.
- Hành giả sống với giới - định - tuệ, tu tập để điều phục, đoạn trừ điều ác và phát triển điều thiện, tức bao gồm ý nghĩa của Tứ chánh cần.
- Hành giả sống với giới - định - tuệ, với ước muốn tu tập nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, nhằm đạt các tầng định tâm và dẫn sinh thần lực, tức bao gồm ý nghĩa của Bốn Như Ý Túc.
- Với tín tâm nơi Tam bảo, hành giả sống với giới - định - tuệ, tu tập để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế. Khi giới - định - tuệ được tăng trưởng, kiên cố, tức bao gồm ý nghĩa của Ngũ Căn và Ngũ Lực.
- Hành giả sống với giới - định - tuệ, tu tập để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế nên dẫn sinh hỷ thọ, khinh an và xả, tức bao gồm ý nghĩa của Thất Giác Chi.
- Hành giả sống với giới - định - tuệ, tu tập nên dẫn sinh tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả, tức bao gồm ý nghĩa của Tứ Vô Lượng Tâm.
- Hành giả sống với giới - định - tuệ, tu tập nên dẫn sinh bố thí, ái ngữ, hành lợi, đồng lợi, tức bao gồm ý nghĩa của Tứ Nhiếp Sự.

Tuy nhiên, trong *Tăng nhất A hàm*: “*Tôn giả Ca diếp hỏi tôn giả A nan: Trong bài kệ nào mà xuất sinh 37 phẩm và các pháp?*”

*Bấy giờ tôn giả A nan liền nói bài kệ:*

*Chớ làm các điều ác,*

*Vâng làm các điều thiện.*

*Tự thanh tịnh tâm ý,*

*Là lời chư Phật dạy.*

*Thế nào, A nan? Chỉ có Tăng nhất A hàm mới xuất sinh 37 phẩm và các pháp, hay là Bốn bộ A hàm khác cũng xuất sinh?*

*Tôn giả A nan đáp: Trong bài kệ này đã thu tóm đầy đủ giáo nghĩa của chư Phật, thanh văn, Bích chi Phật và giáo nghĩa của Bốn bộ A hàm”.*

Như vậy, bài kệ nêu trên đã thu tóm ý nghĩa của 37 pháp thuộc Đạo Thánh đế, cũng như giáo nghĩa của chư Phật, Thanh Văn, Bích Chi Phật và Bốn bộ A-hàm. Điều này có nghĩa là, hành giả không làm các điều bất thiện, mà tu tập tất cả điều thiện. Trong đó, điều bất thiện chính là bát tà đạo; còn điều thiện là bát chánh đạo từ hữu lậu đến vô lậu.

Hoặc cũng có thể nói: tâm thanh tịnh gồm tâm thiện hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm thiện hữu lậu chính là hành giả sống với định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) - tuệ (Chánh kiến, Chánh tư duy) hữu lậu nên dẫn sinh giới hữu lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng).

Còn tâm vô lậu chính là các bậc Thánh nhân sống với định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định vô

lậu) - tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy vô lậu) nên dẫn sinh giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng vô lậu).

## V. KẾT LUẬN TỨ THÁNH ĐẾ

Tứ Thánh đế chính là thân tâm của mỗi chúng ta và tương ứng với từng quốc độ. Thân là bốn đại; tâm gồm có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm vô lậu là Niết-bàn.

Thân và tâm hữu lậu là thuộc về Khổ đế và Tập đế. Tâm hữu lậu gồm hai loại: tâm hữu lậu bất thiện và tâm hữu lậu thiện.

Tâm hữu lậu bất thiện chính là: tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà niệm và tà định nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng, tức tạo nghiệp nhân bất thiện. Đây chính là bát tà đạo.

Tâm hữu lậu thiện chính là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc hữu lậu nên dẫn sinh Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc hữu lậu, tức tạo nghiệp nhân thiện. Đây chính là Bát Chánh đạo hữu lậu.

Còn tâm vô lậu chính là Diệt đế và Bát Chánh đạo vô lậu. Nghĩa là, các bậc Thánh giả sống trong chánh định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định vô lậu) và chánh tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy vô lậu) nên dẫn sinh giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng vô lậu). Đây chính là Bát Chánh đạo vô lậu.

Hoặc cũng có thể nói: năm thủ uẩn hiện tại (khổ đế) của mỗi chúng ta là quả báo được dẫn sinh từ vô minh và hành (tập đế) thuộc về đời quá khứ.

Từ đó, tập đế (bất thiện) chính là tà định (tà tinh tấn, tà niệm, tà định) và tà tuệ (tà kiến, tà tư duy) đã y vào quả hiện tại (năm thủ uẩn) mà chấp làm thực ngã, nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng, tức tạo nghiệp nhân bất thiện. Đây chính là bát tà đạo. Tùy theo những nghiệp nhân bất thiện này sẽ dẫn sinh quả: hiện báo, sinh báo và hậu báo – tức Khổ đế.

Ngược lại, tập đế (thiện) là chánh định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và chánh tuệ hữu lậu (chánh kiến, chánh tư duy) đã y vào quả hiện tại (năm thủ uẩn) mà chấp làm thực ngã (ngã chấp câu sinh), nên dẫn sinh chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng, tức tạo nghiệp nhân thiện. Đây chính là bát chánh đạo hữu lậu. Tùy theo những nghiệp nhân thiện này sẽ dẫn sinh quả: hiện báo, sinh báo và hậu báo – tức Khổ đế.

Tu tập bát chánh đạo hữu lậu nhận biết về khổ đế, đoạn trừ tập đế bất thiện (bát tà đạo), nhằm thành tựu các quả báo tốt đẹp của cõi người và cõi trời trong các giới loại, nên vẫn thuộc về khổ đế và tập đế.

Còn tu tập bát chánh đạo vô lậu nhận biết về khổ đế, đoạn trừ tập đế, để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật, nên không thuộc về khổ đế và tập đế.

Chính vì thế, Tứ thánh đế chính là thân tâm của tất cả chúng sinh và tương ứng với từng quốc độ.

## B. LUẬN NGHĨA TỨ THÁNH ĐẾ

Khổ đau (Khổ đế) là một sự thật. Với sự thật này, cho dù Đức Phật có thị hiện hay không thị hiện ở nơi nhân gian này thì nó vẫn tồn tại như vậy. Vốn dĩ, chúng ta đã sống với sự thật này từ vô lượng kiếp, tức năm thủ uẩn của chính mình. Để thấu hiểu được điều đó, chúng ta phải dùng trí tuệ để quán chiếu lại thân tâm của mình và tất cả chúng sanh đang còn lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại. Cụ thể hơn, chúng ta hãy quán sát thân tâm của mình và tất cả loài người trên vũ trụ này, không có ai vượt ra ngoài sự thật khổ đau đó (Khổ đế).

Tuy nhiên, khi chúng ta quán sát quả báo của mình (năm thủ uẩn hiện tại) và quả báo của tất cả mọi người, mọi loài thì nhận thấy rằng tất cả đều không giống nhau. Sự sai biệt về quả (Khổ đế) như vậy là do sự sai biệt về nhân (Tập đế). Nhân (Tập đế) và quả (Khổ đế) này đã tạo thành dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau của tất cả chúng sanh trong các giới loại.

Tất cả các pháp được chia làm ba nhóm: sắc pháp, tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Sắc pháp là pháp do bốn đại tạo thành. Tâm hữu lậu chính là sự tập khởi của năm thủ uẩn, nên thuộc Khổ đế - Tập đế (tập niệm).

Theo Duy thức, có tám thức tâm vương và 51 tâm sở (các tâm sở thiện và các tâm sở bất thiện).

Sắc pháp và tâm hữu lậu là những pháp thuộc về duyên sinh nên vô thường và vô ngã.

Còn tâm vô lậu chính là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác, thuộc về Diệt đế. Chính tâm vô lậu là một sự thật vốn sẵn có nơi mỗi chúng sinh.

Ngoài ba sự thật ấy là Khổ đế, Tập đế và Diệt đế, còn có một sự thật nữa là Đạo Thánh đế.

Vì vậy, Khổ Thánh đế, Tập Thánh đế, Diệt Thánh đế và Đạo Thánh đế chính là những sự thật vốn tồn tại ở nơi thân tâm của chúng ta và tất cả mọi người, cho dù chúng ta thuộc truyền thống đạo Phật, hoặc thuộc về truyền thống của một tôn giáo nào khác, hoặc không thuộc về truyền thống của một tôn giáo nào đi nữa.

Đạo Thánh đế gồm 37 pháp nhưng trong đó Bát Chánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất, vì nó thu tóm tất cả Đạo đế còn lại như Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi.

Bát Chánh đạo gồm hai loại: Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu. Trong đó, tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là chúng ta sống trong Chánh kiến hữu lậu để tu tập tất cả thiện pháp qua Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng. Tu tập tất cả thiện pháp nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên trong các giới loại.

Còn tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là các bậc Thánh giả sống trong Chánh kiến vô lậu để tu tập tất cả thiện pháp qua Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng. Tu tập tất cả thiện pháp nhằm thành tựu Tứ Thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật.

Như vậy, thiện pháp hữu lậu và thiện pháp vô lậu chính là những chân lý vốn tồn tại nơi mỗi chúng sanh

hữu tình. Bởi vì là chân lý nên nó không phải chỉ dành riêng cho bất cứ ai hay một truyền thống nào.

Bởi thiện pháp hữu lậu là một chân lý, nên bất cứ ai thực tập thiện pháp hữu lậu đều thuộc Đạo đế hữu lậu. Thiện pháp hữu lậu sẽ thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên trong các giới loại.

Do quả báo của Nhân và Thiên vẫn ở trong dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau của sinh, già, bệnh và chết, nên những người tu học theo đạo Phật đều mong cầu đạt được những quả vị thù thắng hơn quả báo cõi Người và cõi Trời. Đó là muốn thành tựu được Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Tuy thiện pháp hữu lậu và thiện pháp vô lậu vốn tồn tại nơi mỗi chúng ta, nhưng chỉ có những người tu học theo đạo Phật mới thấu hiểu và chứng nghiệm được như thật về những chân lý ấy. Đó là nhờ học tập theo lời dạy của đức Phật, các bậc Thánh nhân, các bậc thiện tri thức như Tỳ-kheo tăng và Tỳ-kheo ni.

Bát Chánh đạo gồm hai loại: Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu. Trong tám chi phần của Bát Chánh đạo thì Chánh kiến là chi đứng đầu. Cho nên, khi Chánh kiến sinh khởi thì bảy chi phần còn lại cũng sinh khởi, tức cùng có mặt.

Chánh kiến gồm ba loại: Chánh kiến văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ.

Để có được Chánh kiến đó, chúng ta cần phải nghe Phật pháp qua lời dạy của các bậc Thiện tri thức như Quý Thầy, Quý Sư, Quý Sư Cô và những Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ có tu học Phật pháp. Chúng ta đọc các sách viết về Phật học,

cũng như dịch thuật và nghiên cứu những lời dạy của Đức Phật qua các bộ kinh, luật và các bộ luận thuộc cả hai truyền thống Phật Giáo Nguyên thủy và Phật Giáo Đại thừa. Nhờ đó, chúng ta mới có được Chánh kiến đối với Tứ Thánh Đế. Đây chính là Chánh kiến thuộc về văn tuệ.

Từ nền tảng Chánh kiến của văn tuệ, rồi chúng ta tiếp tục tư duy về ý nghĩa của Tứ Thánh Đế để hiểu rõ hơn về giáo pháp này. Đây chính là Chánh kiến thuộc về tư tuệ.

Khi chúng ta có Chánh kiến về văn tuệ và tư tuệ hữu lậu thì cũng đang có mặt các chi phần còn lại của Bát Chánh đạo.

Ví như, khi chúng ta tư duy về ý nghĩa của Tứ Thánh Đế thì lúc ấy sẽ có mặt Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến. Bởi vì Chánh niệm là nhớ đến ý nghĩa của Tứ Thánh Đế, nhờ Chánh niệm nơi ý nghĩa của Tứ Thánh Đế nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh định là an trụ nhất như nơi ý nghĩa của Tứ Thánh Đế, nhờ có Chánh niệm và Chánh định nơi ý nghĩa của Tứ Thánh Đế nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh kiến chính là nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của Tứ Thánh Đế.

Khi chúng ta có Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến nơi ý nghĩa của Tứ Thánh Đế thì cũng đang có mặt của Chánh tinh tấn và Chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của Chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân, si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức Chánh niệm, Chánh định, Chánh kiến và Chánh tư duy.

Trong Bát Chánh đạo, Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh

mạng thuộc về nhóm giới (thiện); Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định.

Cho nên, khi chúng ta an trụ trong định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ (Chánh kiến, Chánh tư duy) nơi ý nghĩa của Tứ Thánh Đế, thì sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng), tức thuộc Bát Chánh đạo hữu lậu.

Bởi vì năm thủ uẩn vốn luôn tập khởi nên chúng ta không thể an trụ trong định và tuệ này được lâu dài mà chỉ tồn tại trong khoảnh khắc của những sát-na, từng giây, từng phút,... định tâm hoặc tán tâm.

Do đó, chúng ta không dừng trụ ở nơi việc thực tập Bát Chánh đạo thuộc văn tuệ và tư tuệ, mà phải tiến tới thực tập Bát Chánh đạo thuộc tu tuệ. Tu tập Bát Chánh đạo gồm có hai loại: tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu và tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Trong đó, tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là chúng ta sống trong Chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp qua Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng. Các thiện pháp bao gồm Quy y Tam bảo, thực tập tất cả học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm thuộc hữu lậu như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích để đạt được Kiến đạo, tức bước tới tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Khi chúng ta an trụ trong định hữu lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ hữu lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy), thì sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (tức Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng).

Vì giới - định - tuệ ấy là hữu lậu nên duyên sinh vô thường. Cho nên, chúng ta cũng không dừng trụ nơi giới - định - tuệ đó, mà phải tiến tới tu tập định và tuệ vô lậu, tức tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Còn tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là các bậc Thánh giả sống với định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) - tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng).

Tuy nhiên, hàng thánh giả gồm có hai hạng: hàng hữu học và hàng vô học. Những bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng).

Chỉ có những bậc Thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh Văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát-địa (Bồ-tát thừa) đã nhận biết như thật về Khổ đế, đoạn trừ hoàn toàn Tập đế nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các Ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng).

Tuy nhiên, theo Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì những bậc Thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh Văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát-địa (Bồ-tát thừa) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng) nên các Ngài

vẫn chưa sống hoàn toàn trọn vẹn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng).

Duy chỉ đức Thế Tôn mới đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chương) và chấp pháp (sở tri chương) nên Ngài mới sống hoàn toàn trọn vẹn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng).

Chính vì vậy, chỉ có Đức Thế Tôn mới sống hoàn toàn trọn vẹn với Bát Chánh đạo vô lậu.

## CHƯƠNG HAI: PHÁP MƯỜI HAI DUYÊN KHỞI

Khi nghiên cứu bốn bộ A-hàm, tôi nhận thấy có rất nhiều bản kinh Đức Phật dạy về pháp mười hai duyên khởi. Cụ thể như trong bộ *Tăng Nhất A-hàm* có phẩm *Sáu Trọng Pháp*, kinh số 7; Trong bộ *Tạp A-hàm* có kinh *Sa Môn*, kinh *Lão Tử*, kinh *Tu Tập* và kinh *Thập Nhị Nhân Duyên*; Trong bộ *Trung A-hàm* có kinh *Đại Câu Hy La*, kinh *Đại Nhân* và ở trong bộ *Trường A-hàm*, kinh *Đại Duyên Phương Tiện*, Đức Thế Tôn dạy rằng:

*“Duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sinh, duyên sinh có già và chết, lo, sầu, khổ, não, tập thành một khối đại hoạn. Đó là duyên của khối đại khổ uẩn vậy”.*

*Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn rằng: “Hôm nay con một mình tĩnh tọa tại một nơi thanh vắng, tâm nghĩ như vậy: “Kỳ diệu thay, duyên khởi này! Thật là vô cùng sâu sắc, nhưng con quan sát thấy rất nông cạn, rất nông cạn!”.*

*Đức Phật dạy: “A-nan, thầy chớ nghĩ rằng duyên khởi này rất nông cạn, rất nông cạn! Vì sao? Vì duyên khởi này thật là vô cùng sâu sắc và ánh sáng cũng thật là vô cùng sâu sắc.*

*Này A-nan, đối với duyên khởi này, vì không biết như thật, thấy như thật, không giác ngộ, không thấu triệt, nên khiến chúng sinh ấy dính móc nhau như khung cửi rối ren, như đám uẩn-mạn mọc chẳng chặt, tấp nập huyên náo, đi từ đời này đến đời kia, qua rồi lại, lại rồi qua, không thể ra*

khỏi vòng sinh tử. A-nan, cho nên phải biết duyên khởi này thật là vô cùng sâu sắc và ánh sáng cũng rất là vô cùng sâu sắc” (Trung A-hàm, kinh Đại Nhân, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ dịch).

Trong *Trường A-hàm*, Đức Phật Tỳ-bà-thi đã quán chiếu mười hai chi duyên khởi theo dòng lưu chuyển và dòng hoàn diệt:

“Sau đó, Ngài được như chí nguyện, đi đến chỗ nhàn tịnh, chuyên tinh tu đạo. Ngài lại suy nghĩ: ‘Chúng sinh thật đáng thương, thường ở trong tăm tối, mang lấy cái thân nguy khốn, mong manh, nào sinh, nào già, nào bệnh, nào chết, đủ mọi thứ khổ não. Chúng chết đây sinh kia, chết kia sinh đây, cứ duyên theo cái khổ uẩn này mà trôi nổi, không bao giờ cùng. Ta lúc nào mới có thể thấu triệt khổ uẩn, diệt hết sinh, già, chết?’

“Ngài lại suy nghĩ rằng: ‘Già-chết từ đâu, duyên cái gì mà có?’ Ngài liền dùng trí tuệ quán sát nguyên do, thấy rằng do sinh mà có già và chết; sinh là duyên của già-chết. Sinh lại do hữu mà khởi; hữu là duyên của sinh. Hữu do thủ mà khởi; thủ là duyên của hữu. Thủ do ái mà khởi; ái là duyên của thủ. Ái do thọ mà khởi; thọ là duyên của ái. Thọ do xúc mà khởi; xúc là duyên của thọ. Xúc do sáu xứ mà có; sáu xứ là duyên của xúc. Sáu xứ do danh sắc mà khởi; danh sắc là duyên của sáu xứ. Danh sắc do thức mà khởi; thức là duyên của danh sắc. Thức do hành mà khởi, hành là duyên của thức. Hành do vô minh mà khởi, vô minh là duyên của hành. Thế tức là do duyên là vô minh có hành, do duyên là hành có thức, do duyên là thức có danh sắc, do duyên là danh sắc có sáu xứ, do duyên là sáu

*xứ có xúc, do duyên là xúc có thọ, do duyên là thọ có ái, do duyên là ái có thủ, do duyên là thủ có hữu, do duyên là hữu có sinh, do duyên là sinh có già, bệnh, chết, sầu, buồn, khổ, não. Khổ uẩn này do duyên là sinh mà có. Chính đó là sự tập khởi của khổ.'*

*"Khi Bồ-tát tư duy về sự tập khởi của khổ uẩn ấy, liền phát sinh trí, phát sinh con mắt, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng ngộ.*

*"Bồ-tát lại suy nghĩ: 'Do cái gì không có mà già-chết không có? Do cái gì diệt thì già-chết diệt?' Rồi bằng trí tuệ, Ngài quán sát nguyên do, biết rằng, do sinh không có nên già-chết không có; do sinh diệt nên già- chết diệt; do hữu không có nên sinh không có, hữu diệt nên sinh diệt; do thủ không có nên hữu không có, thủ diệt nên hữu diệt; do ái không có nên thủ không có, ái diệt nên thủ diệt; do thọ không có nên ái không có, thọ diệt nên ái diệt; do xúc không có nên thọ không có, xúc diệt nên thọ diệt; do sáu xứ không có nên xúc không có, sáu xứ diệt nên xúc diệt; do danh sắc không có nên sáu xứ không có, danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do thức không có nên danh sắc không có, thức diệt nên danh sắc diệt; do hành không có nên thức không có, hành diệt nên thức diệt; do vô minh không có nên hành không có, vô minh diệt nên hành diệt. Thế tức là vì vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên sáu xứ diệt, sáu xứ diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sinh diệt, sinh diệt nên già, chết, ưu, bi, khổ, não diệt.*

*“Khi Bồ-tát suy nghĩ về sự diệt tận của khổ uẩn như thế liền phát sinh trí, phát sinh con mắt, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, sinh chứng.*

*“Sau khi Bồ-tát quán mười hai chi duyên khởi theo hai chiều thuận nghịch, biết như thật, thấy như thật, tức thì ngay tại chỗ ngồi, Ngài chứng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.”*

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Pháp Thuyết Nghĩa Thuyết*, số 336, Đức Phật dạy về pháp 12 duyên khởi như sau:

*“Tôi nghe như vậy:*

*Một thời, Phật ở tại xóm Điều ngư, Câu-lưu-sư. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:*

*“Nay Ta sẽ thuyết pháp, thuyết nghĩa về pháp duyên khởi, các ông hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.*

*“Thế nào là thuyết pháp về pháp duyên khởi? Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi. Tức là do duyên vô minh nên có hành... cho đến thuần một khối khổ lớn. Đó gọi là pháp thuyết về pháp duyên khởi.*

*“Thế nào là thuyết nghĩa? Tức là, duyên vô minh nên có hành. Thế nào là vô minh? Nếu chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo; chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, chẳng biết Tăng; chẳng biết Khổ, chẳng biết Tập, chẳng biết Diệt, chẳng biết Đạo; chẳng biết nhân, chẳng biết pháp sanh khởi bởi nhân; chẳng biết thiện, bất thiện, có tội, không tội, tập, không tập; hoặc kém, hoặc hơn; nhiễm ô, hoặc thanh tịnh; phân biệt duyên khởi, tất cả đều chẳng biết; đối với sáu xúc nhập xứ không giác tri như thật, đối với các pháp này không thấy không biết,*

*không hiện quán, bị si ám, không có minh, tối mù mịt, đó gọi là vô minh.*

*“Duyên vô minh nên có hành. Thế nào là hành? Hành gồm có thân hành, miệng hành, ý hành.*

*“Duyên hành nên có thức. Thế nào là thức? Chỉ sáu thức thân: nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân.*

*“Duyên thức có danh sắc; thế nào là danh? Chỉ bốn ấm vô sắc: thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm. Thế nào là sắc? Chỉ bốn đại, sắc do bốn đại tạo thành. Sắc này hợp cùng với danh đã nói ở trên, gọi là danh sắc.*

*“Duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ. Thế nào là sáu nhập xứ? Sáu nội nhập xứ: nhãn nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập xứ.*

*“Duyên sáu nhập xứ nên có xúc. Thế nào là xúc? Chỉ sáu xúc thân: nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân.*

*“Duyên xúc nên có thọ. Thế nào là thọ? Ba thọ: thọ khổ, thọ vui, thọ chẳng khổ chẳng vui.*

*“Duyên thọ nên có ái. Thế nào là ái? Ba ái: dục ái, sắc ái, vô sắc ái.*

*“Duyên ái nên có thủ. Thế nào là thủ? Bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ.*

*“Duyên vào thủ nên có hữu. Thế nào là hữu? Ba hữu: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.*

*“Duyên hữu nên có sanh. Thế nào là sanh? Nếu mỗi mỗi chúng sanh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia, siêu việt, hòa hợp, xuất sanh, được ấm, được giới, được nhập xứ, được mệnh căn. Đó gọi là sanh.*

*“Duyên sanh nên có già chết. Thế nào là già? Như tóc bạc đầu hói, da nhăn, các căn suy sụp, tay chân yếu ớt, lưng còm, đầu cúi, rên rỉ, hơi thở ngắn, mệt nhọc, chống gậy đi, thân thể đen sạm, tay chân nổi ban đốm, lú lẫn, làm việc gì cũng khó khăn, kém cỏi. Đó gọi là già. Thế nào là chết? Là mỗi mỗi chúng sanh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia chết đi, tuổi thọ chấm dứt, thân hoại, đổi đời, hơi ấm lìa thân, mệnh sống kết thúc, là đã đến lúc từ bỏ cái ấm thân. Đó gọi là chết. Chết này cùng già đã nói ở trước, gọi chung là già chết. Đó là thuyết nghĩa duyên khởi.”*

*Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.”*

## **I. NỘI DUNG MƯỜI HAI CHI DUYÊN KHỞI**

Chúng ta biết rằng: do duyên vô minh mà hành sinh khởi, do duyên hành mà thức sinh khởi... cho đến duyên ái, thủ, hữu mà sinh và lão - tử sinh khởi. Đó là một khối sầu bi, khổ ưu não của năm thủ uẩn tập khởi, tức Khổ đế - Tập đế.

### **1. Vô minh**

Vô minh chính là không thấy rõ Khổ Thánh đế, Tập Thánh đế, Diệt Thánh đế và Đạo Thánh đế.

Vô minh nghĩa là không thấy sắc, thọ, tưởng, hành và thức là vô thường, khổ và vô ngã.

Trong *Tập A-hàm*, Kinh *Vô Minh*, số 750, Đức Phật dạy vô minh và minh như sau:

*“Tôi nghe như vậy:*

*Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:*

*“Nếu, Tỳ-kheo, các pháp ác bất thiện sanh khởi, tất cả đều do vô minh làm gốc, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh khởi. Vì sao? Vì vô minh là vô tri, không biết như thật đối với pháp thiện, pháp bất thiện; không biết như thật có tội, không có tội, pháp thấp, pháp cao, nhiễm ô, không nhiễm ô, phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi. Vì không biết như thật nên khởi lên tà kiến; khi đã khởi tà kiến rồi, thì có khả năng khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.*

*Nếu các pháp thiện sanh, tất cả đều do minh làm gốc, minh tập, minh sanh, minh khởi. Vì minh, biết như thật đối với pháp thiện, bất thiện; tất cả đều biết như thật về tội, không tội, thân cận, không thân cận, pháp thấp, pháp cao, ô uế, bạch tịnh, có phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi, biết như thật, đó là Chánh kiến. Chánh kiến hay khởi lên Chánh chí, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, chánh phương tiện, Chánh niệm, Chánh định. Khi đã khởi lên Chánh định rồi, Thánh đệ tử được Chánh giải thoát tham, nhuế, si; khi tham, nhuế, si đã giải thoát rồi, Thánh đệ tử được chánh tri kiến: “Ta, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau’.”*

*Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.”*

## 2. Hành

Hành có nghĩa là thân hành, khẩu hành và ý hành (các tâm hành thiện và bất thiện).

## 3. Thức

Thức chính là sự phân biệt, liễu biệt.

Theo *Duy Thức*, thức gồm có tám thức, là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, thức thứ bảy và thức thứ tám (thức A-lại-da).

Vì vậy, thức ở trong pháp mười hai nhân duyên là chỉ cho thức A-lại-da, tức thức trong giai đoạn tái sinh.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Diệt*, số 37, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan dạy:

*“Năm thủ uẩn này là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường”.*

Trong *Trường A-hàm*, kinh *Đại Duyên Phương Tiện*, Đức Phật dạy thức duyên danh sắc như sau:

*“Này A-nan, duyên thức mà có danh sắc, là nghĩa thế nào? Nếu thức không nhập thai mẹ thì chừng có danh sắc không?”*

*Đáp: “Không.”*

*“Nếu thức nhập thai mẹ rồi không sinh ra, thế thì có danh sắc không?”*

*Đáp: “Không.”*

*“Nếu thức ra khỏi thai mẹ mà đứa hài nhi bị hỏng thì danh sắc có được tăng trưởng không?”*

*Đáp: “Không.”*

*“A-nan, nếu không có thức, thế thì có danh sắc không?”*

*Đáp: “Không.”*

*“A-nan, Ta do lẽ đó, biết danh sắc do thức; duyên thức mà có danh sắc. Nghĩa của ta nói là ở đó.”*

Trong Tăng Nhất A-hàm, phẩm Tam Bảo, kinh số 3, Đức Phật dạy có ba nhân duyên thức thọ thai như sau:

*“Có ba nhân duyên thức đến thọ thai. Những gì là ba? Ở đây, Tỳ-kheo, mẹ có dục ý, cha mẹ hội hợp ở một chỗ và cùng ngủ chung, nhưng thức bên ngoài chưa đến kịp lúc thì chẳng thành thai. Nếu thức muốn đến, nhưng cha mẹ không hội hợp một chỗ, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ cùng hợp một chỗ, cha mắc bệnh phong, mẹ mắc bệnh lãnh, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, mẹ bị bệnh phong, cha bị bệnh lãnh, chẳng thành thai. Nếu có khi cha mẹ hợp một chỗ, nhưng chỉ riêng thân cha thủy khí nhiều, mẹ không có chứng này, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, tướng cha có con, tướng mẹ không con, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, tướng mẹ có con, tướng cha không con, chẳng thành thai. Nếu khi tướng cha mẹ đều không con, chẳng thành thai. Nếu có khi thân thức đến thai, mà cha đi vắng, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ đang hợp một chỗ, nhưng mẹ đi xa, không có mặt, không có thai. Nếu có lúc cha mẹ đang hợp một chỗ, nhưng người cha gặp bệnh nặng, khi thân thức đến, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ đang hợp một chỗ, thân thức có đến, song người mẹ mắc bệnh nặng, chẳng thành thai. Nếu có lúc cha mẹ*

*nên hợp một chỗ, thần thức đến, nhưng cha mẹ đều mắc bệnh, chẳng thành thai.*

*“Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu cha mẹ hợp ở một chỗ, cha mẹ không chứng tât gì, thần thức đến, tướng cha mẹ đều có con, đây thành thai. Đó gọi là có ba nhân duyên thức đến thọ thai.”*

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Tư Lương*, số 361, Đức Phật dạy rằng:

*“Nếu suy lường, vọng tưởng thì chắc chắn sẽ bị sai sử khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó nhập vào danh sắc. Vì nhập vào danh sắc nên có qua lại. Vì có qua lại nên có sanh tử. Vì có sanh tử nên có sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai và tập hợp thuần một khối khổ lớn như vậy.*

*“Nếu không suy lường, không vọng tưởng thì sẽ không bị sai sử khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì không có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó không nhập vào danh sắc. Vì không nhập vào danh sắc nên không qua lại. Vì không qua lại nên không sanh tử. Vì không sanh tử nên sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai đều bị diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy cũng bị diệt.”*

Trong *Luận Thành Duy Thức*, phần lý chứng tồn tại thức thứ tám, các bậc luận sư giải thích thức duyên danh sắc rằng:

*“Khế kinh nói, “Do duyên là thức mà có danh sắc. Do duyên là danh sắc mà có thức.” Hai pháp ấy lần lượt y tựa lẫn nhau để đồng thời cùng vận hành, như hai bó lau. Nếu không tồn tại thức (thứ tám) này thì tự thể thức (duyên danh sắc) kia không tồn tại.*

*Kinh đã dẫn tự giải thích như thế này: danh là bốn uẩn phi sắc. Sắc là Kiết-la-lam các thứ (các giai đoạn thành hình trong thai). Hai thứ này cùng với thức y tựa lẫn nhau mà tồn tại như hai bó lau dựa vào nhau. Chúng làm duyên cho nhau, thường xuyên cùng lúc vận hành, không tách rời nhau. Các thức con mắt v.v. được bao hàm trong danh. Nếu không có thức này, không có cái gì để gọi là thức. Cũng không thể nói thức uẩn trong danh là năm thức; và thức là thức thứ sáu. Vì trong giai đoạn Kiết-la-lam, năm thức chưa xuất hiện. Lại nữa, hoạt động của các chuyển thức có tính cách gián đoạn; chúng không đủ năng lực để thường xuyên duy trì danh-sắc, làm sao có thể nói chúng thường xuyên làm duyên cho danh sắc? Cho nên, thức được nói đó chính là thức thứ tám."*

#### **4. Danh sắc**

Sắc chính là tứ đại và những pháp do bốn đại tạo thành nên gọi là sắc.

Danh chính là bốn uẩn phi sắc, tức thọ, tưởng, hành và thức.

#### **5. Lục nhập (Lục xứ)**

Lục nhập hay lục xứ gồm có: nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn.

Theo *Câu-xá luận*: *Xứ nghĩa là sanh xuất tâm, tâm sở, là nghĩa của xứ. Nghĩa là nó làm phát sinh tác dụng của tâm, tâm sở.*

## 6. Xúc

Theo *Luận Thành Duy Thức*: “Xúc nghĩa là sự phân biệt biến dị trong tổ hợp ba, mà tự tính làm cho tâm và tâm sở tiếp xúc với cảnh; chức năng của nó làm sở y cho thọ, tưởng và hành.

Tổ hợp ba là sự hỗ tương tùy thuận của căn, cảnh và thức. Xúc y trên chúng mà phát sinh, làm cho chúng hòa hiệp. Trong trạng thái hòa hiệp, ba sự đều có công năng dẫn đến sự sinh khởi của tâm sở; đó gọi là “biến dị.”

## 7. Thọ

Thọ gồm khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ.

## 8. Ái

Ái là ái sắc, thọ, tưởng, hành và thức; hoặc ái sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp; hoặc dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

Theo *Tập Dị Môn Túc Luận*, do Phước Nguyên dịch đã giải thích dục ái, sắc ái và vô sắc ái như sau:

*“Thế nào là dục ái?”*

*Những gì là tham, dính chặt ái nhiễm ở trong các pháp: mười tám giới, mười hai xứ, ngũ uẩn hệ thuộc dục giới. Đó gọi là dục ái.*

*Dưới từ Vô gián đại địa ngục, trên đến Tha hóa tự tại thiên, những gì là tham, dính chặt ái nhiễm ở trong các pháp: sắc, thọ, tưởng, hành, thức được liệt vào trong đây. Đó gọi là dục ái.*

*Thế nào là sắc ái?*

*Những gì là tham, dính chặt ái nhiễm ở trong các pháp: bốn giới, mười xứ, năm uẩn hệ thuộc sắc giới. Đó gọi là sắc ái.*

*Từ Phạm chúng thiên, trên đến Sắc cứu cánh thiên, những gì là tham, dính chặt, ái nhiễm ở trong các pháp: sắc, thọ, tưởng, hành, thức được liệt vào trong đây. Đó gọi là sắc ái.*

*Thế nào là Vô sắc ái?*

*Những gì là tham, dính chặt ái nhiễm ở trong các pháp: ba giới, hai xứ, bốn uẩn thuộc hệ thuộc vô sắc giới. Đó gọi là Vô sắc ái.”*

## 9. Thủ

Bởi vì ái đối với năm thủ uẩn nên mới dẫn sinh thủ, tức bám chặt, ôm chặt vào năm thủ uẩn, hoặc bám chặt vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Vì vậy, thủ là hoàn toàn lệ thuộc vào ái mà tập khởi.

## 10. Hữu

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Phả-Cầu-Na*, số 372, Đức Phật dạy hữu làm nhân cho sinh và lão-tử: “*Do duyên thủ nên có hữu; có thể chiêu cảm sự chuyển hiện của hữu trong vị lai.*” Đó gọi là do có hữu nên có sáu nhập xứ; sáu nhập xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và thuần một khối khổ tụ tập như vậy.”

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Mậu-sur-la*, số 350, Tôn giả Na-la nói với Tôn giả Mậu-sur-la:

*“Do sanh nên có già chết; không lìa sanh mà có già chết<sup>1</sup>?”*

*Tôn giả Mâu-sư-la nói:*

*‘Vì có sanh nên có già, chết, không thể ngoại trừ sanh mà có già, chết.’*

*Tôn giả Na-la nói với Tôn giả Mâu-sư-la: “‘Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn’ chẳng?”*

*Tôn giả Mâu-sư-la đáp: ‘Hữu diệt là tịch diệt, Niết-bàn.’”*

Theo *Tập A-hàm*, kinh *Pháp Thuyết Nghĩa Thuyết*, số 336, Đức Phật dạy hữu có ba loại: *“Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.”*

Dục hữu là : *“Nếu nghiệp do thủ hệ thuộc dục giới làm duyên, dục chiêu cảm đương lai hữu, dị thực của nghiệp kia. Đó gọi là Dục hữu.”* – Theo *Tập Dị Môn Túc Luận*, Phước Nguyên Dịch.

Sắc hữu là : *«Nếu nghiệp do thủ hệ thuộc sắc giới làm duyên, dục chiêu cảm đương lai hữu, dị thực của nghiệp kia. Đó gọi là Sắc hữu.»* – Theo *Tập Dị Môn Túc Luận*, Phước Nguyên Dịch.

Vô sắc hữu là : *« Nếu nghiệp do thủ hệ thuộc vô sắc giới làm duyên, dục chiêu cảm đương lai hữu, dị thực của nghiệp kia. Đó gọi là Vô sắc hữu.”* – Theo *Tập Dị Môn Túc Luận*, Phước Nguyên Dịch.

Trong *Pháp Uẩn Túc Luận* giải thích hữu như sau:

---

<sup>1</sup> Hán: dị tín, dị dục, dị văn, dị hành giác tướng, dị kiến thâm đế nhãn 異信,異欲,異聞,異行覺想, 異見審諦忍. Pāli: aññatreva (...) saddhāya aññatra ruciyā anussava aññatra ākāraparivitakkā aññatra dīṭṭhinijjhānakkhantiyā . Tiếng Phạn: aññatra, một cách khác biệt, hay ngoại trừ; Hán dịch là dị, nên hiểu là trạng từ chứ không phải tính từ.

*“Nghệp dẫn đến hậu hữu gọi là hữu. Như Đức Thế Tôn nói với ngài A-nan-đà, nghiệp chiêu cảm đời sau gọi là hữu.*

*Chính hữu là nghiệp nên gọi là nghiệp hữu. Nghĩa là, nghiệp hữu làm phát khởi khuynh hướng tồn tại đời sau, đây chính là nói tùy miên làm căn bản của hữu, nó làm phát sinh nghiệp để dẫn sinh hậu hữu.”*

Trong *Luận Câu Xá*, trang 255 và trang 296, Luận đã giải thích về ý nghĩa của Hữu như sau:

*“Do dong ruối tìm cầu mà tích chứa nghiệp dẫn khởi quả hậu hữu, đây gọi là hữu”.*

*“Do thủ làm duyên, các loại nghiệp tích tập dẫn đến hậu hữu gọi là hữu. Như Thế Tôn bảo A-nan-đà rằng: Nghiệp dẫn đến hậu hữu gọi là hữu”.*

Trong *Luận Thành Duy Thức* giải thích về “hữu chi tập khí” và sự khác biệt về nghiệp và tập khí như sau:

*“Hữu chi tập khí, đó là chủng tử của nghiệp dẫn đến dị thục trong ba cõi. Hữu chi có hai: Một, thiện hữu lậu, tức nghiệp dẫn đến quả khả ái. Hai, bất thiện, tức nghiệp dẫn đến quả không khả ái. Tùy theo chủng tử được huân tập bởi hữu chi mà có sự sai biệt của các cõi do bởi nghiệp dị thục.”*

*Các nghiệp ấy vừa được thực hiện thì liền diệt ngay, nhưng nó huân tập trong bản thức để sản sinh công năng của chính nó. Công năng ấy được gọi là tập khí của nghiệp. Tập khí tiếp nối vận chuyển cho đến khi chín muồi thì nó sản sinh ra quả dị thục.*

## 11. Sinh

*“Này chư hiền, sinh là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, sanh thì sanh, xuất hiện thì xuất hiện, hình thành thì hình thành, hiện khởi năm uẩn đã có mạng căn. Như vậy gọi là sanh” (Trung A-hàm, Kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế).*

## 12. Lão-tử

*“Này chư hiền, già nghĩa là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, kẻ kia trở nên già yếu, đầu bạc răng rụng, sự cường tráng ngày càng suy yếu, thân cong, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, phải chống gậy mà đi, thịt rút, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn hư hoại, nhan sắc xấu xí. Như vậy gọi là già.*

*Này chư hiền, chết là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, mạng chung, vô thường, chết chôn, tan rã, tuổi thọ chấm dứt, hủy hoại, mạng căn bế tắc, như vậy gọi là chết.” (Trung A-hàm, Kinh Phân Biệt Tứ Thánh Đế).*

## II. DÒNG LƯU CHUYỂN SINH TỬ

Pháp *Mười Hai Chi Duyên Khởi* được các bậc Luận sư và Ngài Thế Thân trong *Câu-xá Luận* giải thích như sau:

1. Phần vị phiền não trong đời sống quá khứ, ở đây chúng được gọi là vô minh. Vì chúng đồng hành với vô minh. Và vì do ảnh hưởng của vô minh mà chúng hiện hành.

2. Phần vị nghiệp - phước v.v. trong đời trước, mà có quả dị thực trong đời này, ở đây chúng được gọi là hành.

3. Năm uẩn, trong sát-na kết sinh đầu tiên trong bụng mẹ, gọi là thức.

4. Các giai đoạn trung gian sau khi thức kết sinh, trước khi hình thành sáu xứ, gọi là danh sắc.

5. Mắt v.v. đã hình thành, cho đến trước khi có sự xuất hiện tổ hợp ba của căn, cảnh, thức; đây gọi là sáu xứ.

6. Tổ hợp ba, trước khi có khả năng nhận biết các nguyên nhân khác nhau của ba thọ, đây gọi là xúc. Xúc là tổ hợp của ba thành phần.

7. Đã có khả năng nhận biết đặc tính khác biệt về nhân ba thọ nhưng chưa hiện hành thâm tham, đây gọi là thọ.

8. Hiện hành của tham nơi thọ dụng và tham nơi thâm nhưng chưa phát sinh sự truy cầu các đối tượng của chúng, đây gọi là ái.

9. Vì để đạt được các đối tượng hưởng thụ mà dong ruổi tầm cầu khắp nơi, đây gọi là thủ.

10. Do dong ruổi tầm cầu mà tích chứa nghiệp dẫn khởi quả hậu hữu, đây gọi là hữu.

11. Mạng sống đời hiện tại chấm dứt, do lực của nghiệp này khiến dẫn đến kết sinh trong tương lai, đây gọi là sinh.

12. Sau sát-na sinh, tiến dần đến phần vị thọ trong tương lai, đây gọi là lão-tử.

(*Luận Câu-xá*, do Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, từ trang 252-255)

### **Quan điểm của Ngài Thế Thân**

“Nay tôi sẽ nêu ngắn gọn duy chỉ điều phù hợp với nghĩa Kinh.

1. Những kẻ phàm phu ngu muội vì không biết cái này duy chỉ là các hành sinh khởi do bởi duyên nên sinh tham đắm ngã kiến, ngã mạn.

2. Rồi vì để tự thân cảm thọ lạc, phi khổ, mà bằng thân v.v. khởi tạo ba loại nghiệp. Vì để tự thân cảm thọ lạc vị lai, chúng tạo các phước nghiệp; vì để cảm thọ lạc và phi khổ lạc vị lai, chúng tạo bất động nghiệp; vì để cảm thọ lạc hiện tại, tạo phi phước nghiệp. Như vậy nói “do duyên là vô minh mà có hành.”

3. Do bởi lực chi phối của dẫn nghiệp, dòng tương tục thức do liên kết bởi trung hữu đi đến thú này hay thú kia như ngọn lửa di chuyển. Như vậy nói “do duyên là hành mà có thức.”

4–5. Tiếp đó, dẫn đầu bởi thức, danh sắc thác sinh trong thú này hay thú kia; nó bao hàm cả năm uẩn, theo đuổi suốt cả một đời sống.

6. “...Từ đó, khi có sự tiếp xúc với cảnh, thức phát sinh. Tổ hợp gồm ba thành phần là xúc, dẫn đến cảm thọ lạc v.v...”

7. Từ xúc, phát sinh ba thọ.

8. Từ thọ này dẫn sinh ái. Do bị khổ bức bách mà mong cầu cảm thọ lạc nên phát sinh dục ái; mong cầu cảm thọ lạc và phi khổ lạc nên phát sinh sắc ái; mong cầu cảm thọ phi khổ lạc nên phát sinh vô sắc ái.

9. Từ tham ái cảm thọ khả ý khởi sinh thủ.

10. Do thủ làm duyên, các loại nghiệp tích tập dẫn đến hậu hữu gọi là hữu. Như Thế Tôn bảo A-nan-đà rằng: “Nghiệp dẫn đến hậu hữu gọi là hữu.”

11. Do hữu làm duyên, do bởi thức tái nhập thai, sự sống trong tương lai với đủ năm uẩn gọi là sinh.

12. Khi có sinh thì có già chết.”

(*Luận Câu-xá* do Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, từ trang 292-297)

Pháp *Mười Hai Chi Duyên Khởi* được các bậc Luận sư trong *Luận Thành Duy Thức* phân thành bốn nhóm:

1. **Chi năng dẫn:** Vô minh và hành; chúng dẫn phát chủng tử của năm chi quả bắt đầu từ thức. Vô minh trong đây chỉ đề cập đến khía cạnh phát động nghiệp thiện ác dẫn đến đời sau. Cái được phát động bởi nó, gọi là hành.

2. **Chi sở dẫn:** Năm loại chủng tử trong bản thức trực tiếp sản sinh quả dị thực tương lai, bao gồm thức, danh sắc, sáu xứ, xúc và thọ. Chúng là những cái được dẫn phát bởi hai chi trước.

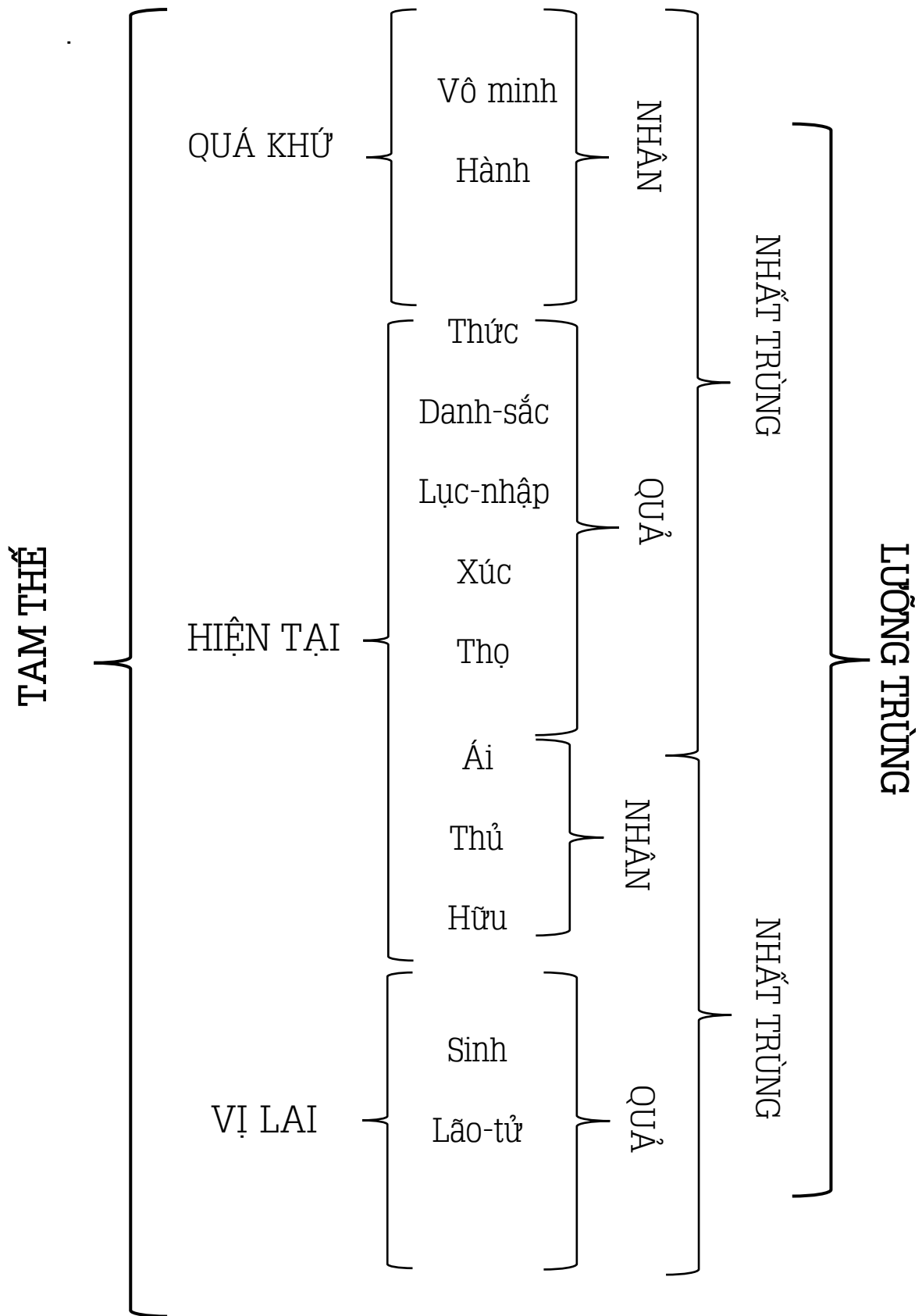
3. **Chi năng sinh:** Đó là ái, thủ và hữu; vì chúng sinh sản sinh và già-chết trong tương lai. Do mê mờ quả dị thực bên trong khiến ngu muội phát động các nghiệp dẫn đến hậu hữu; tức giai đoạn sinh và già-chết trong tương lai.

4. **Chi sở sinh:** Sinh và già chết; chúng là những cái được sản sinh gần nhất của ái, thủ, hữu. Tất cả những gì trong khoảng từ trung hữu cho đến bản hữu mà chưa bị suy biến, thấy đều thuộc về chi sinh. Từ giai đoạn có suy biến về sau được gọi chung là già. Cho đến khi thân hoại mạng chung mới gọi là chết.

(*Luận Thành Duy Thức*, do Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, từ trang 491-495)

Pháp *Mười Hai Chi Duyên Khởi* cũng được trường phái Hữu Bộ trong Phật giáo phối hợp tam thể lưỡng trùng nhân quả như sau:

- Vô minh và hành là thuộc nhân quá khứ.
- Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ là quả hiện tại.
- Ái, thủ, hữu là nhân hiện tại.
- Sinh, lão-tử là quả vị lai.



Y cứ vào lời dạy của các vị Luận Sư trong *Câu-xá Luận*, trong *Luận Thành Duy Thức* và phái *Hữu Bộ*, người viết sẽ phân tích giáo pháp *Mười Hai Chi Duyên Khởi* thuộc về Khổ đế-Tập đế qua ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai như sau:

### 1. Vô minh và hành là nhân quá khứ (Tập đế)

Trong đời quá khứ, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn, tức Khổ đế. Tập đế chính là vô minh và hành. Hành gồm thân hành, khẩu hành và ý hành. Vô minh được tập khởi từ nơi ý nghiệp (tâm), chứ không sinh khởi từ thân và khẩu, vì thân nghiệp và khẩu nghiệp chỉ là sự phát động của ý nghiệp.

Chính vô minh chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, là nguyên nhân tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân hành, khẩu hành, ý hành) làm nhân. Khi ấy, thức thứ tám liên lưu giữ tất cả tập khí của các hành đó, gọi là *hữu* hay *hữu chi tập khí*. Chính tập khí này sẽ làm nhân để dẫn thức A-lại-da vào trong các giới loại.

Đây chính là ý nghĩa: vô minh làm duyên cho hành tập khởi và hành làm duyên cho thức.

### 2. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ là quả hiện tại (Khổ đế-năm thủ uẩn)

Trong đời quá khứ ấy, khi chúng ta xả báo thân thì các căn sẽ bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không hoạt động (tùy thuộc mỗi quốc độ). Khi ấy, chính hữu hay hữu chi tập khí (tức chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ trong thức A-lại-da) làm nhân dẫn thức A-lại-

da đi vào trong thai mẹ để hình thành danh sắc. Đây chính là dẫn nghiệp.

Khi thức thứ tám được dẫn vào trong thai mẹ, trong giai đoạn thai nhi, tối thiểu có bốn thức tồn tại: thức thứ tám, thức thứ bảy, thức thứ sáu và thân thức. Trong giai đoạn này, thức duyên danh sắc và danh sắc duyên thức. Thức ở đây chính là thức thứ tám; danh chính là thức thứ bảy, thức thứ sáu và thân thức; còn sắc là bốn đại của em bé đang ở trong bụng mẹ.

Đến khi em bé sinh ra đời, các căn đã được đầy đủ nên làm điều kiện cho các chuyển thức còn lại tập khởi. Nghĩa là, thức duyên danh sắc và danh sắc duyên thức mới thật sự đầy đủ, tức năm thủ uẩn.

Từ đó, y vào sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà dẫn sinh sáu thức. Ba thứ căn, trần và thức hòa hợp dẫn sinh xúc; xúc làm duyên sinh khởi thọ. Chính trong giai đoạn này, thức (A-lại-da) duyên danh (bảy chuyển thức) và sắc (thân thể của mỗi chúng ta); danh sắc duyên lục nhập; lục nhập duyên xúc; xúc duyên thọ. Đây chính là quả hiện tại, tức mãn nghiệp (năm thủ uẩn).

### **3. Ái, thủ và hữu là nhân hiện tại (Tập đế)**

Với đời hiện tại này, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn, tức Khổ đế. Tập đế chính là ái, thủ, hữu. Tính chất của ái, thủ, hữu là vô minh.

Chính ái và thủ lại y vào quả hiện tại (năm thủ uẩn) chấp làm thực ngã, là nguyên nhân tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Khi ấy, thức thứ tám liên lưu giữ tất cả loại nghiệp đó, gọi

là *hữu* hay *hữu chi tập khí*. Chính hữu sẽ làm nhân để dẫn sinh quả (năm thủ uẩn) thuộc về đời vị lai.

Y vào sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà dẫn sinh sáu thức. Ba thứ căn, trần và thức hòa hợp sinh khởi xúc; xúc làm duyên sinh khởi thọ; thọ làm duyên sinh khởi ái; ái làm duyên sinh khởi thủ; thủ làm duyên sinh khởi hữu.

Chính giai đoạn này là: lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu.

Hoặc cũng có thể nói: y vào sáu căn tiếp xúc với sáu trần sinh khởi sáu thức, ba thứ căn, trần và thức hoà hợp sinh khởi xúc, xúc làm duyên sinh khởi thọ, tưởng và hành.

Chính vô minh, ái và thủ lại y vào quả hiện tại (năm thủ uẩn) chấp làm thực ngã, là nguyên nhân tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Khi ấy, thức thứ tám liên lưu giữ tất cả loại nghiệp đó, gọi là *hữu* hay *hữu chi tập khí*.

#### 4. Sinh và lão-tử là quả vị lai (Khổ đế-năm thủ uẩn)

Với đời hiện tại này, khi chúng ta xả bỏ báo thân thì các căn sẽ bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không hoạt động. Khi ấy, chính *hữu* hay *hữu chi tập khí* (chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ trong thức thứ tám) làm nhân dẫn thức thứ tám vào trong các giới loại để hình thành danh sắc (năm thủ uẩn).

Từ đó, chúng ta cũng sẽ dẫn đến già, bệnh và chết. Với giai đoạn này gọi là hữu duyên sinh và sinh duyên lão-tử. Đây chính là sinh và lão-tử thuộc quả vị lai.

Tóm lại, chính vô minh làm duyên cho hành, hành làm duyên cho thức,... cho đến sinh và lão-tử tập khởi, tức năm thủ uẩn tập khởi. Đây chính là dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau bởi sinh, già, bệnh, chết của tất cả chúng sinh trong các giới loại.

Vì vậy, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Nhân Duyên*, số 334, Đức Phật dạy: “*Nay Ta sẽ nói pháp nhân duyên và pháp duyên sanh.*”

*“Thế nào là pháp nhân duyên? Là cái này có nên cái kia có, như duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức, cho đến, tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy.*”

*“Thế nào là pháp duyên sanh? Là vô minh, hành,... dù Phật có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp này vẫn thường trụ, pháp trụ, pháp giới. Pháp này Như Lai đã tự giác tri, thành Đẳng chánh giác, vì người diễn nói, chỉ dạy, hiển bày rằng: Duyên vô minh có hành, cho đến, duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.*”

*“Dù Phật có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp này vẫn thường trụ, pháp trụ, pháp giới. Pháp này Như Lai đã tự giác tri, thành Đẳng chánh giác, vì người diễn nói, chỉ dạy, hiển bày rằng: duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”*

### III. DÒNG HOÀN DIỆT

Dòng lưu chuyển sinh tử chính là sự lưu chuyển sinh tử của chúng sinh trong ba cõi.

Còn dòng hoàn diệt chính là sự diệt trừ vô minh (tập đế) của mỗi chúng sinh trong ba cõi.

Trong *Tập A-hàm*, kinh *Tam Giới*, số 460, Đức Phật dạy *“Có ba giới. Những gì là ba? Đó là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.”*

Trong ba giới đó, Dục giới gồm có: 1. Địa ngục, 2. Súc sinh, 3. Ngạ quỷ, 4. Người, 5. A-tu-la, 6. Tứ Thiên vương, 7. Đạo-lị thiên, 8. Diệm-ma thiên, 9. Đâu-suất thiên, 10. Hóa tự tại thiên, 11. Tha hóa-tự-tại thiên, 12. Ma thiên.

Sắc giới gồm có: Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên và Tứ Thiên. Trong đó, ba cõi trời thuộc Sơ Thiên gồm: Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên và Đại phạm thiên; ba cõi trời thuộc Nhị Thiên gồm: Thiếu quang thiên, Vô lượng quang thiên và Quang âm thiên; ba cõi trời thuộc Tam Thiên gồm: Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên và Biến tịnh thiên.

Tứ Thiên có chín cõi, trong đó có bốn cõi của phàm phu và năm cõi của các bậc Thánh từ Tam Quả trở lên. Bốn cõi thuộc hàng phàm phu gồm: Vô văn thiên, Phúc sinh thiên, Quảng quả thiên và Vô tưởng thiên. Năm cõi của các bậc Thánh từ Tam Quả trở lên gồm: Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên, Thiện Hiện thiên, Thiện Kiến thiên và Sắc Cứu Cánh thiên.

Vô sắc giới gồm có bốn cõi: 1. Không vô biên xứ thiên, 2. Thức vô biên xứ thiên, 3. Vô sở hữu xứ thiên, 4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên.

Trong *Tập A-hàm*, kinh *Tam Giới*, số 462, Ngài A-nan nói với gia chủ Cù-sư-la về việc đoạn trừ các hành thuộc Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Đoạn trừ các hành của ba cõi chính là đoạn trừ Tập đế của mỗi chúng sinh trong ba cõi.

Vì vậy, chúng ta biết rằng năm thủ uẩn hiện tại của mỗi chúng ta chính là Khổ đế. Còn Tập đế là ái, thủ và hữu đối với năm thủ uẩn. Để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật, chúng ta phải tu tập Bát Chánh đạo.

Bát Chánh đạo gồm có hai loại: Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu. Trong đó, tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế bất thiện (bát tà đạo), nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân và Thiên trong các giới loại.

Còn tu tập Bát Chánh đạo vô lậu để nhận biết như thật về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, nhằm thành tựu Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật. Đây chính là dòng hoàn diệt, tức diệt trừ vô minh để thành tựu minh.

Với ý nghĩa tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu và tu tập Bát Chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở phần tu tập Bát Chánh đạo.

#### IV. LUẬN NGHĨA PHÁP MUỖI HAI DUYÊN KHỎI

Chúng ta đang có mặt trong đời hiện tại, nên cũng đã từng có mặt trong những đời quá khứ và sẽ tiếp tục có mặt trong những đời vị lai.

Vì vậy, trong đời quá khứ ấy, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn, tức Khổ đế. Vô minh và hành là Tập đế. Hành bao gồm thân hành, khẩu hành và ý hành. Vô minh được tập khởi từ nơi ý nghiệp (tâm), chứ không sinh khởi từ nơi thân và khẩu, vì thân nghiệp và khẩu nghiệp chỉ là sự phát động của ý nghiệp.

Chính vô minh, tham ái và chấp thủ y vào quả hiện tại (năm thủ uẩn) chấp làm thực ngã, là nguyên nhân tạo nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Khi ấy, thức thứ tám liên lưu giữ các loại nghiệp đó, gọi là tập khí (chủng tử) của nghiệp.

Theo *Luận Thành Duy Thức* gọi là “*hữu chi tập khí*”. “*Đó là chủng tử của nghiệp dẫn đến dị thực (quả) trong ba cõi. Hữu chi có hai: Một, thiện hữu lậu, tức nghiệp dẫn đến quả khả ái. Hai, bất thiện, tức nghiệp dẫn đến quả không khả ái.*”

Tập khí (chủng tử) của nghiệp được thức thứ tám lưu giữ, không để cho thất tán. Tùy theo những nghiệp nhân này sẽ dẫn sinh quả sinh tử khổ đau bởi sinh, già, bệnh, chết của tất cả chúng sanh trong các giới loại.

Trong đời quá khứ ấy, khi chúng ta xả bỏ báo thân (tùy thuộc báo thân nơi mỗi quốc độ), các căn bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không còn tập khởi. Lúc đó, chỉ y vào tập khí hay chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp

trong thức thứ tám làm nhân, cùng với các duyên, để dẫn thức A-lại-da vào trong thai mẹ rồi hình thành danh sắc.

Ví như, khi thức thứ tám được dẫn vào trong thai mẹ, trong giai đoạn thai nhi, tối thiểu có bốn thức tồn tại: thức thứ tám, thức thứ bảy, thức thứ sáu và thân thức. Thức ở đây chính là thức thứ tám; danh chính là thức thứ bảy, thức thứ sáu và thân thức; còn sắc là bốn đại của em bé đang ở trong bụng mẹ.

Đến khi em bé sinh ra đời, các căn đã đầy đủ nên làm điều kiện cho các thức còn lại tập khởi. Nghĩa là, một chúng sinh thành tựu được quả báo, tức mãn nghiệp.

Quả báo của mỗi chúng sinh, dù khả ái như xinh đẹp, thông minh,... hay không khả ái như không xinh đẹp, không thông minh,... đều do tập khí hay chủng tử của nghiệp trong thức thứ tám làm nhân cùng với các duyên để dẫn sinh quả, chứ không phải từ một ai khác tạo thành.

Với đời hiện tại này, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn, tức Khổ đế. Vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã chính là Tập đế.

Chính vô minh, tham ái và chấp thủ y vào quả hiện tại (năm thủ uẩn) chấp làm thực ngã, là nguyên nhân tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Khi ấy, thức thứ tám liền lưu giữ các loại nghiệp đó, gọi là tập khí hay chủng tử của nghiệp.

Theo *Luận Thành Duy Thức*, những tập khí hay chủng tử của nghiệp này được gọi là hữu chi tập khí, tức tập khí của nghiệp.

Hoặc y vào sáu căn của mỗi chúng ta tiếp xúc với sáu trần mà dẫn sinh sáu thức; ba thứ căn, trần và thức hòa

hợp dẫn sinh xúc. Xúc làm duyên sinh khởi thọ, tưởng và hành.

Chính là vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, hay vin chấp nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần, là nguyên nhân tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Khi ấy, thức thứ tám liên lưu giữ tất cả loại nghiệp đó, gọi là tập khí hay chủng tử của nghiệp.

Với đời hiện tại này, khi chúng ta xả bỏ báo thân, các căn bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không còn tập khởi. Lúc đó, y vào tập khí hay chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp trong thức thứ tám làm nhân, cùng với các duyên, để dẫn thức A-lại-da vào trong các giới loại, hình thành danh sắc (quả vị lai).

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Phân Biệt Nghiệp*, Đức Phật dạy: Khi chúng ta xả bỏ báo thân, lúc đó có thể y vào nghiệp thiện hay nghiệp bất thiện (tập khí của nghiệp) thuộc đời sống ở hiện tại; hoặc y vào nghiệp thuộc đời quá khứ (nhân của hậu báo); hoặc tâm vương, tâm sở sinh khởi thiện hoặc bất thiện, làm nhân dẫn sinh kiếp sống mới. Đây chính là dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau bởi sinh, già, bệnh, chết của tất cả chúng sinh trong các giới loại.

Vì thế, muốn điều phục và đoạn trừ dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau ấy, chúng ta phải tu tập Đạo Thánh đế.

Tuy Đạo Thánh đế gồm 37 pháp, nhưng trong đó, Bát Chánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất, vì thấu tóm tất cả các Đạo đế còn lại như tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực và thất giác chi.

Bát Chánh đạo gồm có hai loại: Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu. Trong đó, tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế bất thiện (bát tà đạo), nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên trong các giới loại.

Còn tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu để nhận biết như thật về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, nhằm thành tựu Tứ Thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật. Đây chính là dòng hoàn diệt, tức diệt trừ vô minh để thành tựu minh.

## CHƯƠNG BA: NHÂN QUẢ VÀ NGHIỆP BÁO

### I. NHÂN QUẢ

Nhân là nguyên nhân; quả là kết quả được dẫn sinh do năng lực của nhân và các duyên.

Sự lưu chuyển sinh tử của tất cả chúng sinh đều không ra ngoài nhân – duyên – quả.

Tuy nhiên, để thấu suốt ý nghĩa và sự vận hành của nhân – duyên – quả, chỉ có Đức Thế Tôn và các bậc Thánh A-la-hán mới có đủ năng lực thấu suốt nhân – duyên – quả của tất cả chúng sinh trong ba cõi.

Cho nên trong *Trung A-hàm*, kinh *Bạt-đà-hòa-lợi*, số 194, Đức Phật dạy: *“Vị ấy với sự chứng đắc định tâm thanh tịnh như vậy, không nhuế, không phiền, nhu nhuyến, an trụ vững vàng, đạt đến bất động tâm, học và chứng đắc túc mạng trí thông. Vị ấy với hành vi, với tướng mạo, nhớ lại về trước vô lượng trăm nghìn đời sống đã trải qua, một đời, hai đời trăm đời, nghìn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành kiếp hoại kiếp”*.

Chính vì thế, chúng ta, những người đang tu học, không thể hiểu hết một cách tường tận sự sai biệt về nhân, duyên và quả của chính mình cũng như của tất cả chúng sinh. Vì vậy, người viết chỉ trình bày những phần căn bản của đời sống hiện thực để cùng nhau chiêm nghiệm và thực tập.

#### 1. Nhân quả đồng thời:

Đó là loại nhân quả mà từ thời điểm tạo nhân đến khi dẫn sinh quả xảy ra cùng thời.

Bởi vì vô minh, tham ái, chấp thủ (Tập đế) vào năm thủ uẩn (Khổ đế) làm thực ngã, là nguyên nhân tạo tác những nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân, nên nhân và quả đồng thời. Nghĩa là, chủng tử thiện và bất thiện trong thức thứ tám làm nhân để dẫn sinh bảy chuyển thức hiện hành (quả); khi bảy chuyển thức hiện hành thì chúng lại tạo tác nghiệp làm nhân để huân tập thành chủng tử trong bản thức (quả). Đây chính là ý nghĩa nhân và quả đồng thời.

Với ý nghĩa đó, chúng ta, là những người xuất gia và những người cư sĩ tại gia đang tu học thì cần phải chọn cho mình một trú xứ thích hợp. Nơi trú xứ ấy cần có bậc thầy rõ đạo để thiết lập khuôn phép cho tứ chúng. Nhờ đó, tứ chúng tại trú xứ ấy mới có điều kiện phát triển Chánh kiến, nên dẫn sinh sự an lạc của thân và tâm.

Ngược lại, nếu tu học tại một trú xứ không có bậc thầy rõ đạo, Chánh kiến khó sinh khởi. Khi Chánh kiến không sinh khởi thì dẫn sinh nhiều khổ đau. Sự khổ đau ấy là do các duyên nên dẫn sinh nhân và quả đồng thời, tức sự tập khởi ngũ thủ uẩn thiện ác của mỗi chúng ta.

## 2. Nhân quả khác thời:

Đó là loại nhân quả mà từ thời điểm tạo nhân cho đến lúc thọ quả phải trải qua một khoảng thời gian nhất định. Khoảng thời gian ấy được chia thành ba thời khác nhau:

- a. **Hiện báo:** Là loại nghiệp nhân được tạo ra trong đời này và dẫn đến quả báo ngay trong đời sống hiện tại.

Ví như, khi chúng ta phát tâm quy y Tam bảo, tu tập các thiện pháp như năm giới, mười giới, bốn mươi pháp thiện, cho đến tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu, thì có thể thọ quả lành ngay trong đời sống hiện tại.

Với sự tu học ấy, nếu chúng ta sống trong một gia đình thì được những người trong gia đình thương yêu và quý trọng; nếu sống trong một tổ chức thì được những người trong tổ chức ấy thương yêu và quý trọng; nếu tu học trong một tu viện hay một ngôi chùa thì được thầy tổ, huynh đệ, chị em thương yêu và quý trọng. Đây chính là nhân thiện dẫn sinh quả vui trong đời hiện tại, gọi là **hiện báo**.

Ngược lại, nếu chúng ta tạo tác các nghiệp bất thiện như năm bất thiện pháp, mười bất thiện pháp và bốn mươi bất thiện pháp thì có thể thọ quả khổ ngay trong đời sống hiện tại.

Với những nghiệp bất thiện ấy, nếu sống trong một gia đình thì không được những người trong gia đình thương yêu và quý trọng; nếu sống trong một tổ chức thì không được mọi người trong tổ chức ấy thương yêu và quý trọng. Đây chính là nhân bất thiện dẫn sinh quả khổ trong đời hiện tại, gọi là **hiện báo**.

**b. Sinh báo:** Là loại nghiệp nhân được tạo ra trong đời này nhưng phải đến đời sau mới thọ quả.

Với đời hiện tại này, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn, tức Khổ đế. Tập đế chính là vô minh, tham ái, chấp thủ.

Chính vô minh, ái và thủ đã y vào quả hiện tại (năm thủ uẩn) chấp làm thực ngã, là nguyên nhân tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Khi ấy, thức thứ tám liền lưu giữ tất cả các loại nghiệp đó, gọi là *hữu* hay *hữu chi tập khí*.

Khi chúng ta xả bỏ báo thân, các căn bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không còn tập khởi. Lúc đó, chính hữu (chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ trong thức thứ tám) làm nhân dẫn thức A-lại-da vào trong các giới loại (tùy từng quốc độ), hình thành danh sắc (năm thủ uẩn). Đây chính là ý nghĩa nhân và quả của **sinh báo**.

**c. Hậu báo:** Là những loại nghiệp nhân được tạo ra trong đời này nhưng phải đến các đời sau nữa mới thọ quả báo.

Với đời hiện tại, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn, tức Khổ đế. Tập đế chính là vô minh, tham ái và chấp thủ.

Chính vô minh, ái và thủ đã y vào quả hiện tại (năm thủ uẩn) chấp làm thực ngã, là nguyên nhân tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Khi ấy, thức thứ tám liền lưu giữ tất cả các loại nghiệp đó, gọi là *hữu* hay *hữu chi tập khí*. Trong những nghiệp nhân ấy, có những nghiệp nhân không dẫn sinh quả thuộc về hiện báo và sinh báo, mà phải đợi đến các đời sau nữa mới thành quả. Đây chính là nhân và quả của **hậu báo**.

Chính vì thế, chúng ta, những người xuất gia và những người cư sĩ tại gia đang tu học, cần phải hiểu và tin sâu nhân quả. Bởi vì đây là một sự thật vốn luôn hiện hữu.

## II. NGHIỆP BÁO

Chính vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, là nguyên nhân tạo tác những nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Tùy theo những nghiệp nhân này sẽ dẫn sinh quả vui, hoặc quả khổ thuộc hiện báo, sinh báo và hậu báo.

Trong Trung A-hàm, Kinh *Anh Vũ*, số 170, Đức Phật dạy: *“Chúng sanh kia do nơi hành nghiệp của chính mình, nhân bởi nghiệp mà thọ báo, duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp, tùy theo nơi nghiệp xứ có cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp.”*

Theo bài tụng trong *Câu-xá-luận*, trang 305 - 306, do Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, nói rằng:

*“Thế biệt do nghiệp sinh*

*Tư và tư sở tác.*

*Tư tức nghiệp thuộc ý.*

*Sở tác tức thân ngữ.*

*Sự sai biệt đa dạng của thế gian là sản phẩm bởi nghiệp; đó là tư và sở tác bởi tư. Tư chính là ý nghiệp; sở tác bởi tư là thân và ngữ nghiệp.*

*Như kinh nói, “Có hai loại nghiệp: nghiệp là tư, và nghiệp sau khi tư. Nghiệp sau khi tư là nghiệp được thực hiện bởi tư.*

*Hai loại nghiệp như vậy được phân tích thành ba: thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp của hữu tình.”*

## 1. Định nghĩa

Nghiệp là gì? Ý thức của mỗi chúng ta nhận thức, tư duy và quyết định đối với các sở duyên (đối tượng) là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Từ sự nhận thức, tư duy và quyết định của ý thức, phát động qua lời nói của miệng (khẩu nghiệp) và hành động của thân (thân nghiệp), nên gọi là Tam nghiệp.

Hoặc cũng có thể nói: nghiệp chính là những hành động của thân, lời nói của miệng được tác ý hay cố ý từ tâm.

Theo *Duy Thức*, thức gồm có tám thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, thức thứ sáu, thức thứ bảy và thức thứ tám.

Về tính chất của tám thức, thức thứ tám là vô phú vô ký; thức thứ bảy là hữu phú vô ký; còn sáu thức còn lại có ba tính: thiện, bất thiện và vô ký.

Trong tám thức, chỉ có hai thức chấp ngã là thức thứ sáu và thức thứ bảy. Các thức còn lại không có sự chấp ngã, bởi vì thức thứ tám là vô phú vô ký; còn tiền ngũ thức (một hoặc vài sát-na đầu) không có tư lự.

Trong hai thức có sự chấp ngã, thức thứ bảy chỉ chấp ngã nội tại và có tính hữu phú vô ký; còn thức thứ sáu chấp ngã ngoại tại và có đủ ba tính: thiện, bất thiện và vô ký.

Ngoài ra, trong tám thức, chỉ có thức thứ sáu là thức có khả năng nhận thức thông tất cả pháp.

Vì vậy, *Luận Câu Xá* nói rằng: *“Tư chính là ý nghiệp”*, tức là thuộc về thức thứ sáu.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Đại Nghiệp*, số 171, Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng: *“Nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tác đã thành, Ta nói không có việc không thọ báo, hoặc hiện tại thọ báo, hoặc đời sau thọ báo. Nếu không cố ý tạo tác nghiệp, khi tác đã thành, Ta không nói chắc chắn phải thọ báo.”*

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Tư*, số 15, Đức Phật dạy: *“Nếu có kẻ nào cố ý tạo nghiệp, Ta nói rằng kẻ ấy phải thọ lấy quả báo, hoặc thọ ngay trong đời hiện tại, hoặc thọ vào đời sau. Nếu tạo nghiệp mà không cố ý, Ta nói rằng người ấy không nhất thiết phải thọ quả báo. Ở đây, thân cố ý tạo ba nghiệp bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ khổ quả. Miệng có bốn nghiệp, ý có ba nghiệp bất thiện, đưa đến khổ báo, thọ khổ quả.”*

## 2. Phân loại nghiệp

### a. Thiện nghiệp

Nếu chúng ta an trụ trong Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và chánh tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) thì sẽ dẫn sinh Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng. Đây gọi là thiện nghiệp.

Trong *Trung A-hàm*, Kinh *Si Tuệ Địa*, số 199, do Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy: *“Thế nào là pháp trí tuệ? Người trí tuệ có ba sự kiện: sự tương, tiêu thức và ấn tượng trí tuệ. Tức là người đã thành tựu trí tuệ nên nói là trí tuệ.”*

*Những gì là ba? Người trí tuệ suy nghĩ với ý nghĩ thiện, nói lời nói thiện và làm việc thiện. Vì là người trí tuệ nên được nói là trí tuệ vậy.*

*Nếu kẻ trí chẳng nghĩ điều thiện, không nói lời thiện và không làm việc thiện, thì người trí làm sao biết được họ là trí? Vì người có trí tuệ nghĩ thì nghĩ thiện, nói thì nói thiện và làm thì làm thiện nên người có trí được nói là kẻ trí”.*

*“Lại nữa, người trí kia hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành. Người ấy sau khi hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, tất đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Kẻ kia đã sanh lên đó rồi, cảm thọ quả báo lành, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý, khả niệm. Nếu ai nghĩ rằng: ‘Nơi nào hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý, khả niệm, nơi đó được nói là thiện xứ.’ Vì sao? Vì chốn lành kia, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý, khả niệm”.*

*Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo rời chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai bên phải chấp tay hướng về Phật mà bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, thiện xứ là thế nào?”*

*Thế Tôn đáp: “Này Tỳ-kheo, thiện xứ thì không thể nói hết được, nghĩa là nói về sự hoan lạc nơi thiện xứ. Chỉ có thể nói rằng nơi thiện xứ chỉ có hoan lạc”.*

*Tỳ-kheo lại hỏi: “Bạch Thế Tôn, xin Ngài có thể dùng ví dụ để dễ hiểu nghĩa ấy chăng?”*

*Thế Tôn đáp: “Cũng có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy. Ví dụ Chuyển luân vương thành tựu bảy báu và bốn như ý túc của loài người. Này Tỳ-kheo, ý người nghĩ sao? Chuyển luân vương kia thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn*

*như ý tức của loài người, nơi vua kia nhân đó thân tâm có lãnh thọ hỷ lạc cùng cực chăng?”*

*Tỳ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn, nếu ai thành tựu được một như ý tức loài người còn lãnh thọ hỷ lạc cùng cực, huống nữa là chuyển luân vương thành tựu hết bảy báu và bốn như ý tức loài người, há chẳng phải là lãnh thọ hỷ lạc cùng cực đó sao?”*

*Bấy giờ, Thế Tôn tay cầm viên đá nhỏ bằng hạt đậu hỏi Tỳ-kheo: “Người thấy viên đá nhỏ bằng hạt đậu mà Ta cầm trong tay chăng?”*

*Tỳ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn, có thấy”.*

*Thế Tôn lại hỏi: “Tỳ-kheo, ý ông nghĩ sao? Viên đá nhỏ như hạt đậu mà Ta cầm đây đem so với Tuyết sơn vương cái nào lớn hơn?”*

*Tỳ-kheo đáp: “Bạch Thế Tôn, viên đá nhỏ như hạt đậu mà Thế Tôn cầm đó đem so với Tuyết sơn vương thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm gấp ngàn, gấp vạn lần không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể so sánh được, chỉ nói là Tuyết sơn vương rất lớn, quá lớn thôi”.*

*Thế Tôn lại bảo: “Nếu viên đá nhỏ như hạt đậu mà Ta cầm đây đem so với Tuyết Sơn Vương, nó thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm gấp ngàn, gấp vạn lần, trọn không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể ví dụ được, chỉ nói là Tuyết Sơn Vương rất lớn, quá lớn thôi. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, nếu Chuyển luân vương đã thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn như ý tức, nơi vua kia thân tâm cảm thọ hỷ lạc cùng cực; đem so sánh với hỷ lạc ở cõi trời, nó thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm gấp ngàn vạn lần, không thể so*

*sánh kịp, không thể tính toán, không thể ví dụ được. Nghĩa là hoan lạc nơi thiện xứ, chỉ hoàn toàn hoan lạc thôi”.*

*“Tỳ-kheo, thế nào là sự hoan lạc nơi thiện xứ? Có thiện thiện xứ gọi là sáu xúc. Chúng sanh sanh vào trong đó, khi đã sanh đến đó rồi, hoặc sắc được thấy bởi sắc, mắt, khả hỷ, khả ý, khả niệm, ý nhuần ái, ý thiện lạc, thì đó là thiện xứ. Tiếng được nghe nơi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, sự xúc chạm nơi thân, pháp được biết bởi ý; khả hỷ, khả lạc, khả ý, khả niệm, ý nhuần ái thì đó là nhuần ái, ý thiện lạc thì đó là thiện lạc. Như vậy gọi là sự hoan lạc ở thiện xứ”.*

*“Này Tỳ-kheo, Ta đã dùng vô số phương tiện để nói về thiện xứ, nói sự việc ở nơi thiện xứ cho các người nghe. Song sự hoan lạc nơi thiện xứ kia không thể nào nói hết được. Chỉ nói là nơi thiện xứ hoàn toàn chỉ có hoan lạc mà thôi”.*

*“Này Tỳ-kheo, nếu người trí tuệ kia, có khi từ thiện xứ sanh xuống, hoặc sanh nhằm nhà rất giàu sang, tiền tài vô số, nuôi nhiều tôi tớ và súc mục, phong hộ, thực ấp, thóc lúa đầy đủ và biết bao các thứ nhu dụng sinh tồn khác. Họ là người hạng nào? Là nhà đại trưởng giả cư sĩ, nhà trưởng giả dòng Sát-lị, nhà trưởng giả dòng Bà-la-môn và các nhà đại phú gia khác, tiền của vô số, nuôi nhiều tôi tớ và súc mục, phong hộ thực ấp, thóc lúa đầy đủ, và biết bao các thứ nhu dụng sinh tồn khác. Sanh nhằm nhà như vậy, đoan chánh, khả ái, nhiều người kính thuận, danh vang cùng khắp, có oai đức lớn, nhiều người kính mến, nhiều người nhắc đến. Rồi người ấy lại hành thân diêu hành, khẩu và ý diêu hành. Sau khi hành thân diêu hành,*

*khẩu và ý diệu hành rồi, do nhân duyên đó khi thân hoại mạng chung trở lại thiên xứ, sanh lên thiên giới”*

## **b. Ác nghiệp**

Nếu chúng ta an trụ trong tà định (tà tinh tấn, tà niệm và tà định) và tà tuệ (tà kiến, tà tư duy) thì sẽ dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng. Đây gọi là bất thiện nghiệp.

Trong *Trung A-hàm, Kinh Kinh Sĩ Tuệ Địa, số 199*, do Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy: *“Thế nào là pháp ngu si? Người ngu si có ba: sự tương, tiêu thức ngu si và ấn tượng ngu si. Tức là người thành tựu sự ngu si thì nói là ngu si.*

*Những gì là ba? Người ngu si suy tư bằng tư niệm ác, nói bằng lời nói ác, và làm việc ác. Do đó, người ngu si được gọi là ngu si. Nếu người ngu si không suy nghĩ ý nghĩ ác, không nói lời nói ác, và không làm việc ác, như vậy thì làm sao người ngu si được nói là ngu si? Vì người ngu si suy nghĩ ý nghĩ ác, nói lời nói ác và làm việc làm ác, cho nên người ngu si được nói là ngu si”.*

Trong *Trung A-hàm, kinh Anh Vũ, số 170*, Đức Phật đã dạy cụ thể về những nghiệp nhân để dẫn sinh nghiệp quả như sau: *“Bạch Cù Đàm, do nhân gì, do duyên gì, chúng sanh kia đều thọ thân người mà có người cao kẻ thấp, có người đẹp kẻ xấu. Vì sao vậy? Bạch Cù Đàm, tôi thấy có kẻ sống lâu, người chết yếu; có kẻ nhiều bệnh, người ít bệnh; lại thấy có kẻ thân hình đoan chánh, có người không đoan chánh; lại thấy có kẻ có oai đức, người không oai đức; lại thấy có kẻ sanh nhằm dòng dõi tôn quý, có người*

*sanh nhằm dòng dõi ti tiện; lại thấy có kẻ giàu có, có người nghèo hèn; lại thấy có kẻ thiện trí, có người ác trí.*

*Đức Thế Tôn trả lời:*

*Chúng sanh kia do nơi hành nghiệp của chính mình, nhân bởi nghiệp mà thọ báo, duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp, tùy theo nơi nghiệp xứ có cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp.*

*Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch Thế Tôn rằng:*

*Sa-môn Cù-Đàm nói vẫn tắt quá, không phân biệt một cách rộng rãi, tôi không thể hiểu hết được. Mong Sa-môn Cù-Đàm nói một cách rộng rãi cho tôi nghe để tôi được hiểu rõ ý nghĩa.*

*Đức Thế Tôn bảo:*

*Này Ma-nạp, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt một cách rộng rãi cho ông nghe.*

*Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch: Kính vâng, tôi xin vâng lời lắng nghe. Đức Phật nói:*

*Này Ma-nạp, do nhân gì, do duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất ngắn ngủi?*

*Nếu có kẻ nam hay người nữ nào sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu, ý nghĩ ác hại, không có tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh, cho đến các loài côn trùng. Người ấy lãnh thọ nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian, tuổi thọ rất ngắn ngủi.*

*Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự đoản thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ sát sanh, hung*

*dữ, cực ác, uống máu. Nay Ma-nạp, nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

*Nay Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất dài?*

*Nếu có kẻ nam hay người nữ nào xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát, bỏ hẳn dao gậy, có tâm từ, có tâm quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng. Người ấy thọ nghiệp này, tạo tác nghiệp ấy đầy đủ rồi đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, thọ mạng rất dài.*

*Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự trường thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát. Nay Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

*Nay Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ đa phần có tật bệnh?*

*Nếu có kẻ nam hay người nữ nhiều hại chúng sanh; người ấy hoặc nắm tay, hoặc dùng cây đá, hoặc dùng dao gậy nhiều hại chúng sanh. Người ấy thọ nghiệp này, tạo thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, chịu nhiều tật bệnh. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến chỗ chịu nhiều bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào nhiều hại chúng sanh. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

*Nay Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có tật bệnh?*

*Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không nhiều hại chúng sanh, người ấy không dùng tay nắm, không dùng cây đá, không dùng dao gậy nhiều hại chúng sanh. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, không có tật bệnh.*

*Vì sao vậy? Con đường này đưa đến hưởng thọ không tật bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào nhiều hại chúng sanh. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

*Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình không đoan chánh?*

*Nếu có kẻ nam hay người nữ mà tánh nóng nảy, hay bực dọc, vừa nghe chút ít đã nổi cơn giận dữ, nổi ganh ghét mà sanh lo buồn, nổi thịnh nộ tranh chấp. Người ấy thọ lấy nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, hình thể không đoan chánh.*

*Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể không đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào tánh nóng nảy, hay bực dọc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

*Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình đoan chánh?*

*Nếu có kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không hay bực dọc, người ấy nghe lời nói êm ái hay thô bỉ cực cần không nổi cơn giận dữ, không ganh ghét*

*sanh ra buồn rầu, không nổi thịnh nộ tranh chấp. Người ấy thọ nghiệp, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời lại sanh vào nhân gian, hình thể đoan chánh.*

*Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không nhiều bực dọc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

*Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có oai đức?*

*Nếu có kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố; người ấy thấy kẻ khác được cung kính, cúng dường liền sanh lòng tật đố; nếu thấy kẻ khác có của thì muốn làm sao của ấy được về mình. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào trong nhân gian, không có oai đức.*

*Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

*Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có oai đức lớn?*

*Nếu có kẻ nam hay người nữ không ôm lòng tật đố, người ấy thấy kẻ khác được cung kính cúng dường không sanh lòng tật đố. Nếu thấy kẻ khác có của, không có lòng ham muốn của ấy được về ta. Người ấy tạo nghiệp này,*

*tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, có oai đức lớn.*

*Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không ôm lòng tật đố. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

*Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh vào dòng dõi ti tiện?*

*Nếu có kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, ngã mạn, người đáng cung kính thì không cung kính, đáng tôn trọng thì không tôn trọng, đáng quý thì không quý, đáng phụng thờ thì không phụng thờ, đáng cúng dường thì không cúng dường, đáng nhường lối thì không nhường lối, đáng nhường chỗ ngồi thì không nhường chỗ ngồi, đáng chấp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì không chấp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, sanh nhằm dòng dõi ti tiện.*

*Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhằm dòng dõi ti tiện, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, đại mạn. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

*Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh nhằm dòng dõi tôn quý?*

*Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không có lòng kiêu ngạo, đại mạn, người đáng cung kính thì cung kính, đáng tôn trọng thì tôn trọng, đáng quý thì quý, đáng phụng thờ thì phụng thờ, đáng cúng dường thì cúng dường, đáng*

*nhường lối thì nhường lối, đáng nhường chỗ thì nhường chỗ, đáng chấp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì chấp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian nhằm dòng dõi tôn quý.*

*Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhằm dòng dõi tôn quý, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không kiêu ngạo, đại mạn. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

*Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có của cải?*

*Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không làm thí chủ, không thực hành bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, cho kẻ nghèo cùng đơn độc ở xa đến xin những thứ như đồ ăn, thức uống, quần áo, chăn mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và sai dịch. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, không có của cải.*

*Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không biết làm người thí chủ, không thực hành bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

*Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có nhiều của cải?*

*Nếu có kẻ nam hay người nữ nào biết làm người thí chủ, biết thực hành bố thí. Người ấy bố thí cho Sa-môn,*

*Bà-la-môn và kẻ nghèo cùng, cô độc từ xa tới xin những thứ như đồ ăn, thức uống, áo quần, chăn mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và sai dịch. Người ấy thọ nhận nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, có nhiều của cải.*

*Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có nhiều của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào làm người chủ bố thí, biết thực hành hạnh bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

*Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ kém cỏi?*

*Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không thường đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn danh đức, người ấy không thường đến nơi đó hỏi đạo nghĩa rằng: Thừa Chư Tôn, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là không tội? Thế nào là vi diệu, thế nào là không vi diệu? Thế nào là trắng? Thế nào là đen? Trắng đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại như thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai như thế nào? Ý nghĩa quả báo hậu thế là người hay bố thí như thế nào?*

*Giả sử có hỏi nhưng không chịu thực hành. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ kém cỏi.*

*Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo trí tuệ kém cỏi, nghĩa là kẻ nam hay người nữ ấy không có*

thường đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ tốt đẹp?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn danh đức, người ấy thường đến nơi ấy mà hỏi đạo nghĩa rằng: Thừa Chư Tôn, thế nào là nghiệp thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là tội? Thế nào là không tội? Thế nào là vi diệu, thế nào là không vi diệu? Thế nào là trắng? Thế nào là đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại là thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai là thế nào? Ý nghĩa quả báo hậu thế như thế nào? Hỏi xong lại thường thực hành. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời, mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ tốt đẹp.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có trí tuệ tốt đẹp, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Ma-nạp nên biết, tạo tác nghiệp tương xứng với đoán thọ, tất chịu đoán thọ. Tạo nghiệp tương xứng với trường thọ, tất được trường thọ. Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều tật bệnh, tất phải chịu nhiều tật bệnh. Tạo tác nghiệp tương xứng với ít tật bệnh, tất được ít tật bệnh. Tạo tác nghiệp tương xứng với sự không đoan chánh, tất phải thọ sự không đoan chánh. Tạo tác nghiệp tương xứng với đoan chánh, tất được đoan chánh. Tạo tác nghiệp

*tương xứng với không oai đức, tất phải chịu không oai đức. Tạo tác nghiệp tương xứng với oai đức, tất được oai đức. Tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi ti tiện, tất phải sanh nhằm dòng dõi ti tiện. Tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi tôn quý, tất được sanh vào dòng dõi tôn quý. Tạo tác nghiệp tương xứng với không của cải, tất bị không của cải. Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều của cải, tất được nhiều của cải. Tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ kém cỏi, tất bị trí tuệ kém cỏi. Tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ tốt đẹp, tất được trí tuệ tốt đẹp.*

*Này Ma-nạp, đó là những điều Ta đã nói từ trước rằng: Chúng sanh do hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà thọ báo, duyên nơi nghiệp, tùy theo nghiệp xử cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp”.*

### **c. Vô ký nghiệp**

Theo *Câu-xá-luận*, trang 287-288, do Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, đã giải thích về vô ký nghiệp như sau:

*“Ngoài thiện nghiệp và bất thiện nghiệp còn có nghiệp vô ký không dẫn đến quả dị thục. Nói theo nghĩa rộng thì tất cả ba nghiệp thân, ngữ và ý đều có đủ ba tính chất thiện, bất thiện và vô ký. Phật không nói đến nghiệp vô ký vì chỉ nhắm đến mục đích giải thoát. Các bộ nhắm giải thích luôn cả những hiện tượng sinh hoạt thường nhật, như đi đứng, các thao tác luyện tập, không bị thúc đẩy bởi tham, sân, si hay vô tham, vô sân, vô si. Hoặc định nghĩa theo A-tỳ-đàm Tâm Luận: “Nghiệp tác động bởi tư tương ưng với tâm thiện gọi là nghiệp thiện; với tâm bất thiện*

*được gọi là nghiệp bất thiện; với tâm vô ký được gọi là nghiệp vô ký”. Luận này cũng nói rõ, thân biểu vô ký, thân bị tác động bởi tâm vô ký như các hoạt động đi, đứng, nằm, ngồi; hay công xảo xử là các hoạt động có tính chất kỹ thuật hay nghệ thuật.*

*Những hành vi như đi, đứng, nằm, ngồi, nếu liên hệ đến các nghiệp đạo thì không thể gọi là oai nghi lộ. Như bước đi với mục đích sát sanh hay trộm cắp; đi như vậy là gia hành của nghiệp đạo bất thiện về sát hoặc trộm. Công xảo xử cũng vậy, luyện võ công với mục đích giết người hay để hành nghề cướp bóc; những thao tác này là gia hành của nghiệp đạo sát và trộm cướp. Hoặc như vẽ tranh hay tạc tượng Phật với tâm cung kính, mục đích để thờ phụng chứ không phải để trang trí; những thao tác này thuộc diệu hành. Nếu luyện tập võ nghệ với mục đích dưỡng sinh, hoặc vẽ hay tạc tượng Phật để trang trí hay buôn bán đổi chác, những thao tác này hoặc thuộc oai nghi lộ, hoặc công xảo xử; chúng thuộc loại vô ký.”*

### **3. Các loại nghiệp dẫn sinh khi chết**

Trong *Trung A-hàm*, Kinh *Đại Phân Biệt Nghiệp*, Đức Phật dạy: “Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Ấy là nếu trước kia nó đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự

không xả ly, không thủ hộ, cho nên ở trong đời hiện tại họ thọ báo xong, họ sanh về nơi đó (cõi lành). Hoặc do hậu báo cho nên người kia không vì nhân này, không vì duyên này mà thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do xả ly và thủ hộ nên chưa tiêu hết, cần phải thọ báo ở chốn lành; kia do nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc khi chết khởi các tâm, và tâm sở hữu pháp thuộc thiện tương ưng với Chánh kiến; kia nhờ nhân này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy”.

“Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Người ấy do trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do sự xả ly, thủ hộ cho nên ở trong đời hiện tại họ thọ báo xong, cho nên sanh về nơi đó. Hoặc do bởi hậu báo cho nên họ không vì nhân này, duyên này mà thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do không xả ly và không thủ hộ nên chưa tiêu hết, phải thọ báo ở địa ngục; họ do nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc khi chết sanh tâm và các tâm sở hữu pháp bất thiện tương ưng với tà kiến, do nhân này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy”.

*“Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Kia do chính nhân này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ mà chưa tiêu hết, nên phải thọ báo ở địa ngục; kia do nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc khi chết sanh các tâm và tâm sở hữu pháp bất thiện tương ưng với tà kiến, kia do nhân này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy”.*

*“Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Kia nhờ chính nhân này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, nhờ có xả ly, có thủ hộ mà chưa tiêu hết, phải được thọ báo thiện; kia nhờ nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc đến lúc chết sanh các tâm và tâm sở hữu pháp thiện tương ưng với Chánh kiến, kia do nhân này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy”.*

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Già-di-ni*, số 17, do Hòa Thượng Tuệ Sỹ viết dịch, Đức Phật dạy:

*Già-di-ni, con trời A-tu-la bạch Phật rằng:*

*“Bạch Thế Tôn, các người Bà-la-môn tự cao, thờ chùng ấy trời. Họ cho rằng, nếu có chúng sanh nào mạng chung, họ có thể làm cho tự do qua lại các thiện xứ, sanh lên cõi trời. Thế Tôn là Pháp chủ, mong Thế Tôn làm cho chúng sanh khi mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời”.*

*Thế Tôn bảo rằng:*

*“Này Già-di-ni, nay Ta hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Già-di-ni, ý ông nghĩ thế nào? Nếu ở trong thôn ấp, hoặc có kẻ nam, người nữ biếng nhác, không tinh tấn, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện, là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Người ấy khi mạng chung, nếu có số đông người đến, thấy đều chấp tay hướng về người đó kêu gọi, van lơn, nói như thế này: ‘Các người, nam hoặc nữ, biếng nhác, không siêng năng, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm nói dối, cho đến tà kiến. Mong các người nhân việc này, duyên việc này, khi thân hoại mạng chung tất đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời’. Như vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ biếng nhác kia, không siêng năng, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến; có thể nào vì được số đông người đều đến chấp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà lúc thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời không?”*

*Già-di-ni thưa rằng:*

*“Không thể được, bạch Thế Tôn”. Phật khen rằng:*

*“Lành thay, Già-di-ni, vì sao thế? Những người nam hay nữ kia, biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Nếu được số đông người đến chấp tay hướng về chúng, mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy khi thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ sanh lên cõi trời. Việc đó không thể có.*

*“Này Già-di-ni, cũng như cách thôn không bao xa, có vực nước sâu, nơi đó có một người ôm tảng đá lớn và nặng ném vào trong nước. Nếu có số đông người đến đều chấp tay hướng về tảng đá mà kêu gọi van lơn, nói như thế này: ‘Mong tảng đá nổi lên, mong tảng đá nổi lên’. Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Tảng đá lớn nặng ấy có thể nào vì được số đông người đến đều chấp tay hướng về nó và kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà sẽ nổi lên không?”*

*Già-di-ni trả lời rằng:*

*“Không thể được, bạch Thế Tôn!”*

*“Cũng vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia biếng nhác, không tinh tấn, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, nếu được số đông người đến đều chấp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà lúc thân hoại mạng chung, được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; điều đó không thể có được.*

*“Vì sao thế? Bởi vì mười loại nghiệp đạo bất thiện này vốn đen, có quả báo đen, tự nhiên đi thẳng xuống, chắc chắn đi đến ác xứ.*

*“Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Nếu như trong thôn ấp hoặc có người nam hay nữ, tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, xa lìa lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến xa lìa tà kiến, được Chánh kiến. Người ấy khi mạng chung nếu có số đông người đến đều chấp tay hướng về người đó mà kêu gọi van lơn, nói như thế này: ‘Này các người, nam hoặc nữ, các người đã tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến cũng đều xa lìa, đoạn trừ tà kiến, được Chánh kiến. Các người nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung, hãy đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục’. Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Các người nam nữ kia, tinh tấn siêng tu lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được Chánh kiến. Có thể nào vì bị số đông người đến chấp tay hướng về người đó mà ca ngợi cầu xin, nhân việc đó, duyên việc đó, mà khi thân hoại mạng chung sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục không?”*

*Già-di-ni trả lời rằng:*

*“Không thể được, bạch Thế Tôn!” Thế Tôn khen rằng.*

*“Lành thay, Già-di-ni! Vì sao vậy? Này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia siêng năng tinh tấn, lại thực hành*

điều pháp, thành tựu mười nghiệp thiện đạo là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến đều xa lìa, được Chánh kiến. Nếu được số đông người đến chấp tay hướng về người đó mà kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Điều này không thể có. Vì sao vậy? Nay Già-di-ni, bởi vì mười nghiệp đạo thiện là trắng, có quả báo trắng, tự nhiên thăng lên, chắc chắn đến thiện xứ.

“Nay Già-di-ni, cũng như cách thôn không xa có vực nước sâu, nơi đó có người đem hũ dầu ném vào nước; hũ bị vỡ, sành cặn chìm xuống, dầu bơ nổi lên trên. Cũng vậy, nay Già-di-ni, những người nam hay nữ kia tinh tấn siêng tu, lại thực hành điều pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được Chánh kiến. Người ấy khi mạng chung, thân thể là sắc thô nặng, thuộc về bốn đại, do cha mẹ sanh, nuôi lớn bằng cơm áo, chống dựa khi ngồi nằm, chăm sóc bằng tắm gội, là pháp phá hoại, là pháp diệt tận, là pháp ly tán. Sau khi mạng chung, hoặc chìm qua rửa mổ, hoặc hùm sói ăn, hoặc bị đốt, hoặc bị chôn. Tất cả trở thành cát bụi. Tâm ý thức của người ấy thường được huân tập bởi tín, tinh tấn, đa văn, bố thí, trí tuệ. Người ấy, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà tự nhiên thăng lên cao, sanh đến thiện xứ.

“Nay Già-di-ni, người ấy đối với việc sát sanh, đã xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết. Đó là con đường vườn hoa, con đường thẳng tắn, con đường thiện xứ.

Theo kinh *Đại Phân Biệt Nghiệp*, đức Phật dạy một người khi chết được dẫn bởi các loại nghiệp như sau:

#### **a. Hạng người thứ nhất**

Nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cắp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ nói thô ác, không từ bỏ nói lừa dối chiểu, không từ bỏ nói lời thêu dệt, không từ bỏ tham, không từ bỏ sân và không từ bỏ tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi lành. Quả báo này sẽ được dẫn sinh do từ một trong ba nguyên nhân sau:

1. Khi chết, vị này không y vào nghiệp nhân hiện tại để thọ quả, vì nghiệp nhân hiện tại của vị ấy thọ quả đã hết.

2. Hoặc trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các thiện nghiệp, có những thiện nghiệp đã chín thành quả và có những thiện nghiệp chưa thành quả, chính các thiện nghiệp này là nhân thuộc quả của hậu báo, cho nên khi chết y vào nhân ấy để dẫn sinh về cõi lành.

3. Hoặc khi lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi Chánh kiến nên y vào nhân này để dẫn sinh về cõi lành.

#### **b. Hạng người thứ hai**

Nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cắp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói thô ác, từ bỏ nói lừa dối chiểu, từ bỏ nói lời thêu dệt, từ bỏ tham, từ bỏ sân và từ bỏ tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi xấu.

Quả báo này sẽ được dẫn sinh do từ một trong ba nguyên nhân sau:

1. Khi chết, vị này không y vào nghiệp nhân hiện tại để thọ quả, vì nghiệp nhân hiện tại của vị ấy thọ quả đã hết.

2. Hoặc trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các bất thiện nghiệp, có những bất thiện nghiệp đã chín thành quả và có những bất thiện nghiệp chưa thành quả, chính các bất thiện nghiệp này là nhân thuộc về quả của hậu báo, cho nên khi chết y vào nhân ấy để dẫn sinh về cõi xấu.

3. Hoặc khi lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi tà kiến nên y vào nhân này để dẫn sinh về cõi xấu.

### **c. Hạng người thứ ba**

Nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cắp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ nói thô ác, không từ bỏ nói lừa dối chiểu, không từ bỏ nói lời thêu dệt, không từ bỏ tham, không từ bỏ sân và không từ bỏ tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi xấu. Quả báo này sẽ được dẫn sinh do từ một trong ba nguyên nhân sau:

1. Khi chết, vị này y vào nghiệp nhân hiện tại để dẫn sinh vào cõi xấu.

2. Hoặc trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các bất thiện nghiệp nhưng vì các bất thiện nghiệp đó là nhân thuộc quả của hậu báo, cho nên khi chết dẫn sinh về cõi xấu.

3. Hoặc khi lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi tà kiến nên y vào nhân này dẫn sinh về cõi xấu.

#### **d. Hạng người thứ tư**

Nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cắp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói thô ác, từ bỏ nói lười dối chiều, từ bỏ nói lời thêu dệt, từ bỏ tham, từ bỏ sân và từ bỏ tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi lành. Quả báo này sẽ được dẫn sinh do từ một trong ba nguyên nhân sau:

1. Khi chết, vị này y vào nghiệp nhân hiện tại để dẫn sinh vào cõi lành.

2. Hoặc trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các thiện nghiệp nhưng vì các thiện nghiệp đó là nhân thuộc về quả của hậu báo, cho nên khi chết y vào nhân ấy dẫn sinh về cõi lành.

3. Hoặc khi lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi Chánh kiến nên y vào nhân này để dẫn sinh về cõi lành.

### **III. BÁT CHÁNH ĐẠO LIÊN HỆ VỚI NHÂN QUẢ VÀ NGHIỆP BÁO**

Nhân thiện và quả lạc cùng với nghiệp thiện và quả lạc đều thuộc về ý nghĩa của Bát Chánh đạo. Ngược lại, nhân bất thiện và quả khổ cùng với nghiệp bất thiện và quả khổ đều thuộc về ý nghĩa của bát tà đạo.

### **1. Nhân thiện và quả lạc:**

Khi chúng ta sống với chánh kiến nhận thức về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần; suy tư, quyết định, rồi phát động qua chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, đó chính là tạo nhân thiện. Tùy theo những nghiệp nhân ấy, chúng ta sẽ thọ quả lạc thuộc về hiện báo, sinh báo và hậu báo.

### **2. Nhân bất thiện và quả khổ:**

Khi chúng ta sống với tà kiến nhận thức về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần; suy tư, quyết định, rồi phát động qua tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, đó chính là tạo nhân bất thiện. Tùy theo những nghiệp nhân ấy, chúng ta sẽ thọ quả khổ thuộc về hiện báo, sinh báo và hậu báo.

### **3. Nghiệp thiện và quả lạc:**

Khi chúng ta sống với chánh kiến nhận thức về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần; suy tư, quyết định, rồi phát động qua chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, đó chính là tạo nghiệp thiện. Tùy theo những nghiệp nhân ấy, chúng ta sẽ thọ quả lạc thuộc về hiện báo, sinh báo và hậu báo.

### **4. Nghiệp bất thiện và quả khổ:**

Khi chúng ta sống với tà kiến nhận thức về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần; suy tư, quyết định, rồi phát động qua tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, đó chính là tạo nghiệp bất thiện. Tùy theo những nghiệp

nhân ấy, chúng ta sẽ thọ quả khổ thuộc về hiện báo, sinh báo và hậu báo.

Lời kết: Chính vô minh, tham ái và chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, là nguyên nhân tạo nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Tùy theo những nghiệp nhân này sẽ dẫn sinh quả sinh tử khổ đau trong các giới loại.

Trong tiến trình sinh tử ấy, chúng ta đã từng sinh ra trong các giới loại, nhưng rồi cũng phải dẫn đến già, bệnh và chết vô số lần. Bởi hiểu được điều ấy nên chúng ta mới phát khởi tâm dũng mãnh, tinh tấn tu tập Đạo Thánh đế.

Đạo Thánh đế gồm có hai loại: Đạo Thánh đế hữu lậu và Đạo Thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập Đạo Thánh đế hữu lậu chính là tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế bất thiện (bát tà đạo), nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên trong các giới loại.

Còn tu tập Đạo Thánh đế vô lậu chính là tu tập Bát Chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu để nhận biết như thật về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, nhằm thành tựu Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

## CHƯƠNG BỐN: TÓM LƯỢC NỘI DUNG TẬP SÁCH

### I. CHÁNH KIẾN VĂN TUỆ, TƯ TUỆ, TU TUỆ

#### 1. Chánh kiến văn tuệ

Chúng ta nghe Tứ Thánh Đế từ bậc thiện tri thức, cũng như nghiên cứu Kinh, Luật, Luận thuộc truyền thống Nguyên Thủy và Đại Thừa. Đây chính là chánh kiến văn tuệ.

#### 2. Chánh kiến tư tuệ

Từ chánh kiến văn tuệ, chúng ta tư duy về Tứ Thánh Đế để hiểu rõ hơn. Đây chính là chánh kiến tư tuệ.

#### 3. Chánh kiến tu tuệ

Từ chánh kiến của văn tuệ và tư tuệ sẽ dẫn sinh chánh kiến của tu tuệ. Chánh kiến tu tuệ gồm có hai loại: chánh kiến tu tuệ hữu lậu và chánh kiến tu tuệ vô lậu.

##### 3.1 Chánh kiến tu tuệ hữu lậu

Hành giả sống trong chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

Chánh kiến tu tuệ hữu lậu chính là chánh kiến từ nhân tính đến thiên tính. Trong đó, thiên tính gồm có: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

##### 3.2 Chánh kiến tu tuệ vô lậu

Các bậc thánh sống trong chánh kiến vô lậu để tu tập các thiện pháp qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

Chánh kiến tu tuệ vô lậu chính là chánh kiến từ bậc thánh Sơ quả cho đến quả vị Phật.

## **II. TỨ THÁNH ĐẾ**

Tứ Thánh Đế gồm: Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế.

### **1. Khổ Đế**

Khổ Đế bao gồm: sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tăng hội khổ. Tóm lại, Khổ Đế chính là năm thủ uẩn của mỗi chúng ta.

### **2. Tập Đế**

Tập Đế chính là vô minh, tham ái và chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, là nguyên nhân tạo nghiệp, làm nhân dẫn đến quả khổ đau.

### **3. Diệt Đế**

Diệt Đế là Niết-bàn. Đức Phật dạy rằng tất cả chúng sinh hữu tình vốn có tâm vô lậu. Ngài cũng dạy rằng vô lậu chính là Niết-bàn.

### **4. Đạo Đế**

Đạo Đế bao gồm 37 pháp, trong đó Bát Chánh Đạo là giáo pháp tối thượng, vì nó thấu tóm tất cả Đạo Đế còn lại. Bát Chánh Đạo được chia thành hai loại: Bát Chánh Đạo hữu lậu và Bát Chánh Đạo vô lậu. Bát Chánh Đạo gồm có: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, và Chánh định.

#### **4.1 Tu tập Bát chánh đạo**

### **a. Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu**

Tu tập Bát chánh đạo chính là tu tập giới – định – tuệ. Giới – định – tuệ chính là thân và tâm của mỗi chúng ta. Tâm bao gồm năm chi: chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định và phân thành hai nhóm định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ (chánh kiến, chánh tư duy). Còn thân bao gồm ba chi là chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng và được gom chung thành nhóm giới.

Vì vậy, chúng ta sống trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ (chánh kiến, chánh tư duy) nên dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng).

Nhờ chúng ta sống với giới, định, tuệ tu tập nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế bất thiện (bát tà đạo) nên dẫn sinh sự an lạc của thân và tâm.

### **b. Tu tập Bát chánh đạo vô lậu**

Khi hành giả Kiến đạo, tức lãnh hội được Chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì sẽ bắt đầu tu tập Bát Chánh đạo vô lậu. Tâm vô lậu là định – tuệ đồng thời. Vì vậy, các bậc Thánh nhân sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định vô lậu) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy vô lậu), nên dẫn sinh giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng).

### **c. Tu tập Bát chánh đạo chính là tu tập giới - định - tuệ**

Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Còn tu tập Bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu.

Vì vậy, nếu y vào ý nghĩa của Bát Chánh đạo, thì chúng ta hiểu rằng tất cả giới luật do Đức Phật thiết lập đều thuộc về Đạo Thánh Đế. Chẳng hạn, năm giới của người cư sĩ tại gia: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm thuộc về chánh nghiệp; không nói dối thuộc về chánh ngữ; không uống rượu và các chất gây nghiện thuộc về chánh mạng.

Tương tự, trong mười điều thiện: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm thuộc về chánh nghiệp; không nói dối, không nói lời thô ác, không nói lưỡi hai chiều (ly gián), không nói lời thêu dệt thuộc về chánh ngữ; không tham, không sân, không si thuộc về chánh định và chánh tuệ.

#### **d. Tu tập Bát chánh đạo chính là tu tập Tứ vô lượng tâm**

Tứ vô lượng tâm chính là tâm từ, tâm bi, tâm hỷ và tâm xả.

Hành giả sống với định – tuệ để quán sát Khổ Đế - Tập Đế của chính mình và tất cả chúng sinh, từ đó dẫn sinh tâm từ.

Từ tâm từ, tiếp tục dẫn sinh tâm bi, và tâm bi được biểu hiện cụ thể qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

Hành giả sống với giới – định – tuệ nên dẫn sinh tâm hỷ và tâm xả.

#### **e. Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu liên hệ với Tứ thánh quả**

##### **e.1 Thánh quả Tu-đà-hoàn (Thất lai)**

Khi hành giả Kiến đạo, tức lãnh hội được Chánh kiến vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc Thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai.

## **e.2 Thánh quả Tư-đà-hàm (Nhất lai)**

Bậc Thánh Tư-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong Chánh kiến vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham, sân và si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên thành tựu quả vị Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai.

## **e.3 Thánh quả A-na-hàm (Bất lai)**

Bậc Thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong Chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ được năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc Thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai.

Hàng thánh A-na-hàm gồm có năm hạng: Trung bát-niết-bàn, Sanh bát Niết-bàn, Vô hành bát-niết-bàn, Hữu hành bát-niết-bàn, Thượng lưu bát-niết-bàn.

## **e.4 Thánh quả A-la-hán (Vô học)**

Bậc Thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong Chánh kiến vô lậu tu tập để nhận biết như thật về Khổ đế, đoạn tận Tập đế nên đạt được Niết-bàn, tức thành tựu quả vị A-la-hán.

Hàng thánh giả A-la-hán gồm có hai hạng: A-la-hán Tuệ giải thoát và A-la-hán Câu phần giải thoát.

Các bậc Thánh như Tư-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm chưa đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng) nên thuộc hàng Hữu học. Còn bậc Thánh A-la-hán đã đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng) nên thuộc hàng Vô học.

Cho nên, trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*, số 189, Đức Phật dạy: “*Bậc Thánh Hữu học thành tựu tám chi phần Bát*

*Chánh đạo; còn bậc Thánh Vô học thành tựu mười chi, thêm hai chi nữa là Chánh giải thoát và Chánh trí”.*

## **4.2. Tứ Niệm Xứ**

Tứ niệm xứ gồm niệm thân, niệm thọ, niệm tâm và niệm pháp. Trong đó, thân, thọ, tâm, pháp chính là năm thủ uẩn của mỗi chúng ta. Còn các từ như Niệm, Quán, Giác tri chính là ý nghĩa của Bát Chánh Đạo.

Bát Chánh Đạo gồm có hai loại: Bát Chánh Đạo hữu lậu và Bát Chánh Đạo vô lậu. Trong kinh, Đức Phật dạy: "Vô lậu là Niết-bàn."

Vì vậy, Tứ Niệm Xứ chính là ý nghĩa của Tứ Thánh Đế.

Do đó, Đức Phật dạy chúng ta cần phải tu tập Bát Chánh Đạo từ hữu lậu đến vô lậu để điều phục, đoạn trừ thân, thọ, tâm, pháp, tức là nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế.

## **4.3 Tứ Chánh Cần**

Tứ Chánh cần là bốn cách thức tu tập để đoạn trừ những điều bất thiện và phát triển các thiện pháp.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*, Đức Phật dạy về Tứ chánh cần như sau:

1. Để đoạn trừ điều ác đã sanh, khiến cho chúng vĩnh viễn bị đoạn trừ, nên phát khởi ý muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà đoạn trừ.
2. Để điều ác chưa sanh thì khiến cho chúng không thể sanh khởi, nên phát khởi ý muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà đoạn trừ.

3. Để điều thiện chưa sanh thì khiến cho chúng sanh khởi, nên phát khởi ý muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà tu tập.

4. Để điều thiện đã sanh rồi tồn tại, không bị quên, không bị thối thất, càng lúc càng phát triển rộng rãi, tu tập biến mãn đầy đủ, nên phát khởi ý muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà tu tập.

Vì vậy, nội dung của Tứ Chánh Cần chính là Tứ Thánh Đế.

Do đó, Đức Phật dạy chúng ta cần phải tu tập Bát Chánh Đạo hữu lậu cho đến Bát Chánh Đạo vô lậu để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên, Tứ Thánh Quả, và cho đến quả vị Phật.

#### **4.4 Tứ Như Ý túc**

Tứ như ý túc gồm Dục như ý túc, Niệm như ý túc, Tấn như ý túc, Tư duy như ý túc. Trong đó, Dục Như Ý Túc chính là ước muốn tu tập đạt được định tâm nhằm sinh khởi Tứ Thần Túc. Còn Niệm Như Ý Túc và Tấn Như Ý Túc thuộc về nhóm Định. Tư Duy Như Ý Túc thuộc về nhóm Tuệ.

Hành giả sống trong Định và Tuệ nên dẫn sinh Giới, tức chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Vì vậy, hành giả tu tập Bát Chánh Đạo từ hữu lậu đến vô lậu để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, nhằm đạt được định tâm để dẫn sinh Tứ Thần Túc.

#### **4.5 Ngũ Căn và Ngũ Lực**

Ngũ căn gồm Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Ngũ lực gồm Tín lực, Tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.

Trong đó, Tín căn và Tín lực chính là niềm tin của người đệ tử Phật đối với Đức Phật, Giáo Pháp, Tăng và Thánh giới.

Tấn căn và Tấn lực, Niệm căn và Niệm lực, Định căn và Định lực thuộc về nhóm Định. Còn Tuệ căn và Tuệ lực thuộc về nhóm Tuệ.

Hành giả sống trong Định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và Tuệ (chánh kiến, chánh tư duy) nên dẫn sinh Giới (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng).

Hành giả sống với Giới, Định, Tuệ, tu tập để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, cho đến khi Giới, Định, Tuệ được tăng trưởng, kiên cố, đây chính là tu tập Ngũ Căn và Ngũ Lực.

Vì thế, tu tập Ngũ căn và Ngũ Lực chính là tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu để đạt tới Bát Chánh đạo vô lậu, tức thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

#### **4.6 Thất Giác chi**

Thất Giác chi gồm Trạch pháp giác chi, Niệm giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi, Xả giác chi.

Trong đó, Trạch pháp thuộc về nhóm Tuệ, còn Niệm, Tinh Tấn, Định thuộc về nhóm Định.

Hành giả sống trong Định và Tuệ nên dẫn sinh Hỷ, Khinh An và Xả.

Hành giả sống trong Định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và Tuệ (chánh kiến, chánh tư duy) nên dẫn sinh Giới (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng).

Vì vậy, tu tập Thất giác chỉ có nghĩa là tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu để đạt tới Bát Chánh đạo vô lậu, tức thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

#### **4.7 Bát Chánh đạo thấu tóm các Đạo đế, Tứ vô lượng tâm và Tứ nhiếp sự.**

Trong Tập A-hàm, kinh Lục Nhập Xứ số 305, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy: *“Khi tu tập Tám Thánh Đạo đã đầy đủ rồi thì Bốn Niệm Xứ cũng tu tập đầy đủ, và Bốn Chánh Cần, Bốn Như Ý Túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề phần cũng tu tập đầy đủ.”*

Nghĩa là, hành giả sống với định (*chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định*) và tuệ (*chánh kiến, chánh tư duy*) nên dẫn sinh giới (*chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng*).

- Hành giả sống với giới - định - tuệ, tu tập để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, cũng chính là điều phục, đoạn trừ thân, thọ, tâm và pháp, tức bao gồm ý nghĩa của Tứ niệm xứ.
- Hành giả sống với giới - định - tuệ, tu tập để điều phục, đoạn trừ điều ác và phát triển điều thiện, tức bao gồm ý nghĩa của Tứ chánh cần.

- Hành giả sống với giới - định - tuệ, với ước muốn tu tập để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế, nhằm đạt các tầng định tâm và dẫn sinh thần lực, tức bao gồm ý nghĩa của Bốn Như Ý Túc.
- Với tín tâm nơi Tam bảo, hành giả sống với giới - định - tuệ, tu tập để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế. Khi giới - định - tuệ được tăng trưởng, kiên cố, tức bao gồm ý nghĩa của Ngũ Căn và Ngũ Lực.
- Hành giả sống với giới - định - tuệ, tu tập để nhận biết về Khổ đế, đoạn trừ Tập đế nên dẫn sinh hỷ thọ, khinh an và xả, tức bao gồm ý nghĩa của Thất Giác Chi.
- Hành giả sống với giới - định - tuệ, tu tập nên dẫn sinh tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả, tức bao gồm ý nghĩa của Tứ Vô Lượng Tâm.
- Hành giả sống với giới - định - tuệ, tu tập nên dẫn sinh bố thí, ái ngữ, hành lợi, đồng lợi, tức bao gồm ý nghĩa của Tứ Nhiếp Sự.

## 5. Kết Luận Tứ Thánh Đế

Tứ Thánh đế chính là thân tâm của mỗi chúng ta và tương ưng với từng quốc độ. Thân là bốn đại; tâm gồm có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm vô lậu là Niết-bàn.

### III. PHÁP MƯỜI HAI DUYÊN KHỞI

#### 1. Dòng lưu chuyển

Mười hai chi duyên khởi gồm: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão-tử.

Trường phái Hữu Bộ trong Phật giáo đã phối hợp mười hai chi duyên khởi với tam thế lưỡng trùng nhân quả như sau:

- Vô minh và hành thuộc nhân quá khứ.
- Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ thuộc quả hiện tại.
- Ái, thủ, hữu thuộc nhân hiện tại.
- Sinh, lão-tử thuộc quả vị lai.

#### 1.1. Vô minh và hành là nhân quá khứ (Tập đế)

Trong đời quá khứ, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn, tức Khổ đế. Tập đế chính là vô minh và hành. Nghĩa là, vô minh chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, là nguyên nhân tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Khi ấy, thức thứ tám liên lưu giữ tất cả các loại nghiệp đó, gọi là hữu hay hữu chi tập khí.

#### 1.2. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ là quả hiện tại (Khổ đế - năm thủ uẩn)

Trong đời quá khứ, khi chúng ta xả báo thân, các căn dần biến hoại, sáu chuyển thức không còn hoạt động. Khi ấy, chính hữu làm nhân để dẫn thức A-lại-da vào trong thai mẹ, hình thành danh sắc.

Khi thức thứ tám được dẫn vào thai mẹ, trong giai đoạn thai nhi, tối thiểu có bốn thức tồn tại: thức thứ tám (A-lại-da thức), thức thứ bảy (Mạt-na thức), thức thứ sáu (Ý thức) và thân thức. Đến khi em bé chào đời, các căn đã được đầy đủ nên làm điều kiện cho các chuyển thức còn lại tập khởi.

### **1.3. Ái, thủ và hữu là nhân hiện tại (Tập đế)**

Từ đó, ái và thủ lại y vào quả hiện tại (năm thủ uẩn) mà chấp làm thực ngã, là nguyên nhân tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân. Khi ấy, thức thứ tám liên lưu giữ tất cả các loại nghiệp đó, gọi là hữu hay hữu chi tập khí.

### **1.4. Sinh và lão-tử là quả vị lai (Khổ đế - năm thủ uẩn)**

Khi chúng ta xả bỏ báo thân, các căn dần biến hoại, sáu chuyển thức không còn hoạt động. Khi ấy, chính hữu hay hữu chi tập khí làm nhân dẫn thức thứ tám vào các giới loại (tùy từng quốc độ) để hình thành danh sắc. Từ đó, chúng ta cũng sẽ dẫn đến già, bệnh và chết.

## **2. Dòng hoàn diệt**

Chúng ta tu tập bát chánh đạo từ hữu lậu đến vô lậu để nhận biết về khổ đế, đoạn trừ tập đế. Khi tập đế được đoạn trừ hoàn toàn thì đạt được Niết Bàn. Đây là dòng hoàn diệt, tức diệt trừ vô minh để thành tự minh.

## **IV. Bát chánh đạo liên hệ với nhân quả - nghiệp báo**

Nhân thiện và quả lạc cùng với nghiệp thiện và quả lạc đều thuộc về ý nghĩa của Bát Chánh đạo.

Ngược lại, nhân bất thiện và quả khổ cùng với nghiệp bất thiện và quả khổ đều thuộc về ý nghĩa của bát tà đạo.

### **1. Nhân thiện và quả lạc:**

Khi chúng ta sống với chánh kiến nhận thức về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần; suy tư, quyết định, rồi phát động qua chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, đó chính là tạo nhân thiện. Tùy theo những nghiệp nhân ấy, chúng ta sẽ thọ quả lạc thuộc về hiện báo, sinh báo và hậu báo.

### **2. Nhân bất thiện và quả khổ:**

Khi chúng ta sống với tà kiến nhận thức về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần; suy tư, quyết định, rồi phát động qua tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, đó chính là tạo nhân bất thiện. Tùy theo những nghiệp nhân ấy, chúng ta sẽ thọ quả khổ thuộc về hiện báo, sinh báo và hậu báo.

### **3. Nghiệp thiện và quả lạc:**

Khi chúng ta sống với chánh kiến nhận thức về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần; suy tư, quyết định, rồi phát động qua chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, đó chính là tạo nghiệp thiện. Tùy theo những nghiệp nhân ấy, chúng ta sẽ thọ quả lạc thuộc về hiện báo, sinh báo và hậu báo.

### **4. Nghiệp bất thiện và quả khổ:**

Khi chúng ta sống với tà kiến nhận thức về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần; suy tư,

quyết định, rồi phát động qua tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, đó chính là tạo nghiệp bất thiện. Tùy theo những nghiệp nhân ấy, chúng ta sẽ thọ quả khổ thuộc về hiện báo, sinh báo và hậu báo.

## Tài liệu tham khảo

1. *Tiểu Tạng Thanh Văn* do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú.
2. *Luận Thành Duy thức* do Hòa thượng Tuệ sỹ dịch và chú.
3. *Luận Câu-xá* do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú.
4. *Phật Học Khái Luận* của Hòa Thượng Thích Chơn Thiện.
5. *Phật học ứng dụng* của Hòa Thượng Thích Thái Hòa.